

BACH KHOA

năm mười bốn

VIỆT PHƯƠNG *Hoa-Kỳ và Trung-Cộng trên địa hạt
nguyên-tử* * NGUYỄN NGU Í *nhớ Nhất Linh Nguyễn
Trường Tam* * NGUYỄN HIỂN LÊ *thơ Trung Hoa
(dịch LÂM NGŨ ĐƯỜNG)* * XUÂN QUANG *nhận xét
về một vài cuốn sách do người Tây phương viết về Yoga*
* TỬ TRI *cuộc đời phi thường của Sukarno* * THẾ
UYÊN *ông thầy tội nghiệp* * NGUYỄN TRỌNG VĂN
những chiếc túi ny-lông * TẠ TỶ *bao giờ*
* PHƯƠNG ĐÌNH *căn nhà thơm* * HẰNG
VŨ *tiệc xưa* * VŨ HOÀNG CHƯƠNG *cảm để*
« Thơ điên » * PHƯƠNG HOA *Sử hữu
ngạn* * SINH HOẠT *xung quanh hai hội nghị
Văn bút quốc tế* * Thời
sự thế giới * thời sự khoa
học * thời sự văn nghệ *

325



Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

crème

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7^e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H K H O A

Số 325 ngày 15 - 7 - 1970

VIỆT PHƯƠNG	<i>Hoa-Kỳ và Trung-Cộng trên địa hạt nguyên tử</i>	05
NGUYỄN NGU Í	<i>nhớ Nhật-Linh Nguyễn Tường Tam</i>	19
NGUYỄN HIEN LÊ	<i>thơ Trung-hoa (dịch LÂM NGŨ ĐƯỜNG)</i>	25
XUÂN QUANG	<i>nhận xét về một vài cuốn sách do người Tây-phương viết về Yoga</i>	35
TƯ TRÌ	<i>cuộc đời phi thường của Sukarno</i>	41
THẾ UYÊN	<i>ông thầy tội nghiệp</i>	49
NGUYỄN TRỌNG VĂN	<i>những chiếc túi ny-lông (đoản văn)</i>	55
TA TÝ	<i>bao giờ (truyện)</i>	59
PHƯƠNG ĐÌNH	<i>căn nhà thơm (truyện)</i>	67
HẰNG VŨ	<i>tiệc xưa (thơ)</i>	72
VŨ HOÀNG CHƯƠNG	<i>cảm đề « Thơ điên » (thơ)</i>	72
PHƯƠNG HOA SỬ	<i>hữu ngạn (thơ)</i>	73

SINH - HOẠT

TỪ TRÌ	<i>thời sự thế giới</i>	74
TỬ DIỆP	<i>thời sự khoa học</i>	76
THẾ NHAN	<i>hội đồng văn hóa giáo dục</i>	79
TRẦN THIÊN	<i>xung quanh hai hội nghị Văn bút quốc tế</i>	81
THU THỦY	<i>thời sự văn nghệ</i>	84

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Chủ bút :

In tại nhà in TƯƠNG LAI
133 Võ-Tánh Saigon

Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H. T. 339 Saigon

GIÁ : 50đ Công sở : 100 đ
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ăn căn giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— Trong móc mưa hạt huyền, tiểu thuyết của Túy Hồng, do Xuân Hương xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 3 và là truyện dài đầu tiên được xuất bản của tác giả rất quen thuộc với bạn đọc Bách Khoa, dày 100 trang, bìa của Duy Thanh, Bản đặc biệt.

— Nouveaux Poèmes — Tân thi tập thơ của Vũ-Hoàng Chương, do Nam Chi từng thư xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ dày trên 150 trang, gồm 40 bài thơ của tác giả làm vào khoảng từ 1963 đến 1970, có bản dịch Pháp ngữ của cô Simone Kahnen de la Coeuillerie in đối chiếu. Văn Thanh trình bày, ấn loát rất mỹ thuật. Đây cũng là tập thơ thứ 5 của tác giả dịch ra ngoại ngữ, trong đó có 1 tập dịch ra Đức ngữ và 4 tập Pháp ngữ. Bản đặc biệt.

Mặt trời và dòng sông, tập thơ của Phạm Nhuận do Ca dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 100 trang gồm 28 bài thơ của tác giả (trong đó 1 bài bị kiểm duyệt bỏ trọn bài) và 2 phụ bản của Tôn Thất Văn in offset nhiều màu rất đẹp.

Trình bày trang nhã, in trên giấy croquis. Giá 200 đồng.

— Thiên Hương truyện thiếu nhi của Hoàng Đăng Cíp do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 150 trang, truyện thứ 3 của tác giả được xuất bản trong tủ sách Tuổi Hoa, phỏng theo truyện " Tombée du ciel " của Henry Winterfeldt, rất hợp với tuổi trẻ. Bản đặc biệt. Giá 60 đồng.

— Nhạc tiền chiến tuyển tập những bản nhạc hay của thời tiền chiến, gồm 27 bản của 18 nhạc sĩ do Kẽ-ĩ xuất bản và gửi tặng. Sách khổ 21 x 21, dày 70 trang gồm những bản nhạc do Đỗ Kim Bảng tuyển lựa của : Nguyễn Đình Phúc, Hoàng Phú, Lê Yên, Nguyễn Văn Thương, Văn Chung, Nguyễn Mỹ Ca, Dzoãn Mẫn, Nguyễn Thiện Tư, Phạm Ngự, Nguyễn Xuân Khoát, Phạm Duy, Đặng Thế Phong, Văn Cao, Dương Thiệu Tước, Thăm Oánh, Lê Thương, La Hối và Hồng Quý. Lời nói dẫn của Hoàng Nguyên và跋 của Lê Thương (Thời tiền chiến trong Tân nhạc). Giá 320 đồng.

— Thời mới số 1: tuần báo ra ngày thứ bảy tại Đà Nẵng, do Ông Nguyễn văn Hiến làm Chủ nhiệm kiêm chủ bút và Tòa soạn, Trị sự đặt tại 1A Nguyễn Du Đà Nẵng. Mỗi số dày 8 trang khổ 30 x 42. Giá 20đ.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

550đ

1050đ

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay :
50 đ một năm.

Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí 80 đ.
một năm.

Hoa-kỳ và Trung-Cộng

trên địa hạt nguyên-tử

Việc Trung-Cộng trở nên một cường quốc nguyên tử đã làm cho Hoa-kỳ vô cùng quan ngại và phải quan-niệm lại tất cả vấn đề kiểm soát vũ-trang và chiến-lược toàn diện của mình trên toàn thế giới. Và trong cuộc đối thoại song-phương Nga-Mỹ về vấn đề hạn chế vũ-khí hạch-tâm (Strategic Arms Limitation Talks : SALT) những tháng tới sẽ có nhiều yếu tố mới phải chú trọng, có thể làm thay đổi ít nhiều lập-trường của cả Hoa-kỳ và Nga-sô về chiến lược chế tạo và sử dụng thứ vũ khí nguy hiểm đó.

Khi phân tích vấn đề « bom nguyên tử » của Trung-Cộng, có một điều ta cần luôn luôn nhớ tới là : mặc dầu Bắc-kinh có tham vọng trở nên một đại cường và luôn luôn ủng hộ những phong trào cách-mạng ở các quốc-gia nhược-tiểu và do đó tăng gia uy tín quốc-tế của mình, lực-lượng quân-sự của Trung-Cộng, trên phương-diện chiến lược, so với hai siêu cường Nga Mỹ, căn bản vẫn yếu kém, Bắc-kinh cũng biết rõ như vậy. Do đó, chiến lược của Trung-Cộng trong việc đối phó với các đại-cường vẫn là một chiến lược chủ-yếu phòng ngự.

Chính sách nguyên tử của Bắc - kinh

Ngay từ năm 1949, Bắc-kinh đã cảm

thấy có thể bị một hay cả hai đại cường nguyên-tử gây áp lực và nhất là từ khi xảy ra tranh chấp Nga-Hoa và Nga-Mỹ hợp tác trên lãnh vực kiểm soát vũ khí nguyên-tử, Bắc-kinh lại cảm thấy mình đang ở trong một tình-trạng bị bao vây.

Một trong những mục-dịch của Trung-Cộng là có được một năng-lực nguyên-tử tối thiểu khả dĩ có thể nâng cao địa-vị của mình trong việc đối đầu với cả Nga lẫn Mỹ, khiến mình có thể mặc cả trên một địa vị ngang hàng với 2 đại-cường. Tóm lại, mục đích của Trung-Cộng trong việc chế tạo bom nguyên-tử là đẩy lui những mũi nhọn tấn công chia vào mình và do đó giảm bớt áp lực của bên ngoài.

Nhưng mặc dầu những tiến-bộ vượt bậc của Trung-Cộng trong kỹ-thuật chế tạo vũ-khí nguyên-tử, khiến nhiều người phải kinh ngạc, khả năng hiện tại của Trung-Cộng vẫn còn rất hạn chế và, theo dự đoán của các chuyên gia Hoa-kỳ, tình trạng thấp kém đó còn kéo dài trong một thời-gian khá lâu nữa, vì Trung-Cộng thiếu nguyên-liệu căn-bản để chế-tạo loại vũ khí đó.

Đến giữa năm hoặc cuối năm 1970, nhiều lắm là Trung-Cộng chỉ có thể sản xuất được từ 15 đến 20 hỏa-tiên liên-lục-địa (Intercontinental ballistic missiles :

ICBM), chừng một hai trăm hỏa-tiễn cỡ trung (medium range ballistic missiles - MRBM) và một số hạn chế bom hạt nhân chở bằng máy bay. Mặc dầu Trung Cộng đang bắt đầu chế-tạo tàu ngầm nguyên-tử, nhưng hình như chương-trình chế-tạo này chưa phải là trọng-tâm và phải bước sang những năm 1980, Trung Cộng mới có được tàu ngầm nguyên tử. Để so sánh, ngày nay mỗi nước Nga và Mỹ đều có trên 1000 ICBM, và cả chục ngàn vũ-khí nguyên-tử khác có thể do máy bay, tàu ngầm hay hỏa-tiễn phóng đi...

Khả-năng nguyên-tử của Trung-Cộng trong những năm tới làm cho người ta có thể nhìn rõ nhiều vấn đề. Trong một tương lai gần, trên lãnh-vực nguyên-tử, Trung-Cộng không thể hy vọng bắt kịp Hoa-kỳ và Nga. Trung-Cộng không có khả-năng tấn-công hai đại cường bằng vũ-khí hạch-tâm. Trong bất cứ trường hợp nào, nếu Trung-Cộng tấn công trước, Hoa-thịnh-đốn hoặc Mạc-tư-khoa sẽ trả đũa sấm sét.

Nhưng vấn-đề chính ở đây là : Chắc hẳn Bắc-kinh sẽ không đại gì mà tấn-công trước bằng vũ-khí hạch-tâm. Rất có thể, Bắc-kinh có khả-năng trong một cuộc tấn-công phòng ngự, dùng số vũ khí nguyên-tử hạn chế của mình để trả-đũa cường-quốc tấn-công trước và rất có thể, trong trường-hợp Hoa-kỳ, hủy diệt một số mục-tiêu dùng làm căn-cứ tấn-công của nước này ở khu vực Thái-bình-dương. Với việc giữ hoàn toàn bí mật những căn-cứ nguyên-tử của mình, Bắc-kinh có thể làm được việc đó, nhưng chỉ với mục đích phòng ngự mà thôi.

Thái - độ của Trung-Cộng đối với vấn-đề kiểm soát vũ-khí nguyên-tử, về

nhieu mặt, chỉ là một hệ-luận của vấn-đề vừa nêu ở trên và bao giờ nó cũng là phản-ảnh của ý-thức-hệ và tư-tưởng của họ. Trước sau, Bắc-kinh vẫn luôn luôn chống đối sự toa rập của Nga Mỹ trong việc kiểm soát vũ trang, một phần là vì Bắc-kinh không muốn hạn-chế tự do hành động của họ cho đến khi Trung Cộng cải thiện được vị trí phòng-thủ của mình đối với cả Nga lẫn Mỹ. Một phần nữa, như Bắc-kinh đã tố cáo vào năm 1953, Trung-Cộng phản đối hiệp-ước cấm thử vũ-khí nguyên-tử một cách hạn chế, là vì cho rằng hiệp-ước này nhằm ngăn chặn một số nước—trong đó có cả Trung-Cộng—chế tạo vũ-khí nguyên-tử, và như thế sẽ giữ độc quyền nguyên tử cho 2 nước lớn. Trong khi 2 nước lớn vẫn có thể tiếp tục thí-nghiệm bom nguyên-tử ở trong lòng đất, ngoài đại-dương hoặc trên thượng-tầng không-khí, thì các nước khác (vì thiếu phương-tiện) đành phải chịu ràng buộc bởi điều cấm. Trung-cộng cho việc cấm đó như vậy là có dụng ý nhằm riêng mình và đã cực lực lên án cả Nga lẫn Mỹ.

Năm 1964, khi cho nổ quả bom nguyên-tử đầu tiên, Bắc kinh đã biện thuyết một cách mạnh mẽ là : Tuy Trung-Cộng có bom nguyên-tử nhưng Trung-Cộng không bao giờ dùng tới nó trước. Trung-Cộng hy vọng các cường quốc nguyên-tử khác cũng sẽ làm như vậy. Bắc-kinh còn hô hào tất cả các nước đều đồng lòng hủy bỏ vũ-khí nguyên-tử. Từ một thắng-lợi vì kỹ-thuật, Bắc-kinh đã chuyển sang đấu tranh chính-trị, buộc các đại-cường đã có một lực lượng nguyên-tử mạnh gấp ngàn lần mình chỉ được dùng nguyên-tử như một vũ-khí tự-vệ và hơn nữa nếu cần thì hủy bỏ cả đi. Việc đó, tuy hợp với ước-vọng của nhân-loại, nhưng xét cho cùng thì chỉ có lợi cho

Bắc-kinh. Vì các đại cường, thiếu vũ-khí hạch-tâm, sẽ mất một phần lớn sức mạnh, để khống-chế thế-giới ; Còn Bắc-kinh thì vai trò của họ sẽ lớn hơn, thế lực của họ sẽ mạnh hơn đối với thế giới đệ-tam trong khi áp lực của Nga Mỹ đối với họ sẽ giảm đi nhiều.

Liên với đề nghị trên, Trung-Cộng còn đề-nghị thành lập những vùng không có vũ-khí nguyên-tử. Những vùng đó sẽ dần dần mở rộng ra để tiến tới một thế-giới không còn vũ-khí nguyên-tử nữa. Nhưng về sau, Bắc-kinh có vẻ không sốt sắng với đề-nghị này nữa có lẽ vì Trung-Cộng đã trở nên một cường-quốc nguyên-tử và đã có một chủ-trương hơi khác.

Thực vậy, Bắc-kinh vẫn chống đối hiệp-ước cấm phổ biến vũ-khí nguyên-tử (non proliferation treaty) và chính Bắc-kinh đã chủ-trương cần phải phổ biến vũ khí hạch-tâm cho các nước xã-hội chủ-nghĩa. Vì nhiều nếu nước có vũ-khí hạch-tâm thì tự do hành động của Hoa-kỳ và Liên-xô sẽ bị hạn-chế và như vậy sẽ dễ dàng đi đến việc giải trừ loại vũ khí này hơn. Các bình-luận-gia Hoa-kỳ cho rằng tuy Bắc-kinh nói vậy nhưng chưa hề giúp nước nào chế-tạo loại vũ-khí đó và tuyên truyền của Bắc-kinh chỉ hướng về những nước ở xa mình, như Trung-Đông chẳng hạn, mục đích để gây khó cho Mỹ-Nga.

Trung-Cộng coi những hiệp-ước cấm thử và cấm phổ biến vũ khí nguyên-tử như là một sự toa rập Nga-Mỹ, không nhằm những nước yếu không có khả năng chế-tạo, mà chỉ cốt nhằm những nước có khả năng chế tạo, nhất là Trung-Cộng. Thái-độ của Bắc-kinh đã

đưa nước này vào cái thế tranh-chấp tay ba trong lãnh vực nguyên-tử.

Riêng về cuộc hội-đàm song phương Nga Mỹ (SALT) đề hạn-chế vũ-khí nguyên-tử, Bắc-kinh giữ thái-độ yên-lặng, có lẽ vì cuộc đàm phán đó còn lâu mới đi đến kết-quả nên Trung-Cộng chưa thấy cần thiết phải xen vào một cách quá sớm để ngăn chặn một thỏa-hiệp : vì xen vào như vậy sẽ có thể gây sự bất bình của thế-giới đệ-tam đang ước mong hai bên đi đến một thỏa-thuận về việc giải-trừ vũ-khí nguyên-tử.

Đường lối lãnh đạo của Bắc-kinh sẽ thay đổi ?

Mặc dầu thái-độ của Bắc-kinh luôn luôn chống đối việc kiểm soát vũ-khí nguyên tử do Hoa-kỳ và Nga-sô đề xướng, nhưng thái độ đó không phải là bất di bất dịch. Đã có một thời-kỳ thái-độ của Bắc-kinh đối với vấn đề kiểm-soát vũ trang có vẻ như thay đổi, nghĩa là Trung-Cộng cảm thấy cần phải đuổi theo Nga-Mỹ và không muốn ai xen vào kiểm soát chương-trình sản xuất của họ. Đó là thời kỳ cuộc tranh chấp Nga-Hoa trở nên ác liệt và Bắc-kinh thấy ở Mạc-tư-khoa một kẻ thù nguy hiểm không kém gì Hoa-kỳ. Chiến lược của Trung-Cộng do Mao-Trạch-Đông hoạch định, nhằm chống đối cả Nga lẫn Mỹ và nhấn mạnh vào nhu cầu tự-tồn của Trung-Hoa.

Trong tương lai, rất có thể, chiến lược toàn cầu và đặc biệt là chính-sách ngoại giao của Bắc-kinh còn trải qua nhiều thay đổi, chứng cứ là dĩ vãng đã có nhiều dịp thay đổi rồi.

Sau khi Mao chết, và rất có thể trước khi đó, sẽ có một nhóm lãnh đạo mới xuất hiện, rất có thể là một tập thể lãnh-

đạo. Nhóm đó sẽ có thể có một chính-sách đối-ôa-hiệp. Một nhóm lãnh-đạo như vậy sẽ chống lại nhiều đềm trong sách-lược Mao-Trạch Đông. Có thể là nhóm lãnh-đạo vị lai đó sẽ chú trọng đến ý-thức-hệ hơn là Mao và sẽ thực tế, mềm dẻo hơn trong cả những vấn đề đối nội lẫn đối ngoại.

Những xáo trộn do cuộc Đại Cách-mạng Văn-hóa gây ra trong 4 năm qua đã làm cho chế độ Bắc-kinh yếu đi trên nhiều phương diện. Do đó, trên thực-tế, nếu không phải là trên lý-thuyết, chính sách của Trung-Cộng sẽ bị ảnh hưởng một phần lớn, nhất là về phương diện đối ngoại. Tình hình bang giao Nga-Hoa mỗi ngày một xấu hơn trong những năm 60, mối liên-hệ tam phương Hoa thịnh-đốn - Bắc kinh - Mạc-tư-khoa, mỗi ngày một thêm phức tạp, đã thúc đẩy các nhà lãnh đạo Trung-Hoa phải xét lại chiến-lược, làm cho Trung-Hoa đỡ bị cô lập như ngày nay và tìm ra nhiều cơ-hội mới để có thể xoay-sở và mềm dẻo hơn. Về điểm này, người ta khó có thể đoán được ngay từ bây giờ các nhà lãnh đạo Trung-Cộng muốn gì trong sách-lược đối phó với Nga Mỹ vào những năm tới. Ở Trung-Hoa chắc chắn là đã có tranh luận về vấn-đề này nhưng chắc chưa đi tới một quyết định nào. Sách-lược tương-lai của Trung-Hoa chắc sẽ bị ảnh hưởng lớn bởi những quyết định ở Hoa-thịnh-đốn và Mạc-tư-khoa.

Trong mấy năm gần đây, khi cuộc tranh chấp Nga Hoa trở nên trầm trọng, đối với Bắc-kinh, mối đe dọa Nga-sô còn nguy hiểm hơn là mối đe dọa Hoa-kỳ. Từ trước đến nay, và có lẽ cả sau này nữa, có nhiều lãnh-tụ Trung - Hoa tin rằng có thể làm cho tình hình giao-thiệp

với Nga-sô bớt căng thẳng và cố gắng tìm đến một thỏa hiệp với Mạc-tư-khoa. Nhưng cũng có nhiều lãnh-tụ khác chủ trương Trung-Hoa cần phải có một thái độ mềm dẻo hơn đối với các cường quốc khác, không phải là Nga-sô, kể cả Hoa-kỳ để hy vọng đánh thắng bằng mối đe dọa Sô-viết và do đó giảm bớt áp lực của bên ngoài.

Cho tới nay, trên căn-bản, Trung Cộng chưa thay đổi thái-độ đối với Hoa-kỳ. Nhưng có nhiều dấu hiệu cho biết là đã có nhiều tranh luận và do dự về vấn-đề này. Việc nối lại cuộc đối-thoại Mỹ-Trung Cộng ở Varsovie vào tháng 7-1970 là bước đầu để tiến tới một thái độ mềm dẻo hơn của Bắc-kinh.

Sự thực là, sau cao trào của cuộc Cách-mạng Văn-hóa, Trung-Cộng ngày nay đang bước vào một thời kỳ chuyển tiếp rất quan trọng. Một chính-sách mới và một lãnh-đạo mới sẽ xuất hiện đúng lúc. Khi đó sẽ có những thay đổi quan trọng trong sách lược đối ngoại và thái-độ của Bắc-kinh đối với nhiều vấn-đề quốc-tế, kể cả vấn đề kiểm soát vũ-khí nguyên-tử.

Tuy nhiên một sự thay đổi căn bản trong chính-sách nguyên-tử và kiểm soát vũ trang đối với Trung-Cộng không phải là có thể thực hiện được một cách dễ dàng vì cái thế yếu của Trung-Hoa so với hai siêu-cường kia.

Khi nào mới thay đổi ?

Nếu có người hỏi : Bao giờ và với điều kiện nào sẽ có sự thay đổi đó, nghĩa là bao giờ mới có một thái-độ thực-tiến và mềm dẻo hơn, thay đổi đường lối lãnh-đạo hiện nay về vấn-đề nguyên-tử và kiểm soát vũ khí ? Câu trả lời có thể như sau : Khi nào Trung-Hoa tin rằng

sức sản-xuất nguyên-tử của họ đã đạt tới một mức độ cho phép họ có một sức đề-kháng tối thiểu chống lại Hoa-kỳ và Liên-xô mà không đến nỗi thấp kém quí như ngày nay : thí dụ như họ có đủ khả năng trả đũa chẳng hạn.

Nhưng thực ra rất khó mà biết lúc nào Trung-Hoa đạt tới trình độ thỏa mãn đó. Còn nhiều yếu-tố tâm-lý khác nữa.

Nếu chỉ ngồi tính toán và so sánh số lượng vũ-khí nguyên-tử, người ta có thể lý-luận rằng cả Hoa-kỳ lẫn Liên-xô đều có khả-năng tấn công Trung-Cộng trước bằng nguyên-tử (first strike capability). Trong một tương-lai vô-hạn định. Nói khác, cả Hoa-kỳ lẫn Liên-xô đều có khả năng hủy diệt tất cả vũ-khí nguyên-tử của Trung-Cộng trong lần tấn công đầu tiên. Tóm lại, nếu chỉ căn cứ vào số lượng vũ-khí nguyên-tử, thì sự sút kém của Trung-quốc thật là quá rõ rệt.

Nhưng, hình như một cuộc tính toán giản đơn căn cứ trên khối-lượng vũ-khí nguyên-tử không thể là yếu-tố quyết-định trong sự suy tính của các nhà lãnh-đạo Trung-Cộng, Liên-xô và cả Hoa-kỳ nữa.

Đến một lúc nào đó, Trung-Hoa có thể có một khả-năng nguyên-tử đủ để lỡ bị tấn công trước cũng có thể trả đũa lại Hoa-kỳ hay Nga-sô, hoặc tấn công những mục-tiêu khác, kể cả những nước Á-châu đồng minh với Nga Mỹ, mặc dầu Trung-Hoa chưa đủ số vũ khí nguyên-tử cần thiết.

Đến mức độ đó có thể có nhiều nhà lãnh đạo Trung-Hoa sẽ xét lại vấn-đề kiểm soát vũ-khí nguyên-tử và nghĩ rằng thà tìm đến một thỏa-hiệp chung ngăn chặn mọi nước cùng phát triển vũ-khí

nguyên-tử, còn hơn là cứ tiếp tục cuộc chạy đua tuyệt vọng và tốn kém. Cuộc chạy đua đó, nếu cứ tiếp tục mãi sẽ có ảnh-hưởng tai hại đến sự phát triển kinh-tế của Trung-cộng. Có thể vì những nhu cầu kinh-tế mỗi ngày một tăng-gia của mình mà Trung-Cộng phải hạn chế bớt đầu tư trên lãnh-vực nguyên-tử và do đó sẽ nghĩ đến vấn đề thỏa hiệp với các đại-cường.

Nhưng chắc chắn là Bắc-kinh chỉ nghĩ tới vấn-đề đó khi nào đạt tới mức độ mà họ tin rằng có thể dùng vũ-khí nguyên tử để tự-vệ một cách hữu hiệu, không phải để tấn công mà để trả đũa đích đáng những đại-cường dám tấn công mình bằng thứ vũ khí nói trên. Nhưng đầu tư của Trung-Cộng ngày nay trên lãnh vực nguyên-tử hoàn toàn không có tính cách kinh-tế mà chỉ có tính cách chiến-lược quân-sự mà thôi.

Thái độ của các đại-cường

Nếu nhận xét trên là đúng thì Hoa-kỳ và Liên-xô có thể có hai con đường lựa chọn khi đề cập đến vấn đề Trung-Hoa.

Hoặc cả Nga lẫn Mỹ đều tìm cách trì hoãn cái thời gian phải đến, mà Trung-Hoa tự lượng rằng mình đủ sức tự vệ. Đặc biệt họ phải làm sao cho Trung-Cộng hiểu rằng Trung-Cộng không thể gây thiệt hại cho họ được.

Nếu lựa chọn đường lối này thì cả Hoa-kỳ và Nga-sô đều phải kiện toàn hệ-thống chống hỏa-tiễn của mình (ABM antiballistic missiles) để làm cho mọi cuộc phản công của Trung-Cộng đều trở nên vô ích.

Nhưng đường lối đó giới lắm chỉ có thể trì hoãn cái lúc mà Trung-Hoa đạt

tới khả năng tấn công đề tự vệ (second strike capability), và đó là lúc mà Trung-Hoa sản xuất được khá nhiều vũ-khí hạt-nhân đủ sức chọc thủng được hàng rào phòng-vệ ABM

Bện pháp đó không ngăn cản được Trung-Hoa tiếp tục sản xuất vũ-khí nguyên-tử cho đến khi Bắc-kinh tự thấy đạt tới được mục đích phòng thủ. Cái ngày đó có thể xa hơn, nhưng nó sẽ đến.

Một đường lối thứ hai có thể lựa chọn, khác hẳn đường lối trên, là bỏ việc lập hàng rào phòng thủ ABM và dùng những biện pháp khác để làm cho Trung-Cộng không thể đạt tới được mức độ phòng thủ cần thiết nghĩa là không thể tiến tới cái mức có thể tấn công trả đũa được 2 siêu cường. Cả Nga lẫn Mỹ đều phải làm cho Bắc-kinh hiểu rõ rằng Bắc-kinh đã đạt tới một mức độ phát triển nguyên-tử khiến cho cả Trung-Hoa lẫn Nga-Mỹ đều phải tiến tới thỏa thuận với nhau là sẽ không dùng tới thứ vũ-khí đó nữa.

Nếu đạt được sự thỏa thuận đó thì Trung Cộng, dù biết mình không thể bằng các siêu cường về phương diện nguyên-tử, cũng yên dạ một phần nào. Họ biết rằng cái lực lượng nguyên-tử nhỏ nhoi của họ không thể biến họ thành một siêu cường, trong khi về phương diện kinh-tế họ còn thua sút không những Nga Mỹ mà còn cả Tây-Âu và Nhật-bản. Họ sẽ thấy rằng lực lượng nguyên-tử của họ không những không làm tăng gia uy-tín của họ trên trường quốc-tế mà trái lại còn tạo nên nhiều vấn-đề phức-tạp khác liên-quan đến an-ninh quốc-gia. Với một lực lượng phòng-vệ nguyên-tử tối thiểu

đó, Trung-Cộng có thể củng cố được khả-năng phòng-thủ của mình. Đó cũng là trường hợp của Anh, Pháp và một số nước đang trên con đường có bom nguyên-tử. Nhưng nó không thể nâng cao địa-vị của Trung-Cộng hơn nữa trên chính-trường quốc-tế. Đa số các nước trên thế-giới là những nước không có vũ-khí nguyên- tử và cũng không thể có khả-năng chế-tạo. Dĩ nhiên là họ e ngại những nước có vũ-khí đó. Nhưng không phải vì thế mà uy-tín của các nước này tăng gia, nếu họ không có một chính sách nguyên-tử đúng đắn.

Vấn đề là làm sao để cho Trung-Hoa, một cường quốc nguyên tử, cũng cảm thấy có trách nhiệm như các cường quốc khác. Khi đó mặc dầu chưa đạt tới mức độ phòng-thủ, họ cũng có thể tiến tới thỏa-hiệp cùng các cường quốc nguyên-tử khác.

Nhưng nếu chọn đường lối thứ hai này thì cả Hoa-kỳ lẫn Liên-xô đều phải dẹp bỏ khả năng tấn công trước Trung Cộng bằng vũ-khí hạt-tân. Và Trung Cộng, với trình độ còn thấp kém của mình về nguyên-tử, vẫn có thể nói chuyện ngang hàng với 2 siêu-cường nguyên-tử kia.

Bắc-kinh với vấn đề xử dụng binh lực và nguyên-tử

Có nhiều người lo rằng Bắc-kinh với khả năng nguyên-tử đạt được trong một tương lai không xa, sẽ trở nên một đe dọa lớn lao đối với những vùng như Đông-Nam-Á, bởi vì đối với những nước không có vũ-khí nguyên-tử, sự đe-dọa nguyên-tử kèm theo một lực lượng quân sự cổ-diễn hùng hậu, có thể rất là nặng nề.

Muốn hiểu rõ vấn đề, ta cần phải nhìn thẳng vào chính - sách đối ngoại của

Trung Cộng, và sách-lược cách-mạng của họ.

Có người cho rằng Trung-Cộng có nhiều tham vọng đất đai và nuôi mộng xâm lăng lớn lao đối với các nước láng giềng. Họ đã căn cứ vào một bản-đồ Trung-Hoa mới do Bắc-kinh ấn hành, bao gồm một phần lớn lãnh thổ của các nước ở phía Nam biên-thùy Trung-quốc. Họ cũng nêu ra những yêu sách đất đai của Trung-Cộng đối với Nga liên quan đến những vùng biên-cương Đông-Bắc mà nhà Thanh đã phải nhượng cho Nga-hoàng vào thế-kỷ 19 trong một hiệp-ước bất bình đẳng.

Nhưng theo ý-kiến của nhiều chuyên viên Hoa-kỳ cả ở trong lẫn ở ngoài chính phủ, nghiên cứu chính sách của Trung-Hoa trong khoảng 20 năm nay, nghĩa là từ ngày Cộng-sản lên cầm quyền, thì họ không tán thành quan-điểm đó.

Theo họ, Trung-Cộng không chủ trương mở rộng đất đai. Họ chỉ đòi lại những đất đai mà họ bị mất từ trước. Trong việc đòi lại đó, họ cũng không chủ trương làm cấp tốc, mà chỉ từ từ tiến hành và theo con đường ít rủi ro nhất.

Trung-Cộng không chủ trương đem lực lượng của họ ra ngoài lãnh thổ trừ trường hợp như ở Triều-Tiên họ cảm thấy an-ninh của họ trực tiếp bị đe dọa. Họ đem lực lượng ra ngoài với mục đích phòng thủ.

Nhiệm vụ chủ-yếu của quân đội là nhiệm vụ ở trong nội-địa, nặng về phòng thủ hơn là tấn công.

Mặc dầu phải chuẩn-bị cho một cuộc chiến tranh cổ-điền nhưng họ vẫn tìm cách tránh né mọi cuộc đương đầu trên một trận chiến quy-mô với các đại cường có một lực lượng võ trang cổ-điền hùng-hậu.

Trong trường hợp phải can thiệp ở ngoại quốc, họ thường chấp nhận một sự can thiệp đỡ tốn kém và ít rủi ro hơn. Tỉ-du như : Trung Cộng bao giờ cũng khuyến khích và nâng đỡ những cuộc chiến tranh cách-mạng ở nước khác. Nhưng việc khuyến khích và nâng đỡ đó không bao giờ được thể hiện bằng việc gửi quân-lực ra ngoài dù nhiều dù ít (trừ trường hợp Triều-Tiên). Mao-trạch-Đông đã chủ trương : Mỗi nước phải tự làm lấy cuộc Cách-mạng của mình ; Cách-mạng không phải là một thứ hàng để xuất cảng. Phong trào cách-mạng ở nước nào, trước hết phải dựa vào chính lực lượng của họ, vào tài nguyên và khả năng của chính nước họ. Bắc-kinh chống lại việc sử dụng quân lực của họ ở ngoài biên giới ngay cả để ủng hộ một phong trào cách mạng nào. Phong trào đó chỉ có thể được Bắc-kinh vũ trang về tư tưởng và vũ khí mà thôi. Còn thì phải tự động xoay sở lấy trong phạm vi địa phương của mình. Họ cho có làm như vậy mới là thực sự nâng đỡ phong trào cách mạng ở một nước khác.

Đối với các lân-bang thù nghịch, họ có thể dùng áp lực hay dọa nạt, nhưng việc dùng quân-lực của họ bao giờ cũng hết sức thận trọng, tính toán kỹ lưỡng. Vụ tranh chấp Hoa Ấn cho ta thấy rõ mặc dầu Trung Cộng có thừa khả năng tiến quân rất xa vào đất Ấn, nhưng họ đã thận trọng dừng lại ở biên-giới để tìm giải pháp dàn xếp, vì họ e ngại một cuộc tiến quân xa hơn có thể đưa đến chiến tranh tàn khốc mà họ sẽ không lường được kết quả. Vì đằng sau Ấn không những có Hoa-kỳ, Anh-quốc mà còn cả Nga-sô nữa.

Thành ra, nhiều khi trên lời nói Bắc-kinh thường hay dùng những lời lẽ đao to búa lớn, đặng đặng sát khí. Nhưng trong hành động thì Bắc-kinh lại tỏ ra rất dè dặt, suy tính.

Từ trước đến giờ là như thế, sau này không biết thế nào. Nhưng các chuyên viên về vấn đề Trung Hoa đều đồng ý là thái-độ đó sẽ không có gì thay đổi.

Như trên đã nói, những người kế nghiệp Mao chắc chắn sẽ còn thực tiễn và mềm dẻo hơn Mao trong việc giải quyết vấn đề nội bộ và ở bên ngoài.

Rất có thể, họ sẽ giảm bớt sự ủng hộ đối với các phong trào cách-mạng và chú trọng hơn đến việc giao dịch giữa các chính phủ, và trên phương diện chính trị, kinh tế... sẽ chú trọng hơn đến việc dùng những phương-tiện cổ-diễn, ước-định. Các chuyên viên về vấn đề Trung-quốc phần lớn không tán thành ý kiến cho rằng hành động của Bắc-kinh bao giờ cũng phi lý và táo bạo, trong tương lai hay bao giờ cũng vậy thôi.

Họ cho sở dĩ Trung-Cộng có hành động rất thận trọng là vì về phương diện nguyên tử, Trung-Cộng còn rất thấp kém và khả năng tấn công trả đũa của họ, cả trên phương diện cổ điển lẫn nguyên tử, đều hãy còn rất mong manh mặc dầu họ đã có được một số vũ khí nguyên tử cần thiết.

Nếu nhận xét trên là đúng thì một ngày kia khi Trung-Cộng đã đạt tới được mức độ phòng thủ tối-thiểu, nghĩa là tới mức độ có thể tấn công nguyên-tử trả đũa hữu hiệu lại một cuộc tấn công nguyên-tử, thì lúc đó họ cũng sẽ hành động như các cường quốc nguyên tử kia và cũng sẽ bắt buộc phải thấy rõ trách nhiệm về một cuộc chiến

nguyên-tử. Còn Hoa kỳ và Nga-sô, hai đại cường này chỉ cảm thấy an ninh về phía Trung-Cộng khi họ đã thiết lập xong hệ-thống chống hỏa-tiên ở nước họ (ABM) và tạo cho họ một khả-năng hủy diệt đối phương ngay đợt đầu tấn công nguyên-tử, nghĩa là đặc Trung-Cộng luôn luôn ở trong một tình trạng bất an ninh.

Vì e ngại Trung-Cộng có thể tấn công nguyên-tử trả đũa khi tới một mức độ nào, nên ngày nay ở Hoa-kỳ người ta đã phải bỏ một số tiền lớn để thiết lập một hàng rào hỏa-tiên chống hỏa-tiên (ABM) hướng về phía Trung-Hoa.

Vì thái độ giữ miềng nhau đó, mà 3 cường-quốc nguyên-tử vẫn phải luôn luôn chú trọng đến việc xây dựng cho mình một hệ-thống tấn công và phòng ngự nguyên-tử hữu-hiệu.

Tình trạng này chỉ có thể chấm dứt khi cả Hoa-thịnh-đốn lẫn Bắc kinh, Mạc tư khoa tìm được đến một thỏa thuận trong việc kiểm soát và hạn chế sản xuất loại vũ khí này.

Hoa-thịnh-đốn với «vấn đề Trung-hoa»

Dưới ánh sáng những sự kiện trên Hoa kỳ đã phải quan-niệm vấn đề Trung Hoa như thế nào trong cuộc thảo luận với Liên-xô về việc hạn chế vũ khí nguyên-tử ?

Trước hết người ta phải nhận thấy rằng chỉ nội việc Hoa-kỳ và Liên-xô hội họp với nhau để bàn luận về vấn đề nguyên-tử cũng đủ làm cho Bắc-kinh nghi ngờ là 2 bên đã toa rập với nhau để chống lại mình, để giữ vững ưu thế tuyệt-đối của họ và ngăn cản không cho Trung-Cộng trở thành một cường-quốc nguyên-tử.

Việc Hoa-kỳ Liên-xô có thể tiến tới thỏa thuận được trên lãnh vực này sẽ làm cho thái độ của Bắc-kinh thêm cứng rắn.

Vấn đề về lâu về dài là phải làm cho Trung Cộng hiểu rằng sự hợp tác Nga Mỹ không nhằm mục đích chống lại họ và trái lại đưa họ vào tập thể các nước muốn hạn chế loại vũ khí nguyên tử.

Cũng vì Hoa-kỳ không muốn để cho Trung-Cộng hiểu lầm nên trong khi tiếp tục đàm phán với Mạc-tư-khoa về vấn đề hạn chế vũ khí nguyên tử, Hoa-thịnh-đốn vẫn đề nghị tiếp xúc với Bắc-kinh. Chính quyền Nixon luôn luôn hướng theo đường lối đó, nghĩa là tìm cách giao hảo với Mạc-tư-khoa lẫn Bắc-kinh, không để cho Nga ảnh hưởng, lôi cuốn vào một đường lối chống Trung-Cộng, có lợi cho Mạc-tư-khoa mà không có lợi cho Hoa-thịnh-đốn. Thái độ của Hoa-kỳ là muốn bình-thường-hóa quan-hệ với Trung-Cộng và hoan nghênh việc Bắc-kinh tham gia hợp tác lãnh vực nguyên tử.

Một vấn - đề được đặt ra là Hoa - kỳ có nên thiết lập một hệ thống ABM chống Trung-Cộng không? Đơn-phương thiết lập hay thỏa thuận với Liên-xô cùng làm?

Ở Hoa-thịnh-đốn đã có nhiều tranh luận về vấn đề này. Ngày 30-1-1970, Tổng-thống Nixon, trong một cuộc họp báo, đã tuyên bố: «Trong vòng 10 năm nữa, Trung Cộng chưa thể trở thành một cường quốc nguyên-tử hữu hạn, nhưng có thể có một khả-năng nguyên - tử đáng kể.» Ông tỏ ý muốn bình-thường-hóa quan-hệ với Bắc-kinh nhưng ông thêm:

«Nếu không thực hiện được điều đó, Hoa-kỳ cần phải có một hệ-thống phòng thủ ABM chống Trung-Cộng để phòng Bắc-kinh có thể dùng vũ-khí nguyên-tử đánh lên Mỹ và các đồng-minh Á-Châu của Mỹ, làm giảm uy-tín của Hoa-kỳ ở Thái-bình-dương».

Trong những tháng tới, Hoa-thịnh-đốn có thể đem vấn đề này ra bàn với Liên-xô tại bàn hội-nghị SALT và đồng thời thăm dò thái độ của Bắc-kinh. Vấn đề ABM có thể được xem xét lại.

Ngày 14-3-1969, ông Nixon tuyên-bố: «Hoa-kỳ đang chuyển từ thời đại đối địch sang thời đại thương thuyết». Vậy ý muốn thương thuyết của Hoa-kỳ, không những đối với Liên-xô mà đối với cả Trung cộng, đã rõ rệt.

Tại hội nghị S A L T (Strategic Arms Limitation Talk), Hoa-kỳ có thể có 2 thái độ:

1) Thỏa thuận với Nga, hai bên cùng xây dựng hàng rào ABM chống Trung-Cộng. Trong trường hợp này sẽ gặp mấy khó khăn như sau:

— Không còn hy vọng thuyết phục nòng-trung cộng từ bỏ việc chạy đua vũ-trang khí-giới nguyên-tử, vì dưới mắt Bắc-kinh rõ ràng là có sự toa rập Hoa-thịnh-Đốn - Mạc-tư-Khoa để bao vây Trung-cộng.

— Về phương diện địa-lý, việc bố trí phòng-thủ của Nga sẽ khác hẳn với Hoa kỳ. Vì có chung với Trung Cộng một biên-thủy rất dài, Nga-sô rất dễ nhận những loại hỏa-tiên cỡ trung mà Trung-Cộng có thể chế tạo dễ dàng và sớm hơn những loại hỏa-tiên liên-lục-địa để phóng sang Hoa-kỳ. Do đó việc thành lập một hệ-thống ABM chống Trung-Cộng của

Liên-xô rất tốn kém mà lại ít hữu hiệu. Vì thế mà với ưu-thế tuyệt đối của mình về nguyên-tử, Liên-xô muốn trong trường hợp xảy ra chiến tranh sẽ ra đòn trước và một cách sấm sét, chứ không muốn thiết lập một hàng rào phòng thủ. Vậy rất có thể là chỉ có Hoa-kỳ là tôn trọng thỏa-hiệp và sẽ khó lòng đối thoại được với Bắc-kinh.

2) Một thái độ thứ hai và có lẽ cũng là thái độ khôn ngoan nhất là cả Nga lẫn Mỹ cùng thỏa thuận không lập hàng rào ABM chống Trung-Cộng. Làm như vậy vừa đỡ tốn kém vừa mở rộng cửa cho những cuộc đàm phán sau này với Bắc-kinh.

Còn hiện nay dù có vận động thế nào chẳng nữa, Nga Mỹ cũng không thể lôi kéo được Bắc-kinh vào cuộc nói chuyện vì khả-năng nguyên-tử của

Trung-Cộng còn thấp kém. Trung-Cộng còn phải sản xuất nhiều hơn nữa để đạt tới mức an toàn. Khi Bắc-kinh đã đạt tới mức đó rồi và nếu hai siêu-cường không phạm phải những sai lầm căn bản, thì lúc đó, với những nhà lãnh-đạo mới nổi lên, tự do, phóng-khoáng và đỡ giáo-điều hơn, Trung Cộng có thể tích-cực tham-dự vào công cuộc kiểm soát vũ-khí nguyên-tử để cho loại vũ-khí này thực sự không còn là một đe dọa lớn lao cho sự tồn vong của nhân-loại và của tất cả nền văn-minh khoa-học đã xây dựng nên được để phục-vụ cho loài người.

VIỆT-PHƯƠNG

(Tài liệu tham khảo : *A nuclear China and U.S. Arms Policy* - by A. Doak Barnett).
Foreign Affairs 4-1970.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) - SAIGON

Tél : 93.741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Nhớ Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam

8-6-70, bắt đầu giờ giới nghiêm.

Anh,

Đúng một tháng nữa, là ngày giỗ thứ bảy của anh.

Bảy năm rồi !

Bao nhiêu nước chảy qua cầu. Và bao nhiêu bất bình, chua xót, và cũng bao nhiêu sụp đổ, ghen ngào.

Tôi sức nhớ lại một bài phỏng vấn viết dở dang, khi anh vừa nằm xuống. Tôi đã chạy trong nắng sớm, trong đêm mưa để hỏi một số bạn văn một vài kỉ niệm về anh, mong kết được một bó hoa dâng lên bàn thờ của người vừa-nghệ-sĩ-vừa-cách-mạng mà cả một thế hệ — trong đó có tôi — đã từng chịu ơn, đã từng chịu ảnh hưởng. Ôi ! bóng dáng của Dũng, lúc ai tuổi vừa mười tám, hai mươi !

Tôi đã làm rộn anh Đỗ-Đức-Thu, anh Bùi-Khánh-Đản, anh Lê-Đình-Gioản, chị Nguyễn-Thị-Vinh, rồi anh Nguyễn-Hữu-Phiếm, anh Trọng-Lang, nhưng chỉ ghi đến chị Vinh, rồi vì khủng hoảng tinh thần, tôi bỏ dở bài mà cái nhan anh chủ nhiệm *Bách khoa* đã chọn sẵn và đã rao trong một số báo : *Vài kỉ-niệm về Nhất-Linh* ».

Tôi hồi hộp tìm lại trong đám giấy tờ lộn xộn bản thảo bài nói trên, sợ nó thuộc vào số những tài liệu về Sử, về Văn, về Nhạc cùng những bản thảo mà vào giữa năm 1966, chần ngán cho đời mình — và đời Dân-tộc — tôi có ý muốn « thôi sống », đốt chúng đi với một số thư từ. Và tôi sung sướng biết bao khi gặp lại xấp giấy ấy mà màu trắng đã ngả sang vàng vọt, mà dán nhấm mất đi năm bảy chữ. Đọc lại chúng, tôi thấy sống lại cả một không khí, vài thái độ đáng gọi lên mặt báo nhân ngày giỗ anh.

L.T.S. Những trang phỏng vấn của Ngu-Í bắt đầu như sau :

« 8-7-1963.

« *Thứ hai.*

« *Sáng sớm.*

« *Tôi khóa xe mô-bi-lét lại...* »

Ngu-Í đến tìm một số bạn quen của nhà văn Nhất-Linh để viết lại những

kỉ niệm về người lãnh đạo nhóm Tự lực văn đoàn vừa nằm xuống. Thoạt tiên anh tới gặp nhà thơ Đông-Hồ và... một rằm sau tác giả « *Trình Trăng* » mới trả lời được Ngu-Í trên *Bách khoa* số ra ngày 1-7-1964. Sau đó anh tìm đến nhà văn Đỗ-Đức-Thu. « *Trời vừa mưa xong, một trận mưa vừa vừa, đủ gây thê lương cho một đêm mà người đi bộ phải*

ngại ngừng... Tôi hỏi. Anh cười nhẹ nhẹ, buồn buồn, trả lời xa vắng... Rồi tác giả « Đứa con » cũng chỉ cho anh xem một ít hình ảnh và tờ « chúc thư » của Nhất-Linh vào mùng 1 Tết Quý Tị (1953), xác định các nhà văn Nguyễn-Thị-Vinh, Tường Hùng và Duy-Lam đã « xứng đáng là nhân viên Tự-lực văn-đoàn ».

Lại gặp Bùi-Chánh-Dẫn, Ngu-Í được nhà thơ trả lời :

— « Tôi không muốn nói gì, anh à. Bởi tôi co bằng chứng rằng « thiên hạ » đang đập lên xác chết anh Nhất-Linh để mà địa vị được cao, túi tiền được nặng, uy tín được tăng. Họ bu trên cái xác gầy của anh và rúc rĩa như lũ quạ, lũ kên kên... Tôi không thể bắn lũ chim sống bằng thịt thối này, cũng không thể đuổi chúng đi được là tôi xót xa cho anh Nhất-Linh, anh Nguyễn-Tường-Tam, đến mức muốn phát điên lên rồi thì anh nữ nào ép tôi phải làm một điều mà trong thâm tâm tôi chẳng những không muốn mà lại hết sức bất bình ».

Rồi Ngu-Í lại « bước vào cái ga-ra rộng lớn, đẩy xe hơi, tìm chỗ để cái xe mô-bi-lê

ướt nhèm, khóa cẩn thận lại, cởi và « giữ áo phong sương » ở dưới căn phòng vừa là nơi làm việc vừa là chỗ nghỉ ngơi của nhà kinh doanh tên Doãn họ Lê-Đình... » Độ 5 phút sau chủ nhân mới ra, trầm lặng và lạnh lùng như một hồn ma bóng quế ! Tôi biết mình sẽ về với hai tay không... » Và quả linh-linh anh đã không lầm.

Không nản chí, Ngu-Í lại tìm đến nhà văn Nguyễn-Thị-Vinh :

« Tôi lên lầu, và thấy chủ-nhơn — tác giả Thương yêu — đang nằm trên ghế xích đu, đáng một mỗi trông thấy, và hồn như ở tận đâu đâu. Tôi lên tiếng hai lần, chị mới ngoảnh lại, nhìn tôi, có hơi ngơ ngác.

Tôi xin lỗi chị và ngỏ ý mình.

Lúc đầu, chị như không hiểu. Rồi chị hơi chau mày. Giọng chị rời rạc và lạnh lùng, xa vắng :

— Xin lỗi anh. Tôi trong người không được khỏe, anh cho khi khác vậy ».

Những trang phỏng vấn của Ngu-Í đã ngưng lại, dở dang ở nơi đây. Lý do ? Xin mời bạn đọc xem tiếp lá thư của anh.

Anh,

Tôi không nhớ rõ chị Vinh, anh Thu sau này có viết gì hay nói lại cho ai ghi năm ba kỷ niệm gì về anh không, nhưng anh Dẫn và anh Gioãn thì có viết dài về anh. Ấy mới biết, tôi không được cái may như anh Trần-Phong-Giao, song nghĩ lại, tôi cũng giữ lại được chút gì mà với anh, dẫu rằng đã ở bên kia thế giới loài người, cũng làm bằng khuâng, nghĩ ngợi.

Đêm đã về khuya. Lòng người dễ lắng lại. Riêng tôi trước kia, tôi định sau khi phỏng vấn một số bạn văn, sẽ kết thúc bài bằng một cuộc to nhỏ với anh, như đã từng làm với một nhà văn mà tuổi trẻ tôi từng chịu ảnh hưởng, anh Lê-Văn-Trương với quan niệm người hùng. Ví thử lúc bấy giờ, tâm và trí tôi không quá căng thẳng đến đôi phải gác bút mà vào viện Dưỡng trí, thì lời lẽ sẽ gay gắt biết bao.

Nhưng bảy năm dài lê thê lẽ lẽ thối đã qua.

« Người trai » sốt sắng, máu nóng còn sôi trong huyết quản, chịu khó chịu khổ trong nghề, nay đã không còn. Mà chẳng phải riêng gì tôi. Cả cái lứa vừa lớn lên — trên dưới tuổi mười lăm — là đã làm quen với những xã Xệ, lí Toét, những Dưng, Loan.... nay thấy mình đã thấm mệt, đều chẳng phải anh hùng! Mà khi anh an giấc ngàn thu, họ còn hăng say, còn xông xáo, còn tin tưởng. Mà nay, đúng hơn, mà một năm nay, họ bỗng thấy mình già, mệt mỏi, chán chường, và sao như muốn buông xuôi.

Mới đây, gặp anh Như-Phong ở tòa soạn « Bách khoa », tôi thấy mặt anh đã nhiều vết nhăn, và tóc pha khá nhiều tiêu muối.

Như-Phong đưa ra một nhận xét : « Nay, tôi thấy những cái « đao to búa lớn » như độc lập, tự do...hết làm tôi mê nữa. Mà chỉ quý cái xử sự với nhau.» Anh Lê-Ngộ-Châu tán thành với vài cái gục gặc. Tôi thì thêm : « Xử sự với nhau sao cho có trước có sau, nhất là những khi mình thất thế, mình xuống chó xuống heo ». Hai người bạn đồng lứa và đồng nghề — nghề cầm bút — cũng đồng ý với tôi.

Và tôi, khi nói xong mấy lời ấy, lại nhớ đến anh. Là vì, năm nào, ngày nào, khi cùng anh Lê-Ngộ-Châu và anh Nguyễn-Hiến-Lê đưa anh từ nhà xác nhà thương Đồn-đất đến chùa Xá-lợi, rồi về, riêng tôi đã « giận » anh ở chỗ « xử sự » ấy...

Bảy năm qua. Tôi có nhiều dịp bàn với các bạn trẻ — học sinh ban Tú tài và sinh viên — về cái chết của anh, và lạ thay, người trên bốn mươi tuổi lại « gặp » những người trên dưới hai mươi ấy. Nay tuy có muộn màng, nhưng tôi mong rằng nó chẳng trễ tràng, tôi cũng xin kể lại đây, để anh ngầm nghĩ tận chốn mà khen chê của người đời nhẹ hơn cơn gió thoảng.

Đã bảy năm ồn ào, rắc rối, buồn nôn, chán nản ! Thì sự thật càng được rõ ràng.

Đành rằng cái-chết-tự-thiên của tu-sĩ Thích-Quảng-Đức và phong trào chống đối của Phật-giáo là một trong những cơn lốc mạnh làm lung lay và bật gốc chế độ họ Ngô-Đình. Đành rằng cái-chết-uống-thuốc-ngủ-pha-rượu của nghệ sĩ Nhất-Linh kiêm chiến sĩ Nguễn-Tường-Tam sau đó có giúp vào việc nói trên : nhưng giả sử không có cái chết của Thích-Quảng-Đức (mà anh nơi gương) và giả sử không có cả cuộc tranh đấu của Phật giáo đi nữa, thì liệu họ Ngô-Đình có ngự trị trên nửa đất Việt này đến năm 1964 không?

— Xin anh đừng cho rằng những bạn trẻ kia và tôi cố tình phủ nhận công lao của đạo Phật, của một số đảng phái, của quân đội trong cuộc giờ qua một trang lịch sử buồn đau, nhưng thật ra, nói như ai, nhất là khi thời gian đã lùi đến sáu, bảy năm : « Nếu thắng Mĩ mà chẳng muốn, thì sức mấy mà các ông tướng, các nhà sư lật nổi Diệm-Nhu! »

Buồn, đau, tủi biết mấy, anh ơi!

Cái gác Nhìn lên của tôi nay không còn đúng với ý nghĩa ban đầu tôi đặt cho

nó. Người ta đã xây cao cái nhà ở sau nó, thành ra có nhìn lên, tôi chẳng còn thấy một mảnh trời cao khá rộng, với thỉnh thoảng một ít trắng sao như độ anh thôi chơi phong lan ở rừng núi mà về đồng bằng tính chuyện bút văn. Thành ra tôi lại phải cúi xuống mà nhỏ to tiếp với anh đây.

Anh, bảy năm về trước, tôi đã vừa thương anh nhiều vừa giận anh lắm. Thương thì chẳng cần nói, anh cũng rõ, còn giận thì không nói chắc anh chẳng có ngờ.

Giận thứ nhất, là trong di chúc anh, có câu "tôi tự hủy mình cũng như hòa thương Thích-Quảng-Đức tự thiêu". Một người như anh, một nghệ sĩ như anh, mà lại cam tâm bắt chước ! Dầu cho bắt chước một Thích-Ca, chớ đừng nói chỉ một hòa-thương. Thế, thì nếu không có ngọn «*Lửa hồng còn ngùn đâu đây*» (1) thì là chẳng có «*Thuở an một giấc đã say mấy lòng*» (2) ? !

Giận thứ hai, là anh quả thật là ích kỉ ! Anh chỉ nghĩ đến anh, rộng hơn, là đến cái gọi là đảng anh ; mà anh chẳng thêm nhớ đến chị, đến các cháu, đến các bạn, đến lớp đàn em đang ngơ ngơ ngác ngác.

Cái chết của anh thật đẹp, đứng về mặt nghệ thuật mà nói, rất là nghệ sĩ. Thật là anh chụp ngay cái dịp ngàn năm một thuở ấy để ra đi.

Các bạn trẻ buộc tội anh : *nhát, sợ*. Vì giữa cái chết mau êm thắm, có tiếng vang, và tưởng như có ích lợi nhiều cho Dân tộc, với cái sống lâu, dấn vật, nhục nhã và... bất lực, anh đã chọn cái dễ nhất !

Anh coi tuổi trẻ giờ đây, chúng "tàn nhẫn" đến chừng nào !

Tôi, tôi ước mong phải chỉ anh :

— Không chạy ần một nơi nào, hay lánh qua nước khác, mà ra tòa, rồi ôn tồn : «*Lỡ sống dưới chế độ phản dân chủ, và gia đình trị này, tôi có bốn phận đến đây cho đúng phép... xã giao. Tôi không công nhận chế độ này, thì các ông muốn nhơn danh gì để buộc tội, để kêu án tôi, thì tùy. Thân tôi đây, các ông cứ tùy nghi sử dụng. Còn hồn tôi, xin các ông cho phép nó được phiêu diêu nơi khác, theo làn khói thuốc Bastos xanh !* » Rồi anh vào tù với đồng chí, với bạn bè, với anh với em, với con với cháu. Rồi anh được mời ra tù. Rồi sau đó, anh ngồi nhà mà viết hồi kí về đời làm báo, về đời làm cách mạng của anh.

Ví thử mà từ 15h ngày 8-7-63 đến giờ, anh còn sống giữa gia đình, anh còn có mặt với anh em, thì... Thì... tôi chẳng biết thì ra sao nữa. Có lẽ một con đom đóm lập lòe trong đêm dài gần như vô tận, chẳng có nghĩa gì; có lẽ một con chim én già nua bơ vơ trong mùa đông gay gắt quá chừng, chẳng có nghĩa gì; nhưng (lại nhưng !) nhưng ánh sáng yếu ớt kia sẽ làm ấm bao tấm lòng giá lạnh, nhưng đôi cánh mỗi một kia tuy chẳng làm được một mùa xuân, nhưng nó gọi rằng có một mùa xuân còn ần núp đâu đây, thì chờ mong chưa tắt rụi.

(1,2) Trích trong bài «*Ngày con ra đời : 31-7-1963*» của tôi, đã đăng trên *Bách Khoa* và trong... *Qế hương A*.

A ! giá mà những năm 1964, 1965, 1966, 1967, 1968, 1969, 1970, mà còn có một *Nhất-Linh* Nguyễn-Tường-Tam. Không cần anh múa may, không cần anh hò hét, không cần anh nhập cuộc. Chỉ cần anh có đó. Có với lặng im. Lặng khi, sự hiện diện của một *NGƯỜI* nào đó nó an ủi, nó vỗ về, nó khuyến khích, nó thay đổi cả một đời, đời một người, đời một nhóm người, đời một đoàn thể, đời một dân tộc đang khủng hoảng cấp lãnh đạo, đang bị phá sản vì sức mạnh vật chất, đang bị chà đạp gạt lừa đến chỗ phải cúi đầu, mất cả lòng Tin...

Anh, anh có cho rằng người bạn nhỏ mà có lần anh ân hận vì đã đối xử một cách gắt gao không đáng, mà có lần anh nhờ một chuyện không khó mà làm cũng chẳng xong, anh có cho rằng cái anh chàng Ngu-Í quả là quá chủ quan và lắm í ngu, mà đây là một ?

Anh ơi ! nếu anh biết, hai mươi năm về trước, sống mòn mỏi giữa chế độ Cộng sản, tôi đã từng mơ có ngày thấy "ba người ngự lâm pháo thủ" quây quần chung quanh người Mẹ Việt-Nam ; và trong ba người ấy, một người là Nguyễn-Tường-Tam.

1 giờ 19 phút đêm 8-6-1970

NGUYỄN-NCU Í

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ.

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
多
金
牌
煙
名
貴
大
方

Siêu Đẳng Thượng Hào Hạng

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỔ PHỔI
BỒI BỔ CƠ THỂ
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HOA-LAN

Thơ Trung-Hoa

(Xin xem B. K. từ số 324)

Đã xét tính cách tương đồng của hai kĩ thuật làm thơ và vẽ rồi, lại xét thêm tính tương đồng của đề tài trong thi và họa, ta mới càng thấy sự liên lạc mật thiết giữa hai môn đó là rất tự nhiên. Nhận đề một bức họa nhiều khi chính là một câu trích trong một bài thơ. Họa sĩ khi vẽ xong một bức rồi, thường đề một bài thơ lên một khoảng trống ở một góc cao trên bức họa, khoảng trống đó là một đặc điểm của bức họa Trung Hoa. Sự liên lạc mật thiết giữa hai môn đó là nguồn gốc một đặc điểm nữa của thơ Trung Quốc, tức nghệ thuật ẩn tượng. Nghệ thuật đó có mục đích đập mạnh vào trí tưởng tượng của người đọc; nó dùng một loạt ẩn tượng mạnh và sâu, lưu lại một dư âm trong tâm hồn người đọc một cảm xúc khó tả, đủ cho ngũ quan của ta bị kích thích mà không đủ cho óc suy nghĩ được thỏa mãn. Thơ Trung Quốc đã đạt được mức tuyệt diệu về thuật li-tưởng hóa, ám thị hàm súc và tế nhị. Thi sĩ không bao giờ gắng sức diễn hết ý của mình chỉ dùng vài nét đơn sơ, thanh đạm, tinh xác để gợi một hình ảnh, vẽ nên một bức tranh.

Do đó mà phát sinh ra phái điền viên, rất thịnh hành, chuyên tả cảnh bằng kĩ thuật ẩn tượng. Các bậc thầy trong phái điền viên là Đào Uyên Minh

(375 - 427) Tạ Linh Vận (385 - 433), Vương Duy (699-759) và Vi Ứng Vật (740-830). Nhưng kĩ thuật đó được toàn thể thi sĩ Trung Hoa dùng, không nhiều thì ít, chứ không phải chỉ riêng phái đó mà thôi.

Người ta khen Vương Duy (còn có tên phổ biến hơn) là Vương Ma Cật là «trong thơ có họa, trong họa có thơ» (thi trung hữu họa, họa trung hữu thi), vì ông vừa là một thi sĩ, vừa là một họa sĩ. Tập Vọng Xuyên của ông gồm toàn những bài thơ tả cảnh điền viên.

Một bài thơ như bài dưới đây, chỉ một nhà thích môn họa Trung Hoa mới làm được :

*Táp táp thu vũ trung
Thiên thiên thạch lưu tả.
Khiêu ba tự tương tiên,
Bạch lộ kinh phục hạ.*

Thác Loạn Gia

*Mưa thu đồ ào ào,
Thác chảy trên đá cạn.
Sóng dội tạt vào nhau,
Cò trắng hoảng đáp xuống.*

oOo

Tới đây ta lại gặp vấn đề ám thị, gợi ý. Một họa sĩ phương Tây hiện đại đã răn vẽ «cái thanh âm của một

tiếng nằng leo lên bậc thang» mà không được. Nhưng các họa sĩ Trung Hoa đã giải quyết được phần nào vấn đề giới hạn của nghệ thuật. Họ dùng phương pháp ám thị, gợi ý, để được phát triển cực độ trong nghệ thuật làm thơ. Sự thực, dùng phương pháp ám thị, gợi ý thì có thể vẽ thanh âm và hương thơm được. Một họa sĩ Trung Hoa muốn vẽ tiếng chuông chùa mà không cần vẽ cái chuông thì có thể vẽ một mái chùa hiện trong đám cây và một nhóm đàn ông và trẻ em vẽ mặt hân hoan, bình tĩnh lắng tai nghe tiếng chuông chùa. Các thi sĩ Trung Hoa cũng có một cách tài tình để gợi cho ta cái ý : hương thơm, họ cũng dùng bút pháp của họa sĩ. Thì đây một thi sĩ muốn tả hương thơm của cánh đồng, hạ bút :

Đạp hoa qui khứ, mã đề hương.

Con ngựa ngựa dẫm hoa trở về,
móng cò thơm.

Không gì giản dị bằng vẽ một bầy bướm bay chung quanh móng chân ngựa - cảnh đó chắc đã có họa sĩ vẽ rồi. Dùng phương pháp ám thị đó, thi-sĩ Lưu Vũ Tích đã tả hương thơm trên mái tócm ột cung nữ.

*Tân trang nghi diện hạ chu lâu,
Thâm tỏa xuân quang nhất dạ sầu.
Hành đáo trung đình sở hoa đoá,
Tĩnh đình phi thượng ngọc tao đầu.*

Bận áo mới, nàng hờn hờ bước xuống lầu son,

Hưởng ánh xuân, sau một đêm ngồi rầu rĩ trong ngôi lầu khép kín.

Nàng tới cung đình, mái tóc cài mấy đoá hoa,

Con chuồn chuồn bay đậu lên chiếc trâm ngọc của nàng.

Bốn câu thơ đó làm cho ta cảm

thấy vẻ đẹp và hương thơm ngào ngạt của nàng cung nữ và của chiếc trâm ngọc, tới nỗi con chuồn chuồn cũng bị quyến rũ.

Dùng phép ẩn tượng đó, thi nhân có thể tác động vào tư tưởng và tình cảm của ta, cách đó gọi là tượng trưng. Thi nhân chỉ gợi lên vài ý thôi chứ không dùng cả một đoạn dài, nhưng khéo gây cho ta một tâm trạng tiếp thu được tư tưởng của ông. Cảnh gợi những tư tưởng đó càng rõ ràng linh động bao nhiêu thì tư tưởng lại càng mơ hồ, mông lung bấy nhiêu. Phải khéo lựa một khung cảnh nào đó để gợi những ý nghĩ nào đó, cũng như các nhạc kịch theo điệu Wagner của Phương Tây khéo dùng những hài âm nào đó để thính giả biết sắp có một vai nào đó ra sân khấu.

Cứ theo «lô gích», thì ta khó nhận được sự liên quan giữa khung cảnh với ý nghĩ trong nội tâm của con người, nhưng xét về phương diện tình cảm và tượng trưng thì liên quan đó có thực. Phép đó gọi là « húng » (1) hoặc « hoán khởi » đã có từ thời cổ, trong kinh Thi. Chẳng hạn trong thơ đời Đường, chúng ta thấy thi sĩ dùng nhiều cách để tả di tích của một triều đại xưa kia huy hoàng, nhưng cách nào cũng là tượng trưng cả, tuyệt nhiên không diễn cái ý nghĩ thầm kín của thi nhân. Như bài *Kim Lăng đồ* (Bức họa Kim Lăng) của Vi Trang tả cảnh phồn hoa thời trước của Kim Lăng :

(1) *Húng* là nhân cảm xúc về sự việc gì mà tình phát hiện, trước tả sự vật đó, sau tả lòng mình như :

Quả cau nho nhỏ,
Cái vỏ vân vân.
Nay anh học gần,
Mai anh học xa.

Giang vũ phi phi giang thảo tễ
 Lục Triều như mộng điều không đề.
 Vô tình tối thị đài thành liễu,
 Y cựu yên lung thập lí đề.

Mưa trên sông mù mù, cỏ trên bờ
 rậm cao.
 Đời Lục Triều đã qua như giấc
 mộng, chim bông hót,
 Vô tình nhất là hàng liễu dọc tường
 cung điện,
 Vẫn rậm rạp như trước trên mười
 dặm đề.

Chỉ gọi cái cảnh mười dặm đề (tức tường lũy bao vây khu cung điện) trồng đầy liễu đủ cho người đồng thời với thi nhân nhớ lại thời Trần Hậu Chủ thịnh ra sao, thành Kim Lăng phần hoa ra sao; mà câu: «Vô tình tối thị đài thành liễu» làm nổi bật sự tương phản giữa cảnh phù trầm biến thiên của kiếp người với cảnh thản nhiên của cây cỏ, của hóa công.

Cũng dùng kĩ thuật đó, Nguyễn Chấn (1) (779-841) tả nỗi lòng ông bị thảm nhớ tiếc thời vàng son rực rỡ của Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi; ông chỉ phác vài nét về bốn cung nữ đầu bạc ngồi nhắc lại chuyện cũ với nhau trong hành cung lạnh lẽo, chứ không cần phải chép tỉ mỉ câu chuyện của họ ra sao, nếu chép lại thì hỏng;

Liêu lạc cổ hành cung,
 Cung hoa tịch tịch tịch hồng.
 Bạch đầu cung nữ tại
 Nhân tọa thuyết Huyền Tông.

Hành cung cũ

Quạnh bệu thương cảnh hành cung,
 Trước thềm hoa thắm mấy bông rầu
 rầu.
 Trong cung bà chúa bạc đầu,

Ngồi rồi kể chuyện khi hầu Huyền
 Tông.

Ngô Tất Tố dịch.

Lưu Vũ Tích cũng dùng bút pháp đó tả cảnh tàn phế bi thảm của Ô Y hạm, khu của hai họ vinh hiển giàu sang đời Lục Triều, họ Vương và họ Tạ:

Ô Y hạm

Chu tước kiều biên dã thảo hoa,
 Ô Y hạm khẩu tịch dương tà.
 Cựu thời Vương, Tạ đường tiền vẫn,
 Phi nhập tâm thường bách tính gia,

Đường Ô Y (2)

Bên cầu Chu tước cỏ xen hoa.
 Cửa ngõ Ô Y bóng ác tà.
 Vương, Tạ nhà xưa con én đậu,
 Bây giờ bay đến đậu dân gia.

oOo

Điểm sau cùng và trọng yếu nhất là thi nhân cho cảnh vật thiên nhiên có những đặc tính của con người, có tình cảm như người, nhờ phép ẩn dụ tế nhị như trong những tiếng: «nhân hoa», «bi phong», «nộ tước» (con chim sẽ mĩa mai). Tự bản thân, những ẩn dụ đó không có ý nghĩa gì cả. Tất cả cái thú vị ở trong cái nghệ thuật của thi nhân làm cho cảnh vật rung động với mình, chung vui xẻ buồn với mình.

Thí dụ hiển nhiên nhất là bài Kim Lăng đồ, Vi Trang trách hàng liễu dài mười dặm cứ vô tình tươi tốt, chẳng nhớ gì Trần Hậu Chủ mà cũng

(1) Bản tiếng Pháp chép là Bạch Cư Dị (772-846). Chắc Lâm Ngữ Đường đã sơ ý, nhớ lầm.

(2) Hồi hai họ Vương, Tạ còn thịnh, người trong nhà đều mặc áo đen, nên có đường họ gọi là Ô Y (áo đen) còn đường đó nay còn ở trong thành Nam Kinh.

chẳng xẻ nổi buồn với mình.

Một lần tôi đi chơi với một thi nhân, chiếc xe buýt của chúng tôi chạy ở dưới chân một ngọn đồi cô tịch; chỉ thấy mỗi một mái nhà tranh, cửa đóng then cài; một cây đào thình khai lẻ loi ở trước cổng như uồng công khoe hương khoe sắc trong thung lũng vắng vẻ. Bạn tôi làm một bài tứ tuyệt, chép ngay vào sổ tay, tôi còn nhớ được hai câu :

*Tỷ (1) ảnh liên thiên hạ tử mạch,
Đào hoa phỉ trắc ý sài phi.*

Lưỡi cày nối tiếp nhau xuống bờ ruộng đỏ,

Hoa đào rầu rĩ dựa cổng tre (2).

Câu sau hay vì tác giả cho cây đào cũng biết rầu rĩ như mình. Kĩ thuật đó rất thường thấy trong những bài thơ có giá trị của Trung Hoa.

Lí Bạch mở đầu một bài bằng hai câu :

Mộ tông bích sơn hạ.

Sơn nguyệt tùy nhân qui.

Chiều tối, xuống núi xanh,

Trăng núi theo người về.

Lại như bài *Nguyệt hạ độc chước* của ông mà ai cũng thuộc :

Nguyệt hạ độc chước

Hoa gion nhất hồ tửu,

Độc chước vô tương thân.

Cử bôi yêu minh nguyệt,

Đối ảnh thành tam nhân,

Nguyệt kì bất giải ầm,

Ảnh đồ tùy ngã thân.

Tạm bạn nguyệt tương ảnh,

Hành lạc tu cập xuân.

Ngã ca nguyệt bồi hồi,

Ngã vũ ảnh linh loạn,

Tĩnh thời đồng giao hoan,

Túy hậu các phân tán.

Vĩnh kết vô tình du,

Tương kì mao vân hán.

Uống rượu một mình dưới trăng

Vườn hoa một bầu rượu,

Một rót chẳng có ai.

Cất chén mời trăng sáng,

Đổi bóng thành ba người

Trăng già không biết hậu,

Bóng cứ mãi theo ta.

Bạn tạm cùng trăng, bóng,

Mua vui kéo xuân qua.

Ta hát, trăng bồi hồi,

Ta múa, bóng chuyển choáng.

Lúc tỉnh cùng giao hoan,

Lúc say cùng phân tán.

Buộc chặt bạn vô tình,

Mây trời còn hứa hẹn.

(Vô danh dịch)

Đây không không phải là thuật tỉ dụ, ám dụ nữa; đây là thi nhân đồng hóa với thiên nhiên, đây là triết lý người với vạn vật hợp nhất, vũ trụ cùng sống và cảm xúc với người, cùng chung vui xẻ buồn với người.

Tín ngưỡng phiếm thần đó — đúng hơn là tín ngưỡng người với vạn vật chung một thể — hiện ra rất rõ ràng trong những bài «Mạn hứng» của Đỗ Phủ: thi sĩ cho thiên nhiên cũng cảm xúc như người, rồi lần lượt tả lòng ta thương xót thiên nhiên khi thiên nhiên gặp tai họa, lòng vui vẻ của ta khi tiếp xúc với thiên nhiên, sau cùng tả sự dung hợp hoàn toàn giữa ta và thiên nhiên. Đây là bài đầu gồm 4 câu :

Nhân khan khách sầu sầu bất tỉnh,

Vô lại xuân sắc đáo giang đình.

Tức khiến hoa khai thâm thảo thử,

Tiện giác oanh ngữ thái đình ninh.

(1) Thường đọc là cử

(2) Chính ra là công bằng cây.

Nhìn thấy khách sầu, sầu chẳng tỉnh,
Mùa xuân, kẻ vô lại đó, đến đình ở
bên sông,
Làm cho hoa nở vội vàng tung bưng
Và nghe thấy tiếng oanh rộn ràng.

Những tiếng « vô lại » « đình ninh »,
« oanh ngữ » đã nhân cách hóa mùa
xuân và con oanh. Rồi thi nhân phản
nản về đám mưa đêm trước đã làm
điều đứng những cây đào, cây lí:

Thủ chủng đào lí phi vô chủ.

Dã lão tường đề hoàn tự gia

*Kháp tự xuân phong tương khi đắc,
Dạ lại xuy chiết sô chi hoa.*

Những cây đào cây lí tay tôi trồng,
không phải là vô chủ.

Chiếc tường thấp của ông lão quê
như ngôi nhà che chở chúng,

Thì đúng lúc gió xuân lại hại nó,
Đêm qua thổi gãy mất mấy cành.

Lòng thương hoa đó còn được thi
nhân diễn lần nữa trong 4 câu cuối:

Cách hộ dương liễu nhược niêu niêu,

Cáp như tháp ngũ nữ nhi yêu.

Thùy vị triêu lai bất tốc ý ?

Cuồng phong chiết đoạn tối trường điều.

Cách cổng cây liễu yếu mềm mại.

Như lưng một thiếu nữ mười lăm.

Ngờ đâu sáng nay xảy ra như vậy ?

Gió đã thổi gãy cành dài nhất của nó.

Rồi lại một lần nữa, thi sĩ tả những
cây liễu múa điên cuồng trong gió, và
những cánh đào khinh bạc rơi lả tả trên
mặt nước,

Trường đoạn giang xuân dục tận đầu,

Chi lê từ bộ lập phương châu

Điên cuồng liễu như tùy phong khứ

Khinh bạc đào hoa trục thủy lưu

Tôi đau lòng vì xuân trên sông đã
sắp hết,

Chống gậy đi dạo trên bãi sông hoa
cỏ thơm tho
Bông liễu điên cuồng bay theo gió,
Hoa đào khinh bạc chảy xuôi giòng.

Lòng yêu thiên nhiên đó có lúc làm
cho thi sĩ tiếp xúc với loài sâu loài
trùng mà thấy thích thú như trong bài
thơ thứ ba của Đỗ Phủ (1). Nhưng tôi
dẫn một thí dụ khác trong bài *Mộ xuân*
tức sư của Diệp Lí mộ thi sĩ đời
Tống:

Song song ngoã tước hành thư án,

Điểm điểm dương hoa nhập nghiêng trì.

Nhàn tọa tiểu song độc Chu Dịch,

Bất tri xuân khứ kỉ đa thì

Hai con ngỗng tước (một loại chim)
nhảy song song trên án sách

Từng cánh từng cánh hoa dương
rớt vào nghiêng mành.

Ngồi nhàn, đọc Chu Dịch ở gần cửa
sổ nhỏ,

Không hay rằng xuân qua mau quá,

Ngắm thiên nhiên theo lối chủ quan
đó, lại thêm tấm lòng từ ái vô biên
với điều thú, Đỗ phủ đã viết nên hai
câu bất hủ này:

Sa đầu túc lộ liêu quyền tĩnh

Thuyền vĩ khiêu ngư bất thích minh.

Cò ngủ yên trên bãi cát, chân quắp
quắp lại như nắm tay.

Cá quẫy mạnh nhảy vọt lên ở đuôi
thuyền

Ở đây ta thấy nét đặc biệt nhất của
thơ Trung Quốc: tức điểm cảm ứng
nội tâm Tả những ngón chân quắp lại
của con cò mà dùng chữ « quyền » (nắm

(1) Bài thơ thứ ba của Đỗ Phủ có nói
gì tới côn trùng đâu?

tay), thì không phải chỉ là ám dụ; thi nhân đã đồng hóa với con cò, tới nỗi cảm thấy ngón chân nó quắp lại như chính mình nắm chặt tay lại, và ông muốn độc giả chia xẻ "cảm xúc nội tâm" đó với ông. Đây không phải là cách nhận xét tỉ mỉ của nhà bác học, mà là cảm giác minh mẫn, thâm thúy của thi nhân, cảm giác xuất từ chân tình, thấu triệt như cặp mắt của tình nhân chính xác, không sai lầm như trực giác của người mẹ. Vì có cảm xúc nội tâm đó cái tình cảm chiễm vào vạn vật trong vũ trụ làm cho các vật vô tri cũng hóa ra hữu tri đó, nên thi nhân mới cho rêu "leo" lên bậc cửa, màu của cỏ "xâm nhập" tấm rèm ở cửa sổ. Ảo giác đó (vì tất cả chỉ là ảo giác), thi nhân Trung Hoa cảm thấy một cách tự nhiên và bất tuyệt, tới nỗi cơ hồ nó là căn bản của thơ Trung Hoa. Tuy là tỉ luận mà không phải là tỉ luận (analogie); ở trong thơ Trung Hoa nó thành một sự thực có thi vị; và phải say mê cái đẹp thiên nhiên tới một mức nào đó mới có thể vịnh hoa sen như vậy được:

Hoa ngả cái mũi xanh xuống
 Khi một ngọn gió nhẹ thổi qua.
 Nó hé mở cánh hồng không giấu
 giếm.

Khi thấy không có ai ở chung quanh (1)
 Đọc những câu đó, ta tưởng đâu như
 của Heine (2) vậy.

oOo

Xét hai phương diện của thi pháp: tả cảnh và diễn tình, như trên rồi, chúng ta có thể hiểu được tinh thần của thơ Trung Hoa, và nhận được sự cố gắng của nó trong việc giáo hóa ra sao. Sự cố gắng đó có hai phương diện tương ứng với hai loại thơ: -1) loại thơ

hào phóng, tức thơ lãng mạn, phóng túng, vô tư vô lự, chỉ sống theo tình cảm, phản kháng mọi sự trói buộc của xã hội, mà hồ hào tinh thần yêu say đắm thiên nhiên; -2) loại thơ văn học, có tiết độ trong cách phô diễn, chủ trương an-phận, âu sầu mà không chua chát, khuyên ta tìm cái vui nội tâm, yêu đồng loại, đặc biệt là kẻ nghèo khổ bị ức hiếp, và ghét chiến tranh.

Trong hạng thứ nhất, ta nên kể Khuất Nguyên (343-209), các thi sĩ phái diễn viên như Đào Uyên Minh, Tạ Linh Vận, Vương Duy, Mạnh Hạo Nhiên (689-740), và nhà sư cuồng Hàn Sơn (vào khoảng năm 900). Trong hạng thứ nhì, có Đỗ Phủ, Đỗ Mục (803-852), Bạch Cư Dị, Nguyên Chấn (779-831) và nữ thi nhân bậc nhất Trung Hoa: Lý Thanh Chiếu (1081-1141).

Không có sự phân loại nào hoàn toàn đúng được, và nên kể thêm một hạng thứ ba nữa gồm các thi sĩ rất nhiệt tình như Lí Hạ (Lí Trường Cát 790-816), Lí Thương Ẩn (813-858), Ôn Đình Quân (cùng thời với Lý Thương Ẩn), Trần Hậu Chủ (553-604) và Nạp Lan Tính Đức (người đời Thanh 1655-1685); các thi sĩ đó đều nổi danh về loại thơ trữ tình.

Lí Bạch là đại tiêu biểu hạng thi nhân hào phóng. Đỗ Phủ làm một bài thơ nói về Lí như sau:

(1) Bản tiếng Pháp ghi là của Ch'en Ngô. Bản Hoa dịch của nhà Chí văn (Đài Bắc) chắc không tìm ra được bài đ, nên thay bằng một bài khác.

(2) Thi sĩ Đức (1797 - 1856) ở cuối thời đại lãng mạn.

*Lí Bạch đầu tửu thi bách thiên
Trường An thị thượng tửu gia miên.
Thiên Tử hô lại bất thượng thuyền,
Tự xưng thần thị tửu trung tiên.*

Một đấu rượu vào, thơ trăm thiên, (1)
Quán rượu Trường An ngủ liên miên.
Vua gọi lên thuyền, Lí nguây nguây.
Tự xưng: Thần chính «tửu trung tiên».

Lí Bạch là minh chủ trên thi đàn
lãng mạn Trung Hoa, say khướt mà
không tục, ghét làm quan mà kết bạn
với trăng, ngao du sơn thủy và lúc nào
cũng chỉ muốn thoát li xã hội:

*Thủ trung điện duệ ý thiên kiếm,
Trục trảm trường kình, hải thủy khai.
Chống cây kiếm trời loang loáng
trong tay*

Chém một nhát con cá kình, nước biển
tung toé.

Không có điểm nào của ông mà không
lãng mạn. Cái chết của ông cũng lãng
mạn. Một đêm ông ngồi thuyền, uống
rượu say, đưa tay ra mò trăng mà té
xuống sông; kết liễu đời mình. Thú vị
thay! Dân tộc Trung-hoa điểm đậm, ít
tình cảm — người ta nói vậy — mà lại
có người mò trăng và chết một cách nên
thờ như vậy thì có bất ngờ không nhỉ.

Thật đáng mừng rằng người Trung
Hoa say mê thiên nhiên tới nỗi tình cảm
đó tràn khỏi lòng họ mà bồi bổ cho văn
học thêm phong phú. Nhờ vậy mà lòng
yêu hoa và chim phò biển trong đám
bần dân Trung Hoa hơn cả các dân tộc
khác. Tôi đã nhận xét một đám đông
Trung Hoa hoan hỉ ngắm một con chim
trong lồng, họ trở lại cái tuổi ngây thơ
hơn hờ, quên hết các tư lự, phá tan cái
bức tường nghi kỵ, hiềm khích giữa

những kẻ lạ mà chung vui với nhau.
Lòng sùng bá đời sống điền viên đã
thấm nhuần toàn thể văn hóa Trung-
Hoa, và ngay bọn quan liêu học giả cũng
nói đến việc «về vườn», cho «về vườn là
cái nguyện vọng phong nhã nhất, đẹp đẽ
nhất, thú vị nhất đời. Nguyện vọng đó
lưu hành tới nỗi bọn chính khách cực
bại hoại cũng dám nói rằng bản chất họ
có một chút gì giống Lí Bạch. Tại sao
bọn lưu manh đó có cảm giác như vậy
được? Là vì họ cũng là người Trung
Hoa. Là người Trung Hoa nên họ nhận
định được đúng giá trị của đời sống;
và nửa đêm, đứng tựa cửa sổ, ngắm
sao lấp lánh trên trời, họ nhớ lại những
câu thơ học hồ nhỏ:

*Chung nhật hôn hôn túy mộng gian.
Hốt văn xuân tận cưỡng đăng san,
Nhân qua trúc viện phùng tăng thoại,
Hựu đắc phù sinh bán nhật nhân.*

(Lí Thiệp)

Mê một đêm ngày mộng chữa tan.
Lên non vì chợt thấy xuân tàn.
Qua chùa nhân gặp sư trò chuyện,
Kiếp tục nay dư nửa buổi nhân
(Bùi Khánh Đán và Đỗ Bằng Đoàn)

Đại biểu cho hạng thi nhân thứ nhì
thì không ai bằng Đỗ Phủ. Ông bình tĩnh
thận trọng, thương kẻ nghèo khổ bị áp
bức, oán ghét chiến tranh.

Thực cũng may cho dân tộc Trung-
Hoa có được những thi hào như Đỗ Phủ
và Bạch cư Dị, khéo dùng nghệ thuật
mà tô điểm những ưu uất của ta, gọi
cho ta tấm lòng thương cảm, đồng tình
với nhân loại Đỗ Phủ sống vào một thời
hôn loạn về chính trị, thối phi hoàng
hành, lính tráng hãm hực y như thời đại

(1) Chính nghĩa là Lí Bạch uống một đấu
rượu làm được trăm bài thơ.

chúng ta (1). Giọng ông cảm khái :

*Chu môn tui nhục xú
Lộ hữu ngã tử cốt*

Cửa son, nặc mùi rượu và thịt thối,
Trên đường, đầy xương kẻ chết đói.

Bi cảm đó cũng hiện rõ trong bài
Tâm phụ ngâm của Tạ Phương Đặc đời
Tống :

*Tử qui để triệt tứ canh thì,
Khởi thị tâm trù pha điệp hi.
Bất tín lâu đầu dương liễu nguyệt,
Ngọc nhân ca vũ vị tăng qui.*

Con chim tử qui đã báo c nh tư,
Dạy xem tâm có đủ dân ăn không
Mặt trăng chiếu sau đám liễu ở trên
góc lầu,
Ngờ đâu bọn « người ngọc » đó còn múa
hát vẫn chưa về.

Độc giả nên chú ý tới lối kết thúc
đặc biệt trong bài thơ đó : không đem
tư tưởng xã hội ra thuyết, mà chỉ gợi
lên một cảnh rất ý vị. Vậy mà bài thơ đó
đương thời cho là hàm ý cách mạng hơn
số đông các bài khác. Bình thường thì
chỉ có giọng âu sầu, an phận, như trong
nhiều bài của Đỗ Phủ tả cảnh thảm khốc
của chiến tranh. Tôi xin dẫn bài Thạch
Hào lại, dưới đây của Đỗ làm thí
dụ :

Thạch Hào lại

*Mộ đầu Thạch Hào thốn,
Hữu lại dạ tróc nhân.
Lão ông du tường tầu,
Lão phụ xuất môn khan. (2)
Lại hô nhất hà nộ,
Phụ để nhất hà khồ !
Thính phụ tiền trí từ :
« Tam nam Nghiệp thành thú.
Nhất nam phụ thư chí :
Nhị nam tân chiến tử*

*Tồn giả thả thân sinh,
Tử giả trường dĩ hi
Thất trung cánh vô nhân,
Duy hữu nhữ hạ tôn.
Hữu tôn mẫu vị khứ,
Xuất nhập vô hoàn quần.
Lão ấu lực tuy suy,
Thỉnh tòng lại dạ qui,
Cấp ứng Hà Dương dịch,
Do đắc bị thần suy. »
Dạ cứu ngữ thanh tuyệt,
Như văn khắp u yết.
Thiên minh đẳng tiền đồ,
Độc dữ lão ông biệt.*

Lính lệ Thạch Hào

Chiều hôm tới xóm Thạch Hào
Đương đêm có lính lao xao bắt người
Vượt tường ông lão trốn rồi,
Cửa ngoài mẹ vợ một hai mời chào.
Lính găm mới dữ làm sac,
Mẹ kêu như tỏ biết bao nhiêu tình
Lắng nghe lời mẹ rành rành :
Ba con đóng ở Nhaiếp Thành cả ba.
Một con mới nhả về nhà,
Rằng : Hai con đi l'm m' chiến
trường :

Kẻ còn vất vưởng đau thương
Nói chi kẻ dưới tuổi vàng thêm đau !
Trong nhà nào có ai đâu ?
Có thằng cháu nhỏ dưới bầu sữa hoi.
Cháu còn mẹ nó chần nuôi,
Ra vào q ăn áo tả tơi có gì ?
Thân già gân đứt dù suy,
Cũng xin theo lính cùng về đêm nay
Hà Dương tới đó sau này,
Cơm canh hầu bữa sớm ngày còn
trời ».

(1) Tức thời các quân phiệt chia năm xẻ
bảy Trung Hoa. mỗi ông tướng chiếm cứ
một nơi, trước khi Tưởng Giới Thạch dẹp
được hết.

(2) Có sách chép là « nghinh ».

Đêm khuya tiếng nói im rồi,
Vẫn nghe nước nở tiếng người khóc
thương.

Sáng mai khách bước lên đường,
Chỉ cùng ông lão bẽ bàng chia tay.

Ngô Tất Tố dịch

Bài thơ đó điền hình cho nghệ thuật

giản dị mà gợi được không khí ưu uất
trong thơ Trung Hoa. Thi sĩ chỉ vẽ
phác một cảnh, diễn một nỗi lòng
thương cảm rồi để cho độc giả tưởng
tượng.

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

Đã phát hành ở Saigon và các tỉnh miền Trung :

NHÌN MẶT 3

Gồm một lực lượng hùng những cây bút trẻ miền Trung.

Chủ trương : Đặng Hòa, Trần-Hoài-Thư

Thư từ bài vở gửi về :

42 Trần Quý Cáp — Qui-Nhon

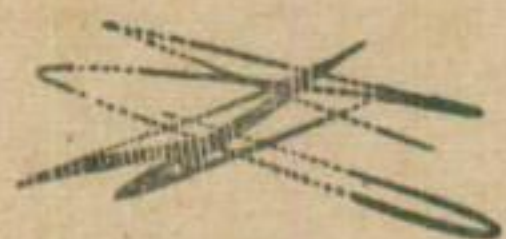
Rượu bổ
QUINQUINA

Quina 'g'
CỔ ACIDE GLUTAMIQUE



khai vị,
ăn thêm ngon.

BỔ ÓC
bồi dưỡng
cơ thể



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



Nhức đầu

• Nhức

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/GCQP

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

từ tháng 5/70

trên bán nguyệt-san **BÁCH-KHOA**

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3000 đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000 đ
o o o				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2800 đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1400 đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	700 đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên, có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chí Bách - Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ. T. 25.539

Nhận xét về một vài cuốn sách do người Tây - phương viết về Yoga

Trước kia giới trí-thức Việt-Nam đã có lúc tìm hiểu đạo Phật qua những tác-phẩm nghiên cứu về Phật-Giáo của những học-giả Tây-phương. Chẳng hạn cuốn "Phật-giáo Đại-quan" của Phạm Quỳnh được viết dựa trên những sách tiếng Pháp.

Nhưng khờ nổi, người học-giả Tây-phương làm sao lĩnh-hội đến cội nguồn tinh-thần Triết-học Đông-phương. Chẳng thế mà một học-giả người Pháp tiếng tăm của Trường Viễn đông Bác-cồ đã viết về Phật-giáo, đại ý như sau : « Thật khó mà tưởng-ượng người tu-sĩ, trải qua bao nhiêu thời-gian, phí bao nhiêu công phu tu luyện, để cuối cùng đạt đến một cái hư-vô (néant) ».

Ngày nay, muốn nghiên-cứu về Yoga chúng ta cũng chỉ có thể :

— Đọc những sách do người Việt soạn, phiên-dịch hoặc gộp nhặt những điều do người Tây-phương — Pháp hoặc Anh — viết về Yoga.

— Nếu có trình-độ ngoại-ngữ khá, đọc ngay những sách của người Tây-phương : Anh hoặc Pháp.

Như vậy, chúng ta kẹt trở lại vào trong mâu-thuẩn : một vật quý của Đông-phương người Tây-phương lấy về Tây-phương-hóa rồi đem phổ-biến trở lại cho người Đông-phương dùng.

Thuật Yoga khi sang Tây-phương đã bị Tây-phương-hóa, đó là một điều tất-yếu. Các nhà học-giả Tây-phương không thể không làm như vậy. Không làm như vậy, làm sao phổ-biến được thuật Yoga trong dân chúng Tây-phương, có những lối sống, những nếp tư tưởng khác hẳn với người Đông-phương.

Giáo-sư Triết-học Pháp, Ô. Félix Guyot, người đã góp nhiều công vào việc phổ-biến Yoga tại Pháp, dưới bút hiệu C. Kerneiz, đã viết một bộ sách mà ông mệnh-danh rõ ràng là "Yoga cho người Tây-phương" (Le Yoga pour L'Occidental).

Như vậy, khi thuật Yoga Tây-phương-hóa này trở lại Đông-phương nó nhất định phải biến chất phần nào và, nặng hơn nữa, có thể mất đi một phần tinh-túy của nó. Vì lẽ có những điểm trong triết-học hay kỹ-thuật Đông-phương, người Đông-phương hấp thụ, lĩnh-hội dễ-dàng, trong khi đó người Tây-phương, với nếp sống với chiều-hướng tư-tưởng đặc-biệt của họ, hấp-thụ, lĩnh-hội rất khó. Dưới đây là một thí-dụ điển-hình :

Trong các tư-thế Yoga có một tư-thế hoàn-hảo hơn hết có nhiều hiệu-năng hơn hết, đó là tư-thế "ngồi kiết-gà" (Padmasana), hoặc "ngồi tòa sen" (posture du Lotus. Đây là lối ngồi xếp bàn,

hạ hai đầu gối sát xuống chiếu, lòng hai bàn chân lật ngửa lên và luồn gác trên vế, bàn chân trái trên vế phải, bàn chân phải trên vế trái.

Tiên Phật vẽ trong tranh, nhất là Phật, thường được vẽ với tư-thế ngồi tòa sen này.

Bất cứ người Việt-Nam nào, sau khi tập vài ba lần, cuối cùng đều ngồi kiết-già được ; có một số người ngồi được ngay, vì tư-thế "ngồi kiết già" với lối ngồi xếp bàn không khác nhau bao nhiêu và đã là người Việt-Nam nói riêng và người Đông-phương nói chung, ai lại chẳng ngồi xếp bàn ngay từ thuở nhỏ ?

Người Tây-phương không dùng ván ngựa trong số bàn ghế trong nhà, từ nhỏ đến lớn không biết ngồi xếp bàn là gì, cho nên đối với họ, tư-thế "ngồi kiết-già" "khó một cách ghê-gớm".

Họ phải bền chí, nhẫn nại, chịu khó, chịu đau, lâu ngày chảy máu, mới ngồi được. Ngay lúc đầu, nếu họ cả gan bắt buộc cặp chân phải xếp theo chiều-hướng kiết-già, có thể xảy ra trật khớp xương v.v...

Trong kế-hoạch Tây-phương-hóa Yoga, người Yogi Tây-phương buộc lòng phải tìm ra những tư-thế khác, nhẹ hơn kiết-già để người tập khỏi nản lòng.

Chúng tôi đem tư-thế ngồi kiết-già làm thí-dụ nhằm cụ-thể-hóa điểm chúng tôi muốn xác-định là có những điểm về kỹ-thuật hoặc tư-tưởng của Đông-phương mà người Tây-phương thu-nhận, lãnh hội rất khó, khiến cho câu nói của R. Kipling vẫn còn có ý nghĩa : "Đông-phương là Đông-phương, Tây-phương là Tây-phương".

Người Yogi Tây-phương Tây-phương-hóa thuật Yoga bằng hai cách, có ý-thức và vô ý-thức.

Tây-phương-hóa có ý-thức thuật Yoga là làm việc này có ý-định, có mục đích, và tuyên bố rõ ràng cho mọi người biết như trường-hợp của C. Kerneiz, gọi bộ sách của ông ta là "Yoga cho người Tây-phương."

Tây-phương-hóa vô ý-thức thuật Yoga nghĩa là do quan-điểm đặc biệt của họ và phương-pháp họ vận-dụng mà người Yogi Tây-phương đã vô tình bóp méo, hoặc không nắm được trọn vẹn những đặc-điểm của thuật Yoga.

Những khuyết-điểm mà người học-giả Tây-phương vấp phải khi nghiên cứu thuật Yoga, chính là những khuyết-điểm mà khoa-học vấp phải khi nghiên cứu vũ-trụ.

Ở Tây-phương, và có thể nói trên khắp thế-giới hiện nay, khoa-học có một uy tín tối thượng. Do những thành-tích kỳ-diệu, khoa-học đã đạt được trong khi nghiên cứu và chế-ngự thế-giới vật-chất, quan-điểm và phương-pháp của khoa-học được tôn-sùng, xem là duy-nhất có tối đa hiệu-năng.

Quan-điểm của khoa-học là nhìn sự vật thấy cái hữu-hình (perceptible) không thấy cái vô-hình (non perceptible), cho nên những tính toán của khoa-học, chính-xác đối với vật-chất, nhưng vô hiệu đối với những sự-vật hữu sinh, hữu thức như con người, mà "sinh", "thức" là những cái vô-hình.

Phương-pháp nghiên-cứu của khoa-học nhằm phân-tích sự vật, cắt xén sự vật ra mảnh mún. Sự phân-tích càng được đẩy mạnh bao nhiêu, công-cuộc

nghiên-cứu càng được kỹ-lưỡng bấy nhiêu.

Tuy nhiên, khi một sự vật bị mờ xẻ, cắt xén ra mảnh mún, thì phần vô-hình phần tinh-túy của nó sẽ mất đi. Cái vô-hình, cái tinh-túy này chỉ xuất hiện và tồn tại trong một cái tổng-hợp thuần nhất.

Thí-dụ con người khi bị mờ-xẻ ra thì phần hồn mất đi chỉ còn phần xác. Một cái tử cây, khi bị tháo banh ra thì chỉ còn lại những tấm ván, chứ cái hình-dáng và cái ruột trống của nó không còn nữa.

Tóm lại, với phương pháp nghiên cứu của nó, khoa-học thường không nắm được phần tinh-túy, thuần nhất của sự vật...

Với quan-điểm và phương-pháp như thế, một tài-liệu nghiên-cứu những vấn-đề có liên-quan đến sự-vật hữu sinh hữu thức của Tây-phương thường có hai đặc điểm :

1- Các tiết mục rời rạc với nhau

2- Không làm nổi bật được cái tinh-túy, thuần nhất của sự-vật.

Dưới đây xin lấy làm đối-tượng nhận xét cuốn " Yoga Pour Chacun " (Yoga cho mọi người) của Philippe de Méric do Nhà xuất bản "Le Livre de Poche" ấn hành, có bán tại Saigon trong nhiều năm nay với giá rẻ, ai cũng mua được. P. de Méric, như được giới-thiệu, đã nghiên-cứu những kỹ thuật của Yoga và dạy những kỹ-thuật này nhiều năm.

Những điều chỉ dẫn trong sách này, nếu người đọc chịu khó luyện tập theo, ắt gặt hái khá nhiều kết-quả. Tuy nhiên những kết-quả này bị hạn chế vì tác giả

Tây-phương-hóa thuật Yoga, vừa có ý-thức vừa vô ý-thức.

Để chứng-minh điểm này, dưới đây xin lần lượt trình bày:

— Yoga dưới mắt một người Đông-phương.

— Yoga qua sự trình bày của tác giả Tây-phương.

Thuật Yoga gồm 8 giai-đoạn mà người tập phải kinh qua :

1 — Yama (giới)

2 — Niyama (luật, tự-chế)

3 — Asana (các tư-thế luyện-tập thân-thể)

4 — Pranayama (điều khí)

5 — Pratyahara (ly thể, xuất trần)

6 — Dharana (tập-trung tư-tưởng, thiền).

7 — Dhyana (định)

8 — Samadhi (tuệ),

4 giai-đoạn đầu, phần thấp, gọi là Hatha yoga ; 4 giai đoạn sau, phần cao, gọi là Raja yoga.

Triết-lý Yoga, cũng như những triết-lý ở truyền khác của Ấn-độ dựa trên hai nhận định căn bản.

— Thế giới hữu hình là một hoán-cảnh một huyền tượng.

— Thuyết luân-hồi, nghiệp-báo.

Thế-giới hữu hình là một hoán cảnh, một huyền-tượng, do cái tâm con người tạo ra. Cái tâm con người bị Vô-minh bao bọc, lấy giả làm chân, cho cái huyền-tượng ấy là có thật rồi chạy theo nó, đắm say nó, bám vào nó, đau khổ vì nó. Càng say đắm cuộc đời, con người càng xa lìa Bản-thể của vũ trụ là một cái Chân Vô.

Con đường thoát khổ là con đường thoát trần, ly thế, trở về với Bản-thể Chân-như. Con đường này khó-khăn và dài lắm.

Trong mỗi người chúng-ta có một điểm linh, về bản-chất đồng-nhất với Bản-thể Chân-như, cho nên được Phật-giáo gọi là Phật-tính hay Chân-tâm.

Tao thuyết luân-hồi thì điểm linh này trước khi đến kiếp người, đã kinh qua những sự-vật hữu-hình thấp hơn, từ loại khoáng-sản đến loài thảo mộc, rồi loài động-vật để cuối cùng hiện hữu trong con người là cái hữu-hình cao hơn hết, hoàn hảo hơn hết.

Tuy-nhiên, mặc-dù là cái hữu hình hoàn-hảo hơn hết, con người vẫn còn chìm đắm trong mê-ngộ, lấy giả làm chân, chạy theo những cái huyền-tượng, lặn hụp trong đau khổ, phải kinh qua nhiều kiếp luân-hồi mới giác-ngộ chân, giả mà tìm đường trở về với Bản-thể Chân-như.

Dựa trên một nhận-định như thế về ý-nghĩa cuộc đời và thân-phận con người, nhà tu-sĩ khẳng định rằng: Con người là cái hữu-hình hoàn hảo nhất, đã tiến gần đến Bản thể rồi, vậy nếu biết tu luyện thích nghi có thể thoát được vòng luân-hồi nghiệp-báo ngay tại kiếp này.

Để đạt đến mục đích ấy, nhà tu-sĩ nghiên cứu, phát minh ra thuật Yoga, một quá-trình luyện-tập gồm 8 giai đoạn.

Từ giai-đoạn (1) đến giai-đoạn (4), gọi là Hatha-Yoga, nhằm mục đích làm cho tu-sĩ có một cơ-thể khoẻ mạnh vô bệnh, đồng thời chuẩn-bị điều-kiện để tiến-hành phần sau chú trọng vào tinh-thần.

Từ giai-đoạn (5) đến cuối cùng nhằm

luyện-tập tinh-thần, tập-trung tư-tưởng, thoát ly trần tục để cuối cùng hòa hợp, đồng nhất với Bản-thể. Đó là phần Raja Yoga.

Những người hiện nay đang tập Yoga phải nhìn nhận rằng, tùy theo mức độ chính xác của phương pháp luyện tập, tùy theo công phu, sự bền gan, kiên nhẫn trong khi luyện tập, ai ai cũng đạt được ít nhiều kết quả. Điều này chứng minh rằng các tu sĩ Yoga đã quan sát, nghiên cứu kỹ lưỡng và đã đạt được những nhận thức chính xác về con người, nhất là phần vô hình nơi con người, mà khoa học Tây-phương gạt ra ngoài phạm vi nghiên cứu của họ.

Như đã trình-bày, thuật Yoga gồm 8 giai-đoạn mà người tu-sĩ phải kinh-quá để từ tình trạng mê-muội, không phân biệt giả chân tiến đến trạng-thái minh-giác để hòa-hợp với bản-thể chân như.

Quá-trình tu-luyện gồm 8 giai-đoạn này có thể trình-bày đại lược như sau:

1) Yama (giới). — Một người đang sống hoàn-toàn dưới sự chi-phối của dục-vọng: hung dữ, dối-trá, tham-lam, thích hưởng lạc v.v... Vậy đối với họ tu-luyện là kiểm-chế dục-vọng, tập sống lương thiện, ngay-thẳng, có điều-độ v.v... Làm được như vậy anh ta đã có được ý-thức tự-chế rồi vậy.

Đã phát hành:

Tuyển tập
NHẠC TIỀN CHIẾN
27 bài

Tựa của Hoàng Nguyên,
nhạc sử của Lê Thương.

KÊ SĨ xuất bản

2) *Niyama* (luật, tự chế).- Tiếp tục bồi dưỡng ý-thức tự-chế, dần dần tiến tới xây dựng cho mình một nếp sống có trật tự, kỷ luật.

Điều cần chú-ý là khi còn sống dưới sự chi-phối của dục vọng, con người thường-xuyên cảm thấy mình không xứng đáng, đầy rẫy tội lỗi và vì thế, luôn luôn cảm thấy đau khổ, mặc dù tưởng rằng thụ-động chiều theo sự thúc đẩy của dục-vọng là quên đau khổ, đi tìm chút ít sung-sướng. Đó là cái mâu-thuẫn mà con người trần tục kẹt mãi không thấy lối ra, tránh đau khổ bằng cách đắm đầu vào con đường gây đau khổ.

Tuy nhiên, một khi bước vào con đường tu-luyện, khởi sự bằng tự-chế, người ta có ngay cảm-giác tự vươn lên, cảm-giác thoát cội rễ-tâm, đi vào ánh sáng và người ta cảm thấy sung sướng thật-sự, phơi phơi trong lòng.

Chính cái cảm-giác vươn lên này, mỗi ngày mỗi tăng-gia, khuyến-khích, nâng đỡ tu-sĩ trên con đường tu luyện, đòi hỏi lắm bền gan, kiên nhẫn.

3) *Asana* (các tư-thế luyện tập thân thể).

Đã xây dựng được cho mình một nếp sống có trật tự, kỷ luật, tức là giờ nào việc nấy, tu-sĩ tiến tới dành cho mỗi ngày một khoảng thời gian để tập-luyện thân thể và cương quyết tiến-hành sự luyện-tập này đúng giờ, đúng khắc.

Trong khi tập *Asana* tu-sĩ đạt được, hai kết-quả :

— Bắt đầu biết tập trung tư tưởng vào bên trong thân thể.

— Sinh-lực (*prana*) phát triển dồi dào

để tiến tới thành một luồng chạy trong người như luồng điện.

4) *Pranayama* (điều khí).- Luồng sinh-lực đã chạy trong người tu-sĩ như luồng điện. Kết-quả là :

— Tu-sĩ cảm thấy trong người có nhiều sự thay đổi ; các khí-quan nội tạng hoạt-động rất tốt, đặc-biệt bộ máy hô-hấp có nhiều thay đổi : hơi thở càng sâu, càng dài.

Giai-đoạn này gọi là điều-khí nhằm mục-tiêu điều-khiển, vận-dụng luồng sinh-lực bằng những lối tử đặc-biệt.

Trong giai-đoạn này tu-sĩ, bằng cách điều khiển, vận dụng luồng sinh lực, đã đạt được nhiều khả năng tập-trung tư-tưởng vào bên trong cơ thể, không bị sự chi-phối của ngoại-cảnh.

5) *Pratyahara* (xuất trần, ly thể).

Mục-tiêu của giai-đoạn này nhằm vận dụng cái khả năng tập-trung tư-tưởng đã đạt đến một mức khá đề :

— Gạt ra ngoài tâm - thức mọi hình ảnh, mọi ý nghĩ tạp nhạp, bắt nguồn từ đời sống bên ngoài.

— Không cho những hình ảnh, những ý nghĩ tạp nhạp ấy ảnh hưởng, làm dao động cái tâm của mình, giữ cái tâm hoàn toàn thanh tĩnh, không bị ảnh hưởng của cuộc đời, sống trong cuộc đời mà dường như xa cách hẳn cuộc đời, cho nên gọi là xuất trần, ly thể.

Thực-hiện được trạng-thái này, tức là thực hiện được sự thoát khổ, theo ý-nghĩa của Phật-giáo.

6) *Dharana* (thiền)

Tiến sang giai-đoạn này, Tu-sĩ đã vô-hiệu-hóa hay gạt bỏ ra ngoài tâm-thức mọi hình-ảnh, mọi ý-nghĩ tạp-nhạp xuất phát từ cuộc đời bên ngoài và tập-trung

tư-tưởng vào một điểm bên trong hay bên ngoài thân mình. Trạng-thái thanh tĩnh của cái tâm đã đạt đến một trình-độ đáng kể.

7) *Diana* (định) Diana là Dharana ở một mức độ cao thập bội Tu-sĩ tập-trung tư-tưởng vào một điểm đồng thời suy-tư sâu-sắc về điểm này. Diana có thể kéo dài từ nhiều ngày đến nhiều năm; người ta hay nhắc đến việc Tồ-sư Bồ-Đề Đạt-Ma bát niên điện bích (tám năm ngồi xây mặt vào tường).

Tiến vào Diana, chân tâm tu sĩ hoàn toàn thanh-tĩnh. Cái vũ-trụ vạn hữu bên ngoài hoàn-toàn không có chút âm-hưởng vào tâm-thức

8) *Samadhi* (Tuệ)

Ở trạng-thái Diana, tâm-thức đã tiến gần đến Hư vô. ngoại trừ cái "Hữu" duy nhất làm mục-tiêu cho Định. Giờ đây vấn-đề là "vô hóa" cái hữu duy nhất này để tâm-thức tiến tới trạng

thái Chân Vô, đồng nhất với bản-thể của vũ-trụ.

Đồng-nhất, hòa-hợp tâm-thức tu-sĩ với Bản-thể, đó là mục-đích tối-hậu của Yoga. Sự hòa-hợp này đem lại một niềm sung-sướng vô biên mà trần-gian không có từ-ngữ diễn tả.

Con người sở-di mê muội, lầm lẫn là vì kẹt trong vạn hữu. Vạn-hữu tạo ra cái màn Vô-Minh u-ám, làm mờ Chân-tâm.

Trên con đường tu-luyện, tâm-thức dần dần tách rời khỏi vũ-trụ vạn-hữu, đồng thời màn Vô-Minh cũng dần dần tan biến và ánh-sáng Chân-lý dần dần sáng tỏ lên. Kịp đến khi tâm-thức tiến đến trạng-thái Chân Vô để hòa-hợp với Bản-thể thì Tuệ-giác phát ra. Chân-lý sáng rực lên, soi khắp không-gian vô cùng và thời-gian vô tận.

(Còn tiếp 1 kỳ)

XUÂN-QUANG

Đón đọc :

TRÌNH BÀY

TẠP CHÍ VĂN HÓA CHÍNH TRỊ XÃ HỘI

Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

Chủ nhiệm : THẾ-NGUYỄN

« Nỗ lực phát khởi một dòng cho một nền Văn chương cho Tự do và một nền Văn hóa cho Hòa bình, Độc lập. »

Số 1 phát hành ngày 1 - 8 - 1970.

Cuộc đời phi thường của Achmed SUKARNO



Achmed SUKARNO

Ngày 21 tháng 6 năm 1970 Achmed Sukarno, nguyên Tổng-thống Nam-Dương đã trút hơi thở cuối cùng sau một cuộc đời vô cùng hoạt động hưởng thọ 69 tuổi. Là một nhà ái quốc ông đã có công giải phóng Nam-Dương khỏi 350 năm đô hộ hà khắc của người Hòa-Lan, là một chính trị gia có tài ông đã xây dựng được một quốc-gia Nam-Dương trên căn bản tiến bộ là một nhà ngoại giao danh tiếng ông đã có thời đem lại cho Nam Dương một uy tín quốc tế tốt đỉnh. Nhưng tuy được dân chúng tôn sùng như một vị thần thánh, Sukarno vẫn không thoát khỏi những nhược điểm thông thường của con người. Nhược

điểm chính của ông là tính kiêu ngạo. Nếu kiêu ngạo là động lực đã giúp ông tạo nên một sự nghiệp huy hoàng, đưa ông lên hàng anh hùng dân tộc, lãnh-tụ trên thế giới, thì chính nó cũng làm ông thất bại, làm lu mờ uy tín cá nhân ông, và nguy hại hơn nữa, nó đã đưa Nam-Dương tới một tình trạng hỗn loạn, gần kề một cuộc nội chiến.

Cuộc đời tranh đấu

Achmed Sukarno sinh ngày 6-6-1901 ở phía đông đảo Java. Cha ông là một giáo viên nghèo thuộc một gia đình quý phái xứ Java và mẹ ông là một vũ nữ, gốc ở đảo Bali thơ mộng nổi tiếng về đàn hát. Ngay từ thuở còn thơ, Achmed đã có tính hiếu thắng và kiêu ngạo. Trong các trò chơi từ sưu tầm tem thư cho tới chèo cây, Achmed luôn luôn muốn hơn người. Về sau, khi thành Tổng thống, Sukarno còn thích kể lại chuyện ngày còn nhỏ tuổi. Ông nói : « Chúng tôi chơi ném con quay, chỉ vì con quay của tôi quay chậm hơn của một người bạn mà tôi cáu giận ném nó xuống sông.»

Cha mẹ của Achmed Sukarno lại chủ tâm phát triển tính kiêu ngạo của con trai và tin rằng con mình không những vượt lên trên các bạn cùng tuổi người Nam-Dương mà trên cả những trẻ Hòa

Lan thuộc giai-cấp thực-dân thống-trị hồi đó nữa. Mẹ của Achmed luôn luôn nói : « Achmed, con sẽ có một tương-lai rất sáng lạn, con sẽ là lãnh-tu xứ Nam-Dương » Bản tính đã kiêu-ngạo, lại thêm một nền giáo-dục gia-đình như vậy, nếu Sukarno càng ngày càng hiểu thắng thì cũng chẳng có gì là lạ.

Hơn nữa Sukarno lại còn được số phận ưu đãi một cách đặc biệt. Tới tuổi thanh niên, cậu rất bảnh trai với bộ mặt cương nghị đầy nam tính, một giọng nói trầm hùng. Ngoài ra Sukarno còn bệ-luận rất hay và đặc tài này về sau đã trở thành một lợi khí để lôi cuốn quần chúng...

Bởi vậy Achmed Sukarno rất vững tin vào tài-năng và định-mệnh vĩ đại của mình. Một người kiêu ngạo và tự tin như vậy lại sống vào thời-đại mà người Hòa-Lan thống trị Nam-Dương nên không tránh khỏi những lần tự-ái bị tổn thương. Ngay khi còn nhỏ Sukarno đã không thể chịu nổi những lúc mà mấy « đứa trẻ Hòa-Lan nhìn đứa trẻ bản xứ có màu da sẫm bằng con mắt khinh miệt ». Tới khi lớn lên, Sukarno luôn luôn tự hứa là sẽ « quyến rũ các gái Hòa-Lan, vì đây là một cách để xác nhận rằng mình hơn người da trắng ». Nhưng tham vọng của Achmed không phải chỉ giới hạn trong những hoạt động « trả thù dân tộc » tầm thường như vậy. Cậu trai Nam-Dương muốn làm hơn thế nữa. Cậu muốn giải-phóng Nam-Dương, muốn đuổi hẳn người Hòa-Lan da trắng ra khỏi nước và nắm lấy chính quyền, trở thành lãnh-tu như mẹ cậu hằng mong ước. Vì vậy mà năm 15 tuổi cậu đã theo đảng Quốc-gia còn ở trong vòng bí mật. Biết bao lần cậu đã thức trắng đêm, ngồi trong một góc nhà, lắng nghe các lãnh-tu đảng này bàn việc đánh đuổi bọn Hòa-lan thống-tị.

Vì là một học sinh ưu tú nên năm 20 tuổi Sukarno đã là một trong số rất ít người Nam-Dương được Chính-phủ bảo-hộ Hòa-lan cho nhập học « Viện Kỹ-huật » ở Bandoung... Tuy học giỏi, nhưng chỉ vì sợ bị thi rớt, mắc cỡ, nên Sukarno không ngần ngại gian lận trong các kỳ thi để được đậu dễ dàng.

Năm 1925, Sukarno 25 tuổi và tốt nghiệp bằng kỹ sư. Nhưng suốt trong thời-gian theo học tại Viện Kỹ-thuật Bandoung Sukarno đã hoạt động chính-trị hết sức tích-cực như lập các nhóm nghiên-cứu cách-mạng đề bàn về chiến thuật tranh đấu chống thực-dân. Những bài diễn-văn này lửa của sinh-viên Sukarno đòi giải-phóng dân-tộc đã bị chính quyền Hòa-Lan theo dõi đặc biệt. Vì vậy mà chỉ mới hành nghề kỹ-sư có 1 năm, Sukarno đã cùng với 6 người bạn 'h'nh lập được «Đảng Quốc gia Nam-Dương» tranh đấu đòi thực hiện ngay độc-lập cho Nam-Dương. Để cho đảng mình một căn bản lý thuyết Sukarno đã biên soạn một số tư tưởng dựa vào xã hội, dân-chủ, theo bản tuyên-ngôn nhân quyền của Hoa-Kỳ hòa lẫn với những tư tưởng của Hồi-giáo, Thiên-chúa-giáo và những lý-luận của Karl Marx.

Năm 1929 hoạt động của Sukarno đã khiến cho chính quyền thực dân Hòa-Lan lo ngại. Sukarno bị bắt về tội « đe dọa luật pháp và trật tự ». Trước tòa, Sukarno tự bào chữa rất hùng hồn, khiến cho danh tiếng của ông vang dội trên thế-giới. Ông bị tuyên án 4 năm tù. Sau khi mãn hạn giam cầm, ông hoạt động trở lại và lại bị bắt nữa. Cả thảy ông đã nằm trong khám 13 năm. Sau đó ông vượt ngục và tranh đấu dành độc-lập cho Nam-Dương càng hăng say hơn. Năm 1942 khi quân đội Nhật chiếm Nam-Dương, các lãnh tụ của đảng Quốc-gia Nam-Dương chia làm

2 khuynh-hướng. Khuynh hướng thứ nhất theo Sukarno và Hatta, cộng tác với quân-đội Nhật, hy vọng rằng Nhật sẽ giúp cho Nam-Dương thực hiện độc-lập được mau chóng. Khuynh hướng thứ hai do Sjahrir và Sjarifeodin tiếp tục tổ chức kháng chiến. Đây là một giai đoạn trong đời Sukarno bị các đối thủ của ông chỉ trích rất dữ. Phe đối-lập cũng như những người thực dân Hòa-Lan luôn luôn tố cáo là ông đã cộng tác với quân phiệt Nhật và đóng vai bù nhìn ngoài ngoãn trong tay quân đội chiếm đóng. Những lời tố cáo này rất hữu lý nếu người ta nhìn lại lịch-sử Nam-Dương từ năm 1942 tới năm 1945. Thật vậy, mặc dầu Nam-Dương cộng tác với Nhật nhưng chính-phủ Nhật vẫn không chịu trả độc-lập cho quốc gia này như Sukarno mong đợi. Sukarno lúc đó chỉ mới là "Chủ-tịch Hội-đồng trung-vấn trung-ương" mà thôi. Ngoài ra vào tháng 3-1945 tại Java, một "Ủy-ban nghiên cứu để chuẩn-bị độc-lập" đã được thành-lập dưới quyền chủ-tọa của Sukarno. Ủy-ban này kêu gọi dân chúng cộng tác với Nhật để chống lại quân đội đồng-minh. Tháng 8-1945 khi Nhật đầu hàng, Sukarno đã tuyên bố Nam Dương độc-lập. Nhưng chỉ một tháng sau quân-đội Anh đã đổ bộ lên Nam-Dương đề tước khí giới quân đội Nhật và quân đội Hòa-Lan đã theo gót Anh để tái chiếm Nam-Dương. Vì tình thế lúc đó Sukarno đã phải nhường chính-quyền cho Sjahrir để dễ thương-thuyết với Hòa-Lan.

Nhưng thật ra, thì đây chỉ là một sai lầm về chiến-thuật. Sukarno và Sjahrir đã đồng ý với nhau để chia trách nhiệm. Vì tin rằng Nhật có thiện-chí trả lại độc-lập cho Nam-Dương và cũng tin

rằng quyền của Nhật sẽ còn tồn tại lâu hơn nữa nên Sukarno đã mang uy tín của mình đặt vào phương-thức cộng tác với Nhật đồng thời Sjahrir lãnh nhiệm vụ thực hiện đường lối thân đồng-minh. Như vậy Nam-Dương sẽ tranh thủ được độc-lập bằng cách bắt cả hai tay.

Cuộc thương thuyết giữa Hòa-Lan và Nam-Dương vấp phải nhiều khó khăn vì Hòa-Lan không chịu chấp nhận sự đã rồi và sau đó đã dùng vũ lực để mưu toan đàn áp phong trào cách mạng Nam-Dương. Sukarno trở lại làm Tổng-thống Nam-Dương và tổ chức kháng chiến. Trong một cuộc hành quân cảnh sát, quân Hòa-Lan đã tiến tới Djokakarta và bắt giam Tổng-thống Sukarno khiến uy tín của ông đang suy giảm bỗng lại nổi lên như cũ.

Sau đó vì áp lực của Mỹ và của Liên-Hiệp-Quốc, Hòa Lan phải nhượng bộ, trao trả độc lập cho Nam-Dương. Sukarno bước vào cuộc đời mới, cuộc đời một lãnh tụ được quốc dân chiêm ngưỡng, được thế-giới nể vì.

Cuộc đời lãnh-tụ

Năm 1950, Sukarno được bầu làm Tổng-thống Cộng-hòa Nam-Dương. Xây dựng nền tảng một quốc-gia mới không phải là một việc dễ dàng. Nam-Dương là một quần đảo gồm có khoảng 3.000 hòn đảo. Qui tụ dân chúng tại các đảo này để tạo cho họ một tinh-thần quốc-gia đã là những trách-vụ nặng-nề. Các đảng phái lại mọc lên như nấm sau khi độc-lập được trả lại. Sukarno đã phải lưu tâm khổ trí mới dẹp được những âm mưu ly khai, mới diệt trừ được những đầu óc địa phương.

Nhờ tài hùng-biện, mỗi bản diễn-văn của ông là một giai-phẩm của khoa biện-luận và dân chúng như bị say mê trước

ma-lực của diễn giả. Vì vậy mà trong mười năm trời, ông đã ổn định được tình hình trong nước, thâu gồm hết quyền chính trong tay. Thấy tại Quốc-hội lập-hiến, các đảng phái sâu xé nhau, ông giải tán Quốc-hội và áp dụng Hiến-pháp cũ 1945. Ông thiết lập một nền "dân-chủ chỉ-huy" dựa trên năm nguyên-tắc căn bản gọi là Pan ja Sila, kết tinh của triết-lý chính-trị Nam-Dương: tin tưởng ở Thượng-đế, chủ quyền ở nhân dân, phát huy đặc tính dân tộc, phục vụ nhân loại, áp dụng công bằng xã hội.

Tại ngoại-quốc nhờ tài ăn nói của ông, nhờ vị trí địa-lý quan trọng của lãnh thổ Nam-Dương, nhờ có một dân số 100 triệu người, Sukarno luôn luôn được các quốc-gia Tây-phương cũng như Cộng-sản o bế. Cả Nga lẫn Mỹ đua nhau viện trợ cho Nam-Dương, khiến Sukarno càng tự tin vào mình. Càng được người đời thán phục, tham vọng của ông càng cao. Lãnh-tụ Nam-Dương chưa đủ, ông muốn làm lãnh-tụ cả khối Đệ-tam quốc-gia. Vì vậy mà năm 1955, cùng với Nasser và Nehru, ông triệu tập một hội-nghị các quốc gia Á-Phi để đưa ra một chính sách trung lập có lợi. Lúc đó bang giao giữa 2 khối tự-do và Cộng-sản đang qua một thời kỳ khủng hoảng hết sức trầm trọng. Cả hai bên đều muốn lôi cuốn khối đệ-tam thế-giới để cân cân lực-lượng quốc tế nã về mình. Hiểu rõ như vậy nên ông Sukarno đã tích cực đóng vai trò trung lập, khiến cả Nga lẫn Mỹ lại càng phải ve vãn ông hơn lên.

Với những thành-quả huy hoàng ở trong nước cũng như ở ngoại quốc, ông Sukarno lại càng trở nên kiêu-hãnh. Muốn xứng đáng với vai trò lãnh-tụ

Á-Phi, ông không từ bỏ một phương-tiện gì có thể nâng cao uy-tín của nước ông và của chính ông nữa. Những món tiền khổng lồ được tung ra để xây cất những căn nhà chọc trời ở các đô-thị lớn. Để tổ chức Á-vận-hội 1963, ông đã cho xây cất một sân vận động vĩ đại gồm có 100.000 chỗ ngồi với giá 100 triệu Mỹ-kim. Khách-sạn Indonesia xa-xỉ được dựng lên với giá 12 triệu Mỹ-kim do Nhật đóng góp để bồi thường chiến tranh. Một giáo - đường Hồi - giáo lớn nhất thế-giới (30 triệu Mỹ-kim), đài kỷ-niệm tại công-trường Merdeka cao tới 100 thước và bên trên có một ngọn đuốc bằng vàng 22 carats cũng được thực hiện không ngoài mục đích nâng cao uy-tín Nam-Dương và lãnh-tụ Sukarno.

Các dinh-thự của ông là những kho tàng chứa chất những quý vật vô giá. Mỗi dinh thự đều do một bà vợ của ông cai quản vì ông có tới 6 người vợ chính thức. Năm 20 tuổi ông cưới người vợ đầu tiên kém ông bốn tuổi. Vài năm sau ông ly dị và lấy cô Inggit vừa bỏ chồng, hơn ông 12 tuổi. Sau đó ông lại bỏ bà Inggit để lấy cô Fatmawati mới 16 tuổi. Rồi ông vẫn giữ bà Fatmawati nhưng ông cưới thêm 3 vợ nữa là: Hartini để cai quản điện Bogor; Dewi, một phụ nữ Nhật được sủng ái nhất để cai quản Dinh Tổng-thống ở Thủ-đô Djakarta và sau cùng là Haryati cưới năm 1964. Ngoài ra mỗi khi ông đi công du ở ngoại quốc, các tòa Đại-sứ Nam-Dương nơi ông tới phải cung cấp cho ông những cô gái đủ màu da, màu tóc; màu mắt. Năm 1956 khi ông sang thăm Tổng-thống Huê-kỳ Eisenhower, trong giới ngoại-giao ở Hoa-thịnh-đốn đã thị

thăm kẻ với nhau một giai-thoại lý-thú. Một viên cố-vấn Tòa Đại-sứ có nhiệm vụ tìm gái cho ông đã bị một cô đến đòi tiền phụ trội. Trước sự ngạc nhiên của viên cố-vấn, cô ta giải thích: « Vì Sookie miệng hôi quá! ». Và đến năm 1961, sang thăm Tổng-thống Kennedy, ông đã không ngớt than phiền về giai-thoại này.

Mỗi khi ra khỏi Dinh, ông luôn luôn ăn vận đêm dứa. Ông thường mặc những bộ quần phục trắng muốt đeo huy-chương đầy ngực và tay luôn luôn cầm cây gậy chỉ-huy như một vị tướng lãnh Âu-Mỹ. Ông ưa được người ta tặng những danh-từ bóng bẩy như « Đại lãnh-tụ cách - mạng », « Huynh-trưởng » (Bung) Karno, « Cha đẻ của dân-chủ chỉ-đạo » (Bapak) v.v..

Hiều được nhược-diểm của ông, đảng Cộng-sản Nam-Dương, sau khi thất bại trong cuộc khởi-nghĩa năm 1948, đã cố gắng bợ đỡ nết kiêu-ngạo của ông. Không những họ tuyên bố tham gia chính-thể « dân-chủ chỉ-đạo » của ông như tin theo Thượng-đế... mà họ còn luôn luôn trích-dẫn những lời ông nói trong những bản tuyên-ngôn sắc mùi Mác-Lê của họ. Do đó dân chúng Nam-Dương phải nghe theo họ, nếu không lại sợ là đi ngược lại đường lối của Bung Karno. Đối với những người nông dân còn uống nước tắm của Bung Karno để chữa bệnh thì trái lời Bapak là một tội lỗi lớn. Vì vậy mà dân chúng đã dễ mặc cho đảng Cộng-sản tung hoành. Trong suốt thời gian Sukarno ngự trị trên đất Nam-Dương, đảng Cộng-sản của nước này đã phát triển mạnh khiến số đảng viên lên tới 3,5 triệu người và tới khoảng 20 triệu cảm-tinh-viên. Các người Cộng-sản lại nắm giữ những chức vụ chính trong guồng máy nhà nước: Subrandrio giữ chức

Ngoại-trưởng. Aidit, Phó Chủ-tịch Hội đồng tư vấn nhân dân, Jusuf Muda Dalam giữ chức Thống-đốc Ngân hàng Trung ương, Tướng Dhani, Tư-lệnh không quân v.v..

Chịu ảnh hưởng của Cộng-sản Sukarno càng ngày càng ngã về phía Cộng sản, hơn nữa ngã về phía Trung Cộng. Và từ năm 1960 trở đi, Nga và Mỹ đã bắt đầu một chính sách sống chung hòa bình tích cực nên làm lãnh-tụ khối Á-Phi không còn có lợi nữa, ông muốn trở nên lãnh-tụ của các lực lượng đang lên mà ông gọi là NEFO.

Ông đã đem quân chiếm lại Tây Irian của Hòa-Lan, ông đe dọa Liên-bang Mã-Lai-Á vì ông coi nước này là một pháo đài của quyền lợi Anh tại Á-Châu. Ông đề cho Cộng-sản biểu tình phá Tòa Đại-sứ Mỹ. Ông rút khỏi Liên-hiệp-quốc để phản đối vụ Mã-lai-Á được bầu vào Hội-đồng Bảo-an.

Nhưng đảng Cộng-sản đã phản bội ông. Đêm 30 9-1965 Đại tá Untung chỉ huy một tiểu-đoàn phòng-vệ của Tổng thống đã làm đảo chính. Các đảng viên Cộng-sản, theo lệnh của Bắc-kinh, cho rằng đã đến lúc phải hành động. Nếu chờ chậm hơn nữa, ông Sukarno, với quả thận bị mổ, có thể bỏ chính quyền bất cứ lúc nào. Vì vậy họ đã bao vây Phủ Tổng-thống, bắt 6 tướng lãnh giao cho các « Phụ-nữ Cộng-sản » tra tấn cho đến chết, Tướng Nasution, Tổng trưởng Quốc-phòng và tướng Suharto, Tư lệnh hậu bị quân, trốn thoát được, bèn tổ chức phản công. Âm mưu của Cộng-sản bị bể gậy và quân đội bắt buộc Sukarno phải trao trả mọi quyền hành cho bộ ba Suharto, Malik và ông hoàng xứ Djojakarta Hamengku Bnwonono IX.

Tuy nhiên vì biết rằng ông được dân

chúng sùng bái nên quân đội không dám hạ bệ ông ngay. Các tướng lãnh chỉ trước dần dần quyền hành của ông. Nhưng dân chúng, sau 20 năm dưới quyền cai-trị của ông, đã mất dần tin tưởng vào ông vì những tiêu xài xa xỉ của ông đã thu hút hết mọi nguồn ngân-sách; kinh tế trong nước lâm vào một tình trạng khủng hoảng trầm trọng, vật giá trong có vài năm đã lên tới 700%. Các công chức phải lấy công-xa làm taxi đi chở khách. Vì vậy, sau nhiều lần ra trước dân chúng yêu cầu dân chúng đề "Bapak" lo liệu, ông không còn được dân chúng nghe theo nữa. Ngoài ra các sinh viên đã biểu tình rầm rộ yêu cầu truất phế ông, rồi vào những tháng 3/1966 tháng 2/1967 ông bị truất phế hẳn và tháng 3/1968, quân đội đã đưa tướng Suharto từ chức vụ "Tổng-thống dự khuyết" lên làm Tổng-thống chính-thức.

Bị loại khỏi chính quyền, không còn được dân chúng tin theo, cuộc đời của ông tại một căn biệt thự nhỏ ở vùng ngoại ô Djakarta đã bị rơi vào quên lãng. Một người hiểu động

và hiểu thẳng như ông đâu chịu nổi một cuộc đời như vậy. Vì sầu tủi mà ông đã tắt dần như một ngọn đèn lụi tắt.

oOo

Tính kiêu ngạo đã đưa Achmed Sukarno lên tới tột đỉnh của danh vọng và quyền uy, tính kiêu ngạo cũng là nguyên nhân thất bại của đời ông. Nhưng dù ông đã phạm phải nhiều điều sai lầm, dân-tộc Nam-Dương vẫn không bao giờ quên được là nhờ có Sukarno mà nước họ không những dành lại được độc-lập mà còn đảm nhiệm một vai trò vô cùng quan trọng trong thế-giới. Nhiều người cho rằng trong suốt cuộc đời khác thường, trong suốt cuộc đời tranh đấu của ông, ông chỉ hành động để thỏa mãn lòng khát vọng vinh quang của mình. Ông cũng công nhận như vậy khi ông nói: "Tôi yêu nước tôi, tôi yêu đàn bà, nhưng tôi yêu tôi nhất". Nhưng có lẽ trong Sukarno lòng yêu nước và lòng yêu chính mình đã trộn lẫn nên đối với ông, nhiều khi phục vụ cho chính mình cũng là phục vụ cho đất nước. Với cái chết của ông, thế-giới mất đi một nhân vật lịch sử đầy màu sắc, đầy nét độc đáo.

TỪ TRÌ

SẼ PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 7 — 1970

TẠ TỶ viết về 10 Khuôn Mặt Văn Nghệ

Lãng-Nhân — Nguyễn Tuân — Vũ Bằng — Vũ
Hoàng Chương — Nguyễn Bính — Đinh Hùng
— Văn Cao — Sơn Nam — Mai Thảo —
Nguyễn Sa.

Loại sách quý, biên soạn công phu, trình bày và ấn loát thật mỹ thuật. Tác giả hoạt họa với thủ bút của mỗi văn nhân, thi sĩ.

Sách Cadao mới phát hành :

- **THI CA TƯ TƯỞNG** tức **ĐI VÀO CỐI THƠ**
cuốn 2 của Bùi Giáng, 120đ.
- **CA KHÚC CỦA QUÁN CÀ-PHÊ BUỒN**
của Carson Mc Cullers, 160đ.
- **THẾ GIỚI TÍNH DỤC** của Henry Miller, 150đ.
- **MẶT TRỜI VÀ DÒNG SÔNG** thơ Phạm Nhuận
mẫu bìa của Đinh Cường, 2 phụ bản màu của Tôn Thất Văn,
in toàn trên giấy quý Croquis, 200đ.
- **TRÍ NHỚ HOANG VU VÀ KHÓI**
tập truyện của Hoài-Khanh
- **GIÓ BẮC, TRẺ NHỎ ĐÓA HỒNG VÀ ĐẾ**
thơ Hoài-Khanh, bìa và phụ bản Đinh-Cường

Thư từ liên lạc xin gửi về : Hộp thư 2287 Saigon

TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2 Nguyễn văn Thịnh Saigon

Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X. : Là Học viện đầu tiên ở V.N. đề xướng giáo dục Hậu học đường và Bồ túc đại học về các khoa Tự Lập Thân. Giảng huấn tại trường và hàm thụ ở xa.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân xã học là môn học được trình bày trong 74 tác phẩm của Ông Hoàng Xuân Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung tâm không liên hệ gì đến chủ nghĩa nhân vị hay đảng phái chính trị hoặc tôn giáo nào cả.

12 MÔN : Do giáo sư Đại học và Học giả tên tuổi dạy tại T.T.N.X. là: 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo, 4) Dung nhân 5) Tổ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Phòng tổ chức tiện nghi như Đại học. Mỗi sáng chúa nhật có thuyết trình. Học sau mỗi giờ có uống trà. Hai tuần mỗi tối chúa nhật khóa sinh Hội thoại bàn tròn về các môn học Học cách học và luyện tinh thần.

Nhập khóa : 1/6, 1/7, và 1/3

כנס

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Ông Thầy tội nghiệp...

Tôi vào nghề dạy học cách đây đã lâu lắm, đến mười ba năm, và nhập nghề một cách rất giản dị, đúng "truyền thống" ngày xưa : nhà nghèo, thi rớt một năm, vậy thì đi làm thầy đồ trẻ lấy nghề đỡ đầu trẻ làm kế sinh nhai học tiếp khoa sai. Không hề có vấn đề chọn nghề hay chí hướng mô phạm dứt khoát cho cuộc đời của mình...

Bằng cấp ít, tuổi cũng quá ít, không thể có truyện xin dạy Saigon. Vậy một buổi sáng trong một mùa khai trường, tôi nhét vài cuốn truyện vào cặp, chân đi đôi giầy vải bà ngoại cho tiền mua, mặc cái quần kaki xanh mẹ mua son ở chợ trời, áo sơ-mi trắng mượn của bố, tôi nhẩy lên xe lửa đi xuống miền Nam kiếm nơi bán chữ sinh nhai. Không hiểu vì lý do gì nữa, tôi không ham tiền xa, dừng ngay ở bên này sông Cửu-long. Có lẽ một phần vì hiệu trưởng trường trung học mang tên vị danh sĩ mù nổi danh trong lịch sử miền Nam sẵn sàng thân nhận, một phần có lẽ vì thành phố ven sông này tôi đã từng xuống nhiều lần vì những đôi mắt đẹp không dẫn tới đâu cả.

Hiệu trưởng, một người đã đứng tuổi, trịnh trọng gọi tôi bằng "ông", rất nghiêm khắc nhưng cũng rất tử tế, đã hướng dẫn những bước đầu cho tôi trong nghề. Học trò đứng xếp hàng thật ngay ngắn, im lặng chờ thầy đến, cúi chào mà đầu cứ thấp xuống như kiểu ch o

của người Nhật. Đó là thời đại hoàng kim cuối cùng của nền giáo dục Việt-Nam — nhưng vào năm ấy, tôi đâu có ý thức được, cứ tưởng như thế là tự nhiên và mọi sự sẽ mãi mãi là như thế. Đó cũng là thời kỳ hiệu trưởng yêu cầu giáo sư không được chấm bài trên xe lửa, không được mặc áo dài tay mà lại xắn lên, và dĩ nhiên áo phải màu trắng, những phiên họp hội đồng giáo sư hàng tháng tổ chức trịnh trọng và trang nghiêm. Đó là thời kỳ những ông thầy đồ trẻ đi dạo chơi trong thành phố mắt cứ phải nhìn lên ngọn cây đề bớt phải chào đáp lễ các học trò ở rải rác lúc nào cũng sẵn lòng kính cẩn cúi chào. Nhưng dù còn ít tuổi, tôi lúc đó cũng cảm thấy nghề dạy học có một cái gì trục trặc, giả trá, bất bình thường đâu đây. Chỉ cảm thấy như thế thôi, chưa tìm hiểu, ý thức rõ được.

Sau hai niên học, tôi xin thôi để trở về Saigon học tiếp rồi một lần nữa, vì sinh kế tôi lại xin đi dạy học — lần này phải đi thật xa, một phần vì các trường gần đã hết chỗ, một phần vì trong khi mài đũa quần mấy năm ở Văn-khoa, tôi đã là một sinh viên có những hoạt động mà chính quyền đương thời tha cho không bắt cũng đã là khoan hồng. Tôi phải lên tới Cao-nguyên xa, một xứ rồi danh bùn muôn thuở về mùa mưa và bụi mù trời về mùa nắng. Nhưng rất nhanh, lệnh

nhập ngũ đã tới và tôi rời lữ học trò nửa thượng nửa kinh, rời phần rời bằng để đi vào cuộc chiến tranh mà từ trước tới giờ tôi chỉ là kẻ đứng bên lề.

Rời quân trường với tư cách bộ binh, trong có bốn năm quân vụ, tôi bảy lần đổi Kbc, thay mười hai lần đơn vị. Vào thời kỳ đó, chưa có lệnh ấn định bốn năm cho về, ai đi lính đều tin chắc phen này sẽ đi như lời thơ của một người xưa: «Chàng Sêu mái tóc điểm sương mới về». Bởi thế, tôi đã sống như một người lính đích thực, nghĩa là đồ mồ hôi, là lội bùn, băng rừng, khốc bạt, chôn bặt và dĩ nhiên là có cả giết người nữa — điều đó tất nhiên nếu không lính để làm gì... Nhưng lúc rảnh rỗi, tôi đi nhậu nhẹt với đồng đội. Nhẹ ra thì ba giờ sáng rét cóng sờ vào nòng thép như muốn bỏng tay, đi tuần tiểu trở về, ông hạ sĩ già đã ngã một con gà không biết rõ xuất xứ cạnh mấy chai để màu hồ phách; và lúc đó thì thôi rũ sạch sương gió bùn lầy ở ngoài lều vải, cả bọn ngã nghiêng trong chén rượu cay, nói những thứ truyện lính tráng rất muốn thừa, nghĩa là rất tiểu lâm và trần truồng trắng trợn, để rồi tám giờ sáng ra chào cờ, đứng trước hàng quân nhìn ngọn cờ chưa lên quá nửa cột đã biến mất mà tự hỏi không hiểu sương mù sáng nay quá dày đặc hay mình quá say... Còn nặng ra thì như trường hợp có đồng đội nằm xuống hay đang tự hỏi mình chiến đấu cho ai, thì dăm ba thằng bạn cùng kéo ra thị trấn, quần áo còn dính máu và bụi hoặc tâm hồn nặng trĩu chán nản bơ vơ, vào một quán nào đó có gái hầu rượu và bia chầy như suối. Đóng cửa quán lại để tránh quân cảnh, uống cho tới

tờ mờ sáng, chổng chất trên xe jeep, hát nghêu ngao như lũ cuồng mà về.

Còn gái. Tất nhiên phải có và có nhiều. Dù gái điểm hay gái nhà lành thì đều là một thứ repos du guerrier. So với nhiều bạn trong quân ngũ, tôi không hề là lính ba-gai ba-búa, nhưng ngã chiều dài viên ra bàn mà hôn trong quán rượu ồn ào và nhận chìm tất cả thân mình trong vòng tay những người con gái cho thuê thân xác — có gì đáng nói về chuyện ấy nữa một khi lắm lúc lũ chúng tôi thấy phận mình nào có hơn gì, chẳng qua một thứ lê-dương da vàng...

Thế rồi đến một ngày kia thời thế thay đổi, thiên hạ đếm đủ bốn năm quân vụ rồi cho tôi trở về. Về thì về. Do sự lười biếng của lính sau khi giải ngũ — phải vài ba tháng trở lên mới hoàn hồn... dân sự — guồng máy hành chánh cứ quay nên một buổi sáng đẹp trời, tôi ngủ dậy chợt thấy mình lại là nhà giáo, ông thầy, nhà mô phạm ngay tại Saigon. Vậy thì tôi lại lên bục cầm phấn mà chỉ hồ gả đã phen nữa.

Nhưng lần này rất nhanh, tôi thấy ngay là mọi sự không còn là như xưa. Mọi sự đều trực trặc, hỗn loạn và giả trá. Tôi đứng trên bục mà cảm thấy đó không phải là vị trí của mình — tất cả chỉ còn là kịch, một thảm kịch.

Trước hết là về phía ông thầy, kẻ đứng trên bục gỗ mà rao giảng những điều hay lẽ phải cho lớp hậu sinh. Cuộc chiến tranh đã quá khủng khiếp, xã hội đang đi tới mức phân hóa sau cùng, tất cả với tôi là người trong cuộc. Tôi đã nhìn thấy nhiều sự thực, tôi đã ý thức được nhiều điều và đã lao mình vào cuộc tranh đấu nhằm xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn. Vậy làm sao bây giờ

đứng trên bục này, tôi có thể giảng cho đàn em những điều hay điều thiện mà chính tôi biết là không có và lỡ chúng mà lại tin theo thì lớn lên chúng sẽ nguyên rủa tôi là tên nói láo hay nặng hơn nữa, đồ xui trẻ ăn cứt gà. Tôi nói về dân chủ ư? Dân chủ nào. Tôi nói về tiết nghĩa ư? Tiết nghĩa nào. Tôi giảng đạo đức: các em không được rượu chè trai gái nghiện hút chẳng? Tôi nói dối mắt: tôi đã hút thuốc như điên, uống bia như hũ chìm và... chơi gái chín phương chỉ còn đề có mỗi một phương lấy vợ. Giá tôi cho tôi đã làm những điều đó là sai là xấu thì còn được, đằng này tôi không hề thấy những việc đó là xấu xa. — tôi đâu có định xuống tóc vào chùa hay phát nguyện vào đại chúng viện để phải tiết dục.

Suy nghĩ nhiều hơn, tôi tìm thấy một trục trặc khác nữa. Đó là vấn đề quan niệm về vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của ông thầy. Ngày xưa, trên là *quan* dưới là *đến sư*, còn *phụ* đứng mãi hàng thứ ba. Ông thầy được ủy nhiệm quyền dạy dỗ cho đứa trẻ *thành người*. Nghĩa là ông thầy chịu trách nhiệm về cả trí dục lẫn đức dục của hậu sinh, và được ủy đủ quyền hạn cần thiết để hoàn tất trách nhiệm của mình: học trò ghẹo gái vô lễ cách trường 30 dặm, ông thầy mà biết, mười ngày sau cũng còn gọi ra sỉ vả hay đánh đòn. Đồ có đến tiến-sĩ, làm quan có đến nhất phẩm triều đình, về thăm thầy ở làng xưa nếu cần vẫn cứ phải xuống ngựa từ đầu làng và đứng mà hầu chuyện thầy đồ trong lều tranh xơ xá. Hơn nữa, chương trình giáo dục cổ xưa cũng nhằm theo chiều hướng như thế. Được trao quyền hạn và trách nhiệm lớn như vậy, và được đãi ngộ về cả tinh thần lẫn vật chất tương xứng,

nếu ông thầy ngày xưa có phải tiết dục, phải tu thân tốt đa để làm mô phạm, điều đó là hợp lý. Còn bây giờ, trên bục gỗ, ông thầy hiện đại được trao quyền hạn ra sao? Tôi dạy Quốc văn đệ tứ chẳng hạn, sáu giờ một tuần với một chương trình rõ rệt phải dạy cho đủ. Học trò kém Quốc văn, lỗi tại tôi. Còn nếu chúng kém về đạo đức, điều đó làm sao tôi ảnh trách nhiệm cho được. Ai trao cho tôi việc rèn luyện đạo lý cho học trò đâu. Không cần giấu tướng tượng cho lắm cũng biết điều gì sẽ xảy ra cho tôi nếu trước là *biểu* trưởng sau là *cấp* Bộ biết rằng giáo sư... đã bỏ bê chương trình Quốc văn đệ chỉ giảng đạo đức cho học trò. Tôi đã từng dạy Công-dân giáo-dục để biết rằng đây chỉ là môn giảng về bổn phận và quyền hạn của người công dân — nghĩa là nhằm đào tạo một người công dân thời và một công dân tốt là người biết tôn trọng luật đi đường (chương trình lớp đệ-lục), biết đóng thuế đầy đủ, biết thi hành nghĩa vụ quân dịch, biết mình có quyền ra ứng cử và bầu cử, biết vài kiến thức về kinh-tế học... Và một công dân *tốt*, nghĩa là làm hết những trách vụ công dân đó, không hề đương nhiên là một người tốt, có đạo lý. Một kẻ lưu manh, khôn nản nhất xét theo phương diện luân lý, vẫn có thể là một công dân *tốt* như thường — nhất là trong xã hội hiện tại.

Đó là về quyền hạn và trách nhiệm. Còn về đãi ngộ? Có thể nói ngay là tội nghiệp ông thầy. Trước hết là về phương diện tinh thần đã. Không những ông thầy không được xã hội dành cho một kính nể nào đáng kể so với các nghề khác *hiện tại*, ông thầy còn bị ngáng trở trong việc giảng huấn bởi chính các phụ

huynh học sinh. Trong một bài giảng nào đó, ông thầy mở rộng nói về đạo đức lễ nghĩa cho học trò nghe, thì thường thường là công trình của mình dám sẽ bị quạt bay theo gió hết khi học trò 'rở về nhà, mang lời giảng ở lớp ra nói, và phụ huynh phê bình rằng : Ôi dào ! Nghe mấy thằng thầy của mày thì có mà dói dã hòng ra ! Và tôi dám đánh cá rằng ngày mai đây, nếu có học trò nào hư, hỗn láo, tôi nóng tát tai cho một cái thì ba bảy hai một ngày là trễ nhất tôi sẽ gặp đủ rắc rối : phụ huynh sẽ nhẹ ra thì khiếu nại với hiệu trưởng, nặng ra thì kiện tới Bộ hoặc viết bài " tố cáo hành động dã man của con chiên ghê trong ngành giáo dục ". Xa lắm rồi cái thời học trò hư bị thầy đánh cho mấy roi đuôi về, ngày hôm sau đương sự, sau khi bị lãnh thêm một trận ở nhà, bị bố lôi đến trường bắt xin lỗi thầy.

Còn dài ngộ về vật chất ? Giáo chức lãnh lương như mọi công chức khác — phụ cấp sư phạm có năm trăm và tám trăm không nghĩa lý gì. Nghĩa là dói rách tối đa — một giáo sư trung học bây giờ nếu có lương tâm, chỉ dạy đúng số giờ ấn định thôi không dạy tư, thì người đó và vợ con chỉ có quyền ăn cơm ngày một bữa thôi, còn quần áo thì lấy lá chuối mà che thân — vị nào không tin là tôi nói nghiêm chỉnh, tôi sẵn lòng cung cấp bản chiết tính. Còn về phía xã hội, tôi xin trình bày lần đi coi thi Tú tài năm vừa qua tại tỉnh Mỹ Tho, một tỉnh nổi tiếng là trọng văn học của miền Nam. Chẳng gì cũng là một giám khảo, bước chân vào trường Nguyễn Đình Chiểu mỗi giáo sư được cấp phát cho một chiếc chiếu ni-lông nhỏ (có sự tiến bộ vì trước kia là chiếu cói) và một cái chỉ tay

về phía một hành lang. Các vị giáo sư cứ việc ra tay mà quét bụi, kê các bàn ghế lại lấy chỗ mà nằm. Kỳ thi thì dài mà trường không có nước tắm — có nước rửa mặt đánh răng đã là may lắm. Chăn chiếu mừng mền phải mang theo mà dùng. Ăn cơm thì tự túc, và suốt trong kỳ thi tôi nhận thấy chín phần mười đều chỉ dám ăn cơm đĩa, những đĩa cơm rất bé bỏng. Coi thi rất dễ khát nước và tôi cùng các bạn không biết làm sao hơn là chung nhau tiền thuê lao công nấu nước cho uống. Tỉnh Định Tường, tỉnh văn hóa của miền Nam mà không đãi nổi các giáo sư đến tỉnh mình coi thi một ly nước trà và không cấp gì hơn một chiếc chiếu ni-lông... Có thể nói trong thời gian thi cử này, chỉ có các người lính đang đi hành quân của sư đoàn 7 và các giáo sư đi coi thi Tú-tài mới phải nằm đất hít bụi mà thôi... Các ông thầy tội nghiệp, bởi vì mọi sự không phải chỉ có thế : coi thi nghiêm chỉnh quá, rất dễ được học trò địa phương tiễn đưa bằng vài trái đấm hay nhẹ ra, cũng vài lời chửi tục ngay trước mặt.

oOo

Mọi sự đến đây quả thực tôi không còn lý do gì để tiếp tục đeo đuổi nghề giáo. Chỉ riêng cái vị trí giả tạo, nguy hại mà xã hội đã tạo ra cho ông thầy, cũng đủ làm cho tôi mất thanh thần trong tâm hồn khi đứng trên bục gỗ rồi. Đơn xin thôi việc đã được chuẩn bị nhưng với Tết Mậu Thân, chiến tranh lại lôi tôi vào cuộc lần thứ hai và lần này, với tư cách giáo chức tái ngũ, tôi được sử dụng như một thứ huấn luyện viên quân sự lưu động trong đô thị, hết Sinh viên, Thanh niên Trừ gian, lại đến Nhân dân Tự vệ. Đề rồi một buổi sáng nọ, thượng cấp chỉ thị cho các giáo chức tái ngũ được biết sẽ được biệt phái về

nhệm sở cũ "nếu có đơn xin".

Tôi không làm cái «đơn xin» ấy. Tôi muốn thà ở lại các đơn vị huấn luyện quân sự học đường còn hơn. Ở đây tôi thoải mái, vị trí và trách nhiệm của tôi rõ ràng. Nếu làm huấn luyện viên, tôi chỉ trách nhiệm về môn tôi phụ trách, học viên khá về môn đó càng tốt, lỡ ra mà kém thì tôi lãnh xài xề. Nếu làm cán bộ, tôi lo cho đơn vị có kỷ luật, y phục chỉnh tề, so hàng đều, trình diện tốt. Ai bất tuân thì phạt. Còn các học viên của tôi có tham những ngoài đời, có làm trò ma giáo, việc đó không liên quan gì đến tôi cả. Tôi có nhậu nhẹ, chơi bời vung vít, thì đó là việc riêng của tôi, các học viên không có lý do gì thắc mắc... Hoàn toàn là những điều, những tương quan, những vị trí, trách nhiệm mà chính thực ra phải là của ngành giáo dục bây giờ mới hợp lý.

Nhưng chẳng có đơn xin thì đừng, lệnh trên vẫn cứ truyền xuống và tôi đành cỡi quân phục trở về trường cũ. Làm nhà binh, không có cái, thì hành trước khiếu nại sau. Buổi sáng ngày khai trường năm đó, trong những giáo sư đang đứng trên hành lang nhìn xuống học trò dưới sân tấp nập, tôi hẳn là ông thầy rầu rĩ nhất. Và lời giảng đầu tiên của tôi ở những lớp học sinh đã lớn dĩ nhiên là rất bất thường. Trước hết tôi tự giới thiệu như khi đi huấn luyện quân sự, nghĩa là nói tên họ, cấp bậc và môn phụ trách giảng dạy. Rồi kể đó tôi trình bày cho học sinh hiểu tôi quan niệm ra sao về tương quan

giữa người đứng trên bục và những kẻ ngồi dưới. Tôi nói cho họ hiểu nhà trường chỉ giữ họ có bốn tiếng một ngày và chỉ giảng dạy về phương diện trí dục, và cũng chỉ chịu trách nhiệm chính vều có thể. Nếu có chút nào về rèn luyện đạo lý cho con người, thì đó chỉ là kỷ luật học đường: y phục đồng phục, bảng tên, không nói truyện trong giờ học, không hỗn láo, không làm hư hại vách tường, học cụ... Một thứ kỷ luật không ngấm lý gì so với kỷ luật quân đội và còn thật xa mới có thể gọi những thứ kỷ luật ấy là rèn luyện đạo lý con người. Sau khi xác định rõ tôi đứng trên bục chỉ là một huấn luyện viên phụ trách môn... và chỉ chịu trách nhiệm về môn ấy (... « các em sau này hư hỏng hay thành người, có chí khí liêm khiết hay tham nhũng, lường thầy phản bạn, thì đó là do thầy mẹ các em nhiều hơn là do nhà trường — nhà trường, qua tôi và tôi qua những bài văn chương trích giảng, chỉ mang lại cho các em những hướng dẫn gián tiếp và tùy nghi mà thôi "...), tôi xác định về vấn đề xưng hô thầy-trò (... « tôi không phải là ông thầy, hiểu theo nghĩa ngày xưa bởi vì thứ ông thầy đó không còn tồn tại trong xã hội này, và giả thử có còn ông thầy đó thì tôi cũng không đủ xứng đáng để nhận...)). Tôi nói rằng *tục lệ* dưới cái mái trường ấn định người đứng trên bục phải gọi là *thầy* và các người ngồi dưới là *các em* thì chúng ta tuân theo *tục lệ* ấy... Thế thôi. Tôi không phải là ông thầy thực sự hiểu theo nghĩa cổ xưa (nghĩa là một thứ người đã bị diệt chủng từ lâu lắm rồi trong nền văn-hóa Việt-Nam), bởi thế một khi rời khỏi cổng trường này, mỗi người cứ việc đi mỗi ngã, hết thầy hết trò. Ai làm gì cứ việc

làm, không ai có trách nhiệm gì với ai ngoài đường phố rộng lớn kia hết. Và sau cùng, đề kết luận cho phần mở đầu đầu năm ấy, đã có lần tôi chưa chút nói : "Ra khỏi trường, do đó, tôi cấm các em không được chào tôi bằng thầy. Tôi đâu có được xã hội này trao quyền làm thầy. Nhận là ngụy tía, là tiếm quyền. Và giả thử ngày nào vì có gì tôi được phép làm thầy thực sự, thì lúc đó tôi e rằng có hơi nhiều học trò sẽ bất xứng không đáng làm học trò của tôi".

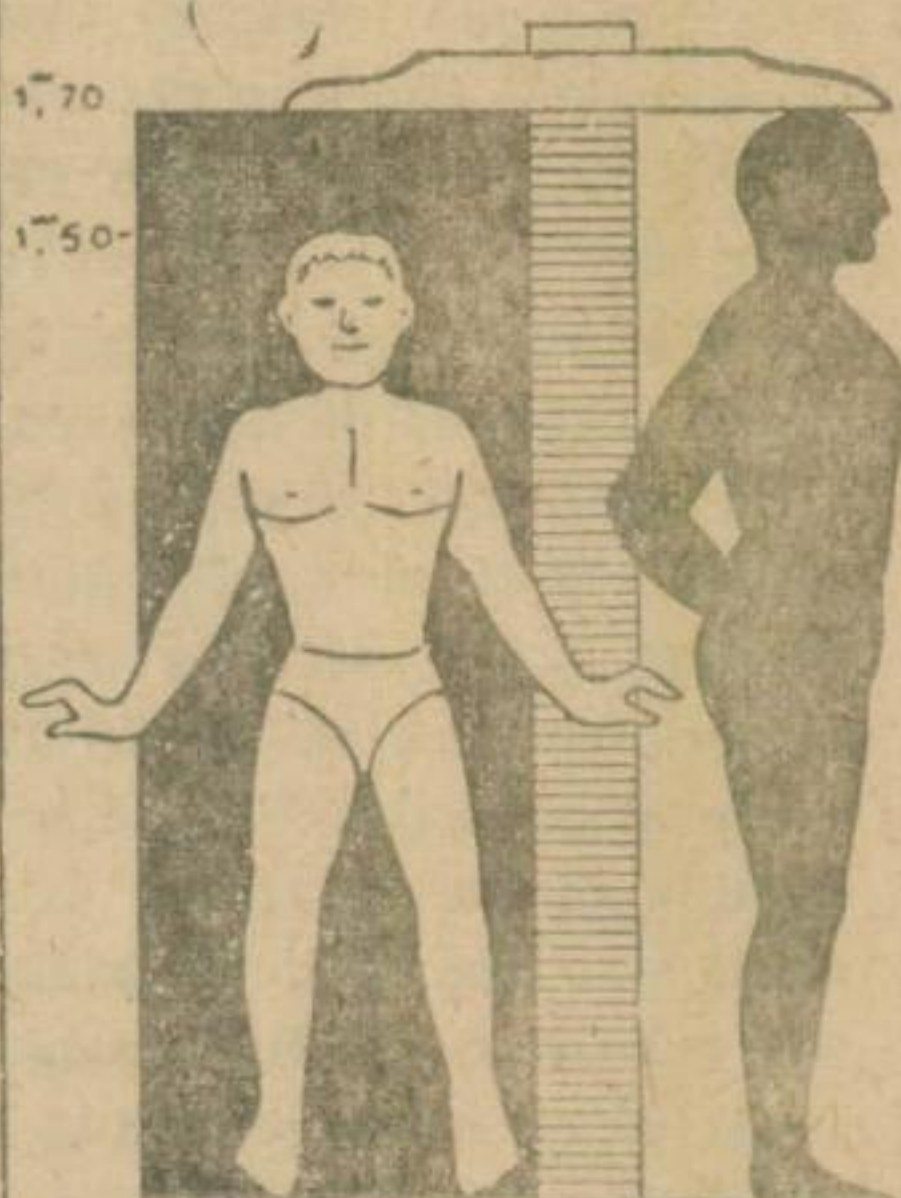
Nói giản dị, tôi đã khước từ danh vị "thầy" bởi vì nó không có và tôi lại quá ngay thẳng để nhận xứng. Tôi lui về

vai trò đúng của tôi trong ngành giáo dục hiện đại : một huấn luyện viên phụ trách giảng dạy về một môn học nào đó. Tôi đành phải làm như vậy vì nếu có một nguyên tắc nào cần tôn trọng nhất trong ngành giáo huấn, thì đó là sự "chính danh" như người xưa đã nói. Tôi đành phải lui về cho rõ rệt như thế mới có thể mà mỗi ngày đứng lên bục gỗ cao, mà cất bình tâm tiếng nói lên điều gì cho lớp hậu sinh. Dĩ nhiên sẽ có rất nhiều người sẽ không đồng ý với thái độ đó, nhưng làm thế nào được-tôi đâu có hề muốn như vậy.

THẾ-UYÊN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RẰNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI.

S6 KN 78 MBYT/QCPD

Những chiếc túi ny-lông

mến tặng những người đã
và đang ở QUANG TRUNG.

1. — Phải đi bộ 4,5 cây số dưới nắng gắt, trên một quãng đường gồ ghề, mấp mô, vai vác trung liên BAR đầu đội nón sắt nóng như cái chảo người ta, mới thấy giá trị của một miếng nước. Phải khiêng thùng đạn, phải chạy đi chạy lại kéo bia, dán bia, phải bắn nằm bắn ngồi từ 12 giờ trưa đến 4,5 giờ chiều người ta mới thấy sự cảm dỗ khủng khiếp của những túi ny-lông đựng nước đá mát rượi.

Trong khi đi bãi hay ra sân bắn tôi thường để ý đến những túi ny-lông rách rác bên lề đường. Có cái lép xẹp cong queo, có cái bị rách tung, có cái vẫn còn ít nước và nhãn nhựt. Chúng nằm trên mặt đất, trong đám cỏ, hay bị vùi dập đang dở. Bây giờ chúng là rác rưởi, thừa thãi nhưng trước đó một tuần, một tháng hay một năm, chúng là kết tinh của những khát khao sôi cháy trong buồng phổi, con tim. Những cái túi rách mướp đầu đuôi có lẽ là của những khóa sinh hầu ăn hầu uống, họ bóc đầu này cắn đầu kia cái túi để uống, để mút, để ăn tới giọt nước, miếng nhỏ, miếng nhãn cuối cùng. Những cái túi còn dư có lẽ là của những chàng đang ăn lên cho đã khát nhưng thấy huấn luyện viên tới lên vội vã vất đi một cách sợ sệt, tiếc rẻ.

Những chiếc túi ny-lông đựng nước đá chanh, trong hoàn cảnh đó, thực là những chất liệu truyền giao sự sống. Mỗi giọt nước là một giọt máu, uống tới đâu tỉnh người ra tới đó. Đó là những chiếc túi đựng sinh lực nhưng đó cũng là những chiếc túi đựng kỷ niệm.

2. — Trước khi đi lính, tôi vẫn thấy lũ học trò nhỏ bú các túi ny-lông nước ngọt đá lạnh nhưng chưa bao giờ tôi thực sự bú những bịch nước đó. Từ khi tới trại Nguyễn-tri-phương, tôi bắt đầu lại cuộc đời trẻ thơ : ăn kem và bú túi ny-lông.

Hồi nhỏ ai cũng thích ăn kem, mút kem, nhưng khi lớn lên chúng ta ít ăn kem nữa. Chúng ta nhậu nhẹt với bia, rượu, whisky..., kem hình như chỉ dành cho những người thiếu thì giờ và phương tiện. Khi vào quân trường, lúc thiếu các món giải khát ngoài dân sự, tất cả đều thi nhau ăn kem. Tuy nhiên người lớn ăn kem khác trẻ con. Trẻ con mút kem chùn chực, nó lè lưỡi liếm đi liếm lại cho cái kem chảy nước ra, nó nuốt ừng ực những giọt kem ngọt lịm và mát rượi. Đôi khi nó liếm luôn cả hai giòng nước mũi thò lò trên môi. Nhà giáo không thò lò

mũi xanh cũng không mút kem như trẻ con. Họ cắn từng tiếng một, gọn gàng, sạch sẽ. Họ vừa ăn vừa nói chuyện, bàn tán vấn đề nọ vấn đề kia. Họ ăn kem mà không thường thức cái kem, không nhìn ngắm, chú ý đến nó. Mút kem như trẻ con hình như thích hơn và đỡ buồn rầu hơn. Đôi khi rảnh rỗi, tôi dựa lưng vào gốc bã đậu và ăn kem như trẻ con. Ngửa đầu, mút từng cái một cho kem chảy từng giọt vào miệng. Thật là thần tiên, thích thú. Thế nhưng sự thích thú mà cây kem đem lại chẳng thấm vào đâu so với niềm khoái cảm mà những túi ny-lông nước đá đem lại sau những đoạn đường nắng cháy hay sau những buổi bắn tập nhẽ nhại nồ hời.

3.— Những chiếc túi ny-lông đựng đá chanh trong vắt, mồm mồm, căng mịn, vài miếng đá nhỏ va chạm vào nhau, những giọt nước lạnh lấm tấm trên bao ny-lông, vài miếng chanh nhỏ xanh mát, vài miếng nho khô không tộp cứng cũng không rữa nát..., chỉ cần nhìn những túi ny-lông đó người ta đã chảy nước miếng ra rồi. Trong những lúc khát cháy cổ, mờ mắt, có lẽ kem lại không quyến rũ bằng những túi ny-lông nước lạnh. Người ta có cảm tưởng ăn kem lại khát nước thêm hoặc ăn kem ít quá so với bịch nước căng mọng, khiêu khích. Nhiều nước bao giờ cũng thích. Có khi người ta thích uống nước trong các túi ny-lông hơn cả ăn cam, ăn quýt nhất là loại quýt « ý kiến » của vị trung sĩ già, chua loét và nhỏ xiu. Đã nhỏ mà lại ít nước thì thương làm sao được ! (1)

4.— Tính cách mời gọi, quyến rũ của những túi ny-lông nước ngọt tùy thuộc vào cách bán, cách mua và cách ăn chúng nữa.

Nếu những túi ny-lông đá chanh đó được bày bán trong một tiệm giải khát ở đường Tự-do, Lê-lợi thì có lẽ chẳng ai thèm đựng tới chúng. Giá trị của chúng là ở khung cảnh nắng cháy, thiếu nước tại bãi tập và nhất là ở thái độ của người đi bán. Họ có vẻ bí mật, dấm dúi, thân thiện, thông cảm. Trên bãi tập nắng như thiêu đốt, sau những giờ học tập mệt mỏi các bịch ny-lông đá chanh là mái nhà, là sông, là bề nước mưa trong vắt.

Các người bán nước đá chanh là những vị cứu tinh xuất hiện đúng lúc. Họ giấu bịch ny-lông trong mũ sắt, trong túi vải, trong các thùng đạn và có khi trong cả thùng rác được nguy trang cẩn thận. Bề ngoài họ cũng giống những trung sĩ, hạ sĩ khác nhưng chỉ tinh mắt một chút ta nhận ra ngay họ « không giống ai hết ». Chính sự khám phá này khiến việc mua bán trở thành một chinh phục, một đặc quyền. Vừa sợ sệt, vừa thích thú. Người bán phải nguy trang các túi ny-lông vì bình như họ không được phép bán những túi đó trong giờ học. Có những người kín đáo dấu đồ nghề trong thùng rác. Họ để hàng trăm bịch đá chanh, đầu nành, cà phê đá trong một túi ny-lông thật lớn và dấu trong thùng rác. Họ nguy trang rác rưởi, cố úa khéo đến nỗi không ai có thể ngờ rằng mình đang ngồi cạnh một ngọn suối, một cái giếng hay một cây nước đá lạnh. Tai họa xảy ra khi huấn

(1) Bất cứ một khóa sinh nào, thuộc Đại-đội 533A, cũng biết vị Trung-sĩ già người Huế này.

luyện viên ra lệnh cho hai khóa sinh đi đồ rác. Sự bí mật được vén màn và c'ura bao giờ các khóa sinh giáo chức lại sốt sắng đi đồ rác như hôm đó!

5.— Lần đầu tiên tôi không biết cách uống bao ny-lông như thế nào. Loay hoay mãi mới mở được sợi thun buộc ở đầu bao nhưng nước đã ộc ra tung toé. Về sau việc uống nước trong bình ny-lông được cải thiện dần và trở thành một nghệ thuật. Không ai cần mạnh vào đuôi bao ny-lông vì nước sẽ ộc ra ngoài ý muốn của mình. Người ta cần một lỗ thật nhỏ ở góc bình rồi bóp mạnh vào túi để nước phun ra thành một tia nhỏ, li ti, mát rượi. Thường người ta cần một góc bao rồi cúi xuống vừa mút, vừa bóp ngẫu nhiên cái bao có hình thù quen thuộc, vừa tay. Có người lại ngửa cổ ra, bú chùn chụt cái bao, hai tay nâng niu, má hóp lại, mắt lim dim. Anh em sẽ bảo: "T..h..ô..i bú! Dâm quá!". Đó là những người háu ăn háu uống tuy nh'ên nghệ thuật ăn uống của họ chưa tới mức cao siêu. Đáng chú ý hơn có lẽ là những người có thể vừa ngồi học, vừa ghi chép, vừa nghe giảng bài vừa uống bao ny-lông một cách thích thú, dễ dàng.

Trong những buổi học ngoài bãi dưới nắng cháy, họ cần một lỗ rất nhỏ ở đầu bao ny-lông và dấu nó trong cái mũ sắt đặt trước mặt, cạnh đầu gối. Huấn luyện viên chỉ có thể thấy cái mũ chứ không thể thấy cái bao dấu trong mũ. Những khóa sinh tinh quái đó vẫn nghe giảng, vẫn ghi chép, nhưng lâu lâu họ bóp mạnh bao ny-lông và vòi nước nhỏ xíu như sợi chỉ phun mạnh lên tận miệng!

Ai cũng đã từng uống túi ny-lông và mỗi người có một cách uống, cách mút, cách liếm, cách nhả, cách bóp khác nhau nhưng có điều chắc chắn là chúng ta chưa khám phá ra cách nào tiện lợi và nhanh chóng để ăn hết các hạt nhỏ, các miếng nhả nhục trong bao. Cần ra, bóc ra, thì không được vì dai nhách và khó chịu. Mở sợi thun và lộn ngược bao ra ngoài thì vừa khó khăn vừa tốn thì giờ. Tóm lại chúng ta chỉ uống được nước nhưng ít khi ăn được hết những thứ đựng trong bao ny-lông. Bao ny-lông tuy mồm mím, dễ chịu, ngọt ngào, nhưng nó vẫn khép kín, e lệ, nó vẫn là bí mật mà người ta không thể khám phá ra hết được.

6.— Những lớp người đã đi qua, nhưng những chiếc túi ny-lông vẫn nằm đó, lay động trong gió chiều hay vùi dập dưới cát bụi của thời gian. Có những người bạn, những học trò của tôi đã đi qua các con đường gồ ghề gian khổ kia. Có những người được lên chức nhưng có những người đã vĩnh viễn nằm xuống. Tất cả đều trôi qua, vắng mặt, trừ những chiếc túi ny-lông. Nhìn những dấu giày vô danh in hằn trên đất cũng như nhìn những chiếc túi ny-lông nằm rải rác hai bên đường tự nhiên tôi nhớ tới những người trẻ tuổi như tôi đã ra đi hay đã chết. Chúng tôi cảm thấy gần gũi nhau quá dù rằng chúng tôi chưa hề quen biết nhau, chưa hề được nhìn mặt nhau. Tuổi trẻ đã làm được gì cho quê hương? Mồ hôi quân trường, tháng ngày gian khổ có thực sự giúp chúng ta đóng góp gì hữu ích cho dân tộc hay cũng chỉ đưa chúng ta đến những đồ vỡ, rã rời, chẳng khác gì những chiếc túi ny-lông rách mướp, vô danh nằm cam lạng hai bên đường?

NGUYỄN-TRỌNG-VĂN



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn :

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

B a o g i ờ

Sự ám ảnh đó cứ bám riết lấy suy nghĩ như một hình phạt nặng nề từ ngày má tôi nói cho hay về hoàn cảnh đích thực của gia đình. Đó là một buổi chiều, có cơn mưa to với những lớp nước dày và nặng đổ ầm ầm trên mái tôn cùng với tiếng sét nổ vang theo sau mỗi làn ánh sáng xanh biếc. Má tôi ngồi bên chiếc thau rửa mặt bằng nhựa màu đỏ đặt sát mép giường để hứng từng giọt nước giỏ tí tách từ mái nhà rớt xuống. Tiếng nước rơi đều đều và cũng là tiếng động duy nhất làm tôi có cảm tưởng mình đang sống và đang đối diện với sự vật. Trong lúc này, thay vì nhìn má, tôi ngó chăm chăm vào thau nước với những hạt nhỏ bám li-ti xung quanh ống ánh. Ở góc nhà, bên cạnh chiếc bàn học bây giờ thành bàn nước, đóng quần áo và những đồ quân trang lật vặt để bên cạnh chiếc "sắc-ma-ranh" màu cứt ngựa khô răn rúm. Đôi giày «saut», sau mấy tháng huấn luyện ở quân trường trông sơ xác, gót cau su đã vẹt hết đường khứa và mặt da rạn vỡ bênh bệch. Mấy đứa em đã qua nhà bên chơi và dựng tôi chắc giờ này, ông đang nhậu ở cái quán cóc nào đó. Má tôi luôn luôn đưa vạt áo lên lau mắt. Tôi cúi gằm mặt. Thực ra, cũng không rõ tại sao má tôi lại chọn đúng lúc này để nói cho tôi hay về chuyện đó. Ngày mai, tôi lên đường trình diện đơn vị, tôi muốn được sự an

ủi khác kia chứ đâu tôi muốn nghe má tôi nói lại đời bà. Tôi biết má tôi đã chịu đựng nhiều đau khổ cũng như tôi tôi không được nhìn mặt cha từ năm lên ba. Quê tôi ở vùng biên phía cuối nước Việt chưa một lần tôi biết. Những năm trước, trong dịp hè tôi có nói với má tôi cho về thăm quê thì bà luôn luôn tìm có thoái thác vì sinh sống và các em mầy còn nhỏ chờ bao lâu nó lớn đã. Tôi sống cũng như bao đứa cùng lứa tuổi thuộc thành phần bình dân. Gia đình tuy thiếu hụt luôn nhưng má tôi cũng hết sức tần tảo để cố cho tôi theo học. Mấy rằm gần đây bà đã phải đi làm lao công cho sở Mỹ. Từ ngày đó, gia đình cũng dễ chịu. Dựng tôi, người đàn ông nóng tính.

Ông có bộ "vé" tốt nhưng mỗi khi nhậu say ông thường gây chuyện với má tôi. Má tôi thường nói — *Số mầy không may, nếu có ba mầy đâu đến nỗi này!* Cho đến năm mười bốn tuổi tôi mới biết người đàn ông hay đánh tôi và chửi má tôi là dựng. Có những đêm dựng tôi đi nhậu tôi khuya mới về, tôi ngồi học để chờ mở cửa cho ông. Tôi thoáng nghe từ phía buồng trong, tiếng thở dài nhẹ nhẹ cùng tiếng nấc như cổ nén cơn khóc. Tôi đoán, có lẽ má tôi ghen, nhưng sau này mới biết mình lầm. Chắc nhiều người lối xóm biết nỗi uẩn khúc của gia đình tôi nên

khi thấy tôi mặc đồ lính, họ nhìn tôi với những con mắt kỳ lạ rồi xì xầm điều gì đó. Tôi thấy khó chịu. Tôi nghĩ họ cho rằng tôi học dở, sau hai năm thi mà không đỗ nổi Tú Tài 1 nên mới phải kêu lính. Tôi mang nỗi buồn phiền đó nói cho má tôi hay. Bà nhìn tôi, nhìn rất lâu mà không nói gì rồi lẳng lặng đi xuống bếp. Lát sau, tôi ra sân, thấy bà đang ôm đứa em nhỏ nhất mới được trên năm mà khóc. Thằng bé nằm gọn trong lòng bà rúc đầu vào ngực bú trong khi đó những giọt lệ chảy ướt đầm khuôn mặt má tôi và rơi lã chã xuống mặt nó. Nó bú sữa và nuốt luôn cả dòng nước mắt của bà. Tôi hỏi: — *Tại sao má khóc, con có làm gì để má buồn đâu? Con đi lính như thằng Tâm, thằng Phách, thằng Dũng trong xóm mà!* Bà ngó tôi bằng cặp mắt đỏ hoe. Lúc này tôi mới nhận thấy bà gầy xộc hẳn đi. Má tôi nghẹn ngào — *Làm sao con hiểu được, nhưng rồi má sẽ nói.* Tôi thấy có sự gì bứt rứt muốn tìm ra — *Má, má, con thấy độ này má đối với con kỳ quá!* Má tôi không trả lời, bà bảo, có mấy gói kẹo Mỹ bà đem về bữa nọ cất ở học tủ, mai đi nhớ mang theo. Má tôi làm lao công ở sở Mỹ, nên bà mang về chẳng thiếu thứ gì, bà nói họ cho, nhưng tôi nghe người ta nói khác, thành ra mỗi lần ăn thứ gì do má tôi đưa, tôi cảm thấy mất ngon. Còn dưỡng tôi ông vô tư lắm, ông ăn uống ngon lành nhất là những hộp đồ nhậu, ông ngồi khề khà, có khi hàng hai ba giờ liền. Nhậu xong, ông chửi má tôi là quân ăn cắp đi làm đầy tớ mà không biết xấu hổ và không chừng má tôi phải làm sao với nó mới được nhiều đồ như vậy chứ! Trong những lúc đó, hoặc má tôi bế đứa nhỏ ra đường hoặc bà chui vào buồng để

khóc một mình. Tôi lấy xe rú ga rần rần rồi vụt đi. Nói cho đúng, dưỡng tôi hoàn toàn là người đàn ông xấu trừ khi uống rượu say và lúc nóng nảy. Nghe mẹ nói, lúc còn nhỏ tôi hay nghịch, thường làm xẹp võ xe của ông trước giờ ông đi *câu chuyện*, lúc biết, ông túm tôi đánh đá liên hồi, tôi đau phát nóng lạnh nghỉ học cả tuần. Những năm gần đây vì tôi đã lớn ông không đánh, chỉ nói mĩa — *Ủi cha cái giống đó học hành gì, chờ ngày đi lính. Học nó phải có dòng chữ!* Tôi tức lắm nhưng vì thương mẹ nên không dám có cử chỉ hoặc lời nói hỗn xược. Dưỡng tôi sống bằng nghề làm môi giới. Ông đi làm chẳng có giờ giấc nhất định. Có lúc đi cả ngày, có khi lại nằm nhà chửi đồng cuộc đời. Mấy năm nay, nghe nói, ông làm ăn mất tín nhiệm sao đó nên lui đui hoi, vì thế má tôi phải đi làm.

— *Con có nghe má nói đó không? Tôi thần thờ — Con vẫn nghe, rồi sao má? Còn sio nữa, đây con vẫn giữ tấm hình này!* Tôi cầm lấy tấm hình nhỏ xíu. Tôi nhìn, tôi nhìn chăm chăm vào tấm ảnh. Màu ảnh đã vàng khè in hình người đàn ông — ba tôi — với khuôn mặt gân guốc, khắc khổ. Đôi mắt lá dăm nhỏ như hai sợi chỉ. Cái trán thấp dưới mái tóc hớt ngắn. Bên má trái có vết sẹo dài. Chiếc miệng rộng và vành môi không khép kín để lộ phân nửa mấy chiếc răng cửa hở khe. Ba tôi chuyên nghề đi biển nên sóng gió hầu như đã in hằn trên khuôn mặt ấy. Ngắm nghía mãi, mà tôi không thể hình dung nổi người trong tấm hình nhỏ này đã sinh ra tôi vì nom hầy còn trẻ quá. Tôi đoán chỉ hơn tôi vài ba tuổi. Tôi giơ tấm ảnh trước mặt má tôi sững hỏi — *Ba con đây thật sao má? Ờ, ba đấy đó. Gần hai mươi năm rồi còn gì! Khi ba mấy đi tập kết mấy mới*

lên ba nay đã hai mươi rồi đó! Mày thử lấy kiếng ra soi xem, mày giống ông như đúc. Tôi nghiệp chả biết ông ra sao còn sống hay chết? Mấy năm trước có người bà con ở miệt vườn lên nói cho má hay ông có trở về tìm má. Họ nói má lên Sài Gòn làm ăn từ lâu rồi. Ông quần quanh thăm bà con đến gần sáng mới đi. Tôi ngó má. Mái tóc bà có những sợi trắng lẫn vào màu đen từ bao giờ. Khuôn mặt má tôi thò với đôi gò má cao mà bà thường nói mình vất vả là do đó. Kề ra má tôi vất vả thật và vất vả đến bao lâu nữa? Tôi nắm chặt tấm ảnh trong tay nghẹn ngào. Tôi muốn khóc cùng với má tôi trong lúc này để an ủi bà mà sao không được. Tôi đâu có ngờ, má tôi phải cố gắng cho tôi ăn học vì lý do thần kinh đó. Bà sợ tôi phải đi lính và biết đâu sự may rủi của chiến tranh!..

Trời bên ngoài vẫn đổ nước xuống từng chập, từng chập. Tôi nhìn ra mặt lộ lênh láng. Những chiếc xe gắn máy phóng nhanh làm toé sang hai bên hàng loạt bọt nước trắng xóa. Ánh đèn đường đã cháy từ lúc nào, tôi bất chợt nhìn thấy. Những hạt mưa đan mau làm ánh sáng trở thành mờ ảo. Tôi nghĩ đến tương lai và số phận tôi cũng chẳng hơn gì làn ánh sáng đó. Tôi còn quá trẻ để có thể nhận biết đời sống với từng mốc bi thảm. Tôi cũng không đủ vốn liếng để suy tư nhiều về thân phận làm người. Nhưng thực tế với những đòn đau cứ tuần tự lách vào tâm hồn non dại của tôi làm thui chột niềm tin. Ngay cả tình yêu, một ý niệm thiêng liêng vụt tắt trong tiềm thức với từng đòn đau mà Nhạn — người bạn cùng lớp — đã trao tặng. Má tôi đâu hay biết, trong tôi đã mang ung nhọt. Tình yêu đã làm cho tôi hư hỏng hơn là mang đến ngọt ngào.

Tôi gặp nó trước khi gặp cuộc đời. Làm sao tôi có thể hạnh phúc khi đôi bàn tay thon ản của Nhạn đã bịt mắt và dẫn tôi chạy theo từng ảo-giác đam mê tuổi trẻ. Đến nay, thêm một lần má tôi lại giót vào tâm hồn tôi những giọt lệ cay đắng mà bà đã giữ cho riêng bà từ gần 20 năm trời. — Con nghĩ sao? Tôi khẽ quay mình nhìn vào góc nhà — Con khổ lắm. Tại sao má không cho con biết từ trước Bà xích đến gần — Má đâu có ngờ à; hồi nãy con nói đi đơn vị nào đó? — Biệt-Động-Quân! Ủy trời, má nghe nói lính Biệt-Động Quân dữ dằn lắm phải không, sao con chọn thứ ấy? — Con đâu có quyền lựa chọn, giây tờ kêu thì hay vậy thôi! — Thế con đóng ở miệt nào? — Đâu có rõ, mai trình diện mới biết được. Má tôi đưa hai tay lên ngực như cầu nguyện. Hai dòng lệ lăn tròn trên gò má rồi tuột nhanh xuống cằm, giở xuống nền xi-măng xám ngoét.

cOo

Đoàn trực thăng phách hạ cánh dần xuống bãi cỏ trống cạnh bãi mía rộng thênh thang. Mặt cỏ đảo dạt rợn sóng, có nơi ép sát đất do sức gió cánh quạt. Từng đoàn người lao vút ra khỏi lòng máy bay tản nhanh thành đội hình tác chiến. Những bộ đồ « rằn-ri » lẫn vào màu cỏ rồi mất hút trong bãi mía cao quá đầu người. Tiếng động cơ trực thăng nổ rầm rầm lấy đà cất cánh. Tất cả mọi người đều bận rộn không ai có thì giờ chú ý đến câu chúc may mắn của anh cơ-khí-viên đứng sát cửa tàu vừa nói vừa quơ tay lên trời ngỏ dấu tạm biệt. Chỉ một thoáng sau cảnh vật lại im lặng trừ tiếng vỗ cánh chậm của con chim sẻ cuối cùng vút lên khỏi bãi mía. Lăn đờ quân này có lẽ hơi xa mục tiêu vì tôi không nhận thấy dấu hiệu gì tỏ ra sắp giao

chiến. Dù đã sống gần hai năm ở đơn vị tác chiến, qua bao nhiêu cuộc hành quân gian khổ qua bao nhiêu hiểm nguy gang tấc mà sao mỗi lần đi dù «*đụng*» hay không tôi cũng cảm thấy trong người gai gai, vướng mắc. Tôi đã sống hàng tháng giữa rừng già bên lề dãy Trường-Sơn với cơm khô nước suối. Tôi đã vượt qua bao nhiêu dặm sinh lầy đầy muỗi đói và rắn độc. Tôi đã chiến đấu với tất cả tự ái của tuổi trẻ trước tiếng súng của quân thù. Tôi đã cùng (á) bạn khiêng xác đồng đội đặt nằm cho ngay ngắn chờ trực thăng cứu thương tới. Tôi đã vượt mặt, những con mắt lão lơ mở chừng chừng như uất hận, tủi hờn. Tôi đi tìm kiếm từng cánh tay, từng bắp chân văng vãi đó đây để lắp vào thân hình nào còn thiếu. Tôi tin có thể nhầm nhưng biết làm sao, thà có còn hơn không. Tôi đã từng khóc rưng rức trước xác của bạn thân như thằng Kỳ, thằng Lạc ở cùng Tiểu-Đội. Nhất là thằng Lạc, nó thương tôi như ruột thịt. Khi ở doanh trại cũng như ra chiến trường lúc nào hai đứa cũng khít bên nhau. Tôi đã tâm sự hết gia cảnh tôi cho nó, trong lúc dừng quân ở ven rừng. Nghe xong, nó tháo chiếc *bi đông* ở ngang hông đưa cho tôi. Tôi biết đó là đó là *bi đông* rượu để thay vì nước. — *Uống đi mầy, cho quên đời ! Đời buồn bỏ cha mầy há ?* Tôi mở chiếc nút nhựa lúc lắc xem với hay đầy rồi ngửa mặt để miệng *bi-đông* vào môi. Men rượu nồng làm cổ họng tôi nóng như đốt lửa. Tôi mới biết uống rượu đây, vì đi hành quân luôn luôn có những đêm trong rừng núi vùng II, mưa lạnh thấu xương, buồn muốn chết, chúng tôi chả biết lấy gì khuấy khuấy ngoài rượu. Thằng Lạc khi ra trận không uống, đánh không hăng.

Nó uống thay nước. Càng uống mặt nó càng tái đi. Cặp mắt nó lờ lờ như muốn nhắm giết. Từ ngày biết chuyện riêng của tôi, mỗi khi trận đánh kết thúc, nó kéo tay tôi chạy nhanh sang phía địch quân lẫn mò trong các bụi cây, trong các hầm hố để nhìn xác địch thay vì đi thu chiến lợi phẩm. Nó nhìn sát vào tận mặt mỗi xác chết. Cái nào úp xấp nó lấy chân hất mạnh cho ngửa lên để xem có vết thẹo không rồi nó cười hô hô — *Đ. má, tụi này trẻ quá làm bố mầy sao được hé ! Ủa thằng này có thẹo nhưng đó đạn của tụi mình mới tặng mà, máu me chảy tùm lum coi ngán quá, thôi để trận sau, mầy ra tìm thấy !* Tôi biết Lạc nói đùa nhưng câu nói đùa đó vô tình làm tôi đau đớn.

Sau mỗi cuộc *đụng độ*, tôi đều cảm thấy bằng khuôn như vừa mất đi một cái gì. Ba tôi chắc đâu còn sống đến giờ này để biết tôi đang cầm súng chiến đấu để tiêu diệt kẻ thù, trong đó có ba tôi ? Tôi nghĩ rằng qua bao nhiêu trận liên tiếp từ 10 năm nay, chẳng phải do đơn vị tôi mà cả một khối người cầm vũ-khí với triệu triệu viên đạn cùng các cuộc oanh tạc bất ngờ của B 52, làm sao ông có cái may mắn thoát được lưới tử thần ? Lắm lúc tôi muốn quên đi, quên đi tất cả, nhất là từ ngày Lạc chết ở mặt trận Đồng-Tháp vì sự may rủi của chiến tranh làm sao biết được ? Lúc xung phong trước lưới đạn chẳng sao, đi khật khùng lại bị đạn «*sẻ*» bắn gục. Mấy tháng trước tôi có về thăm má tôi, bà hỏi — *Sao, con đi «*uỳnh*» nhau có gặp ba con không ?* Trời, tôi phải nói làm sao cho má tôi biết sự thật của chiến tranh. Tôi đành phải lảng sang chuyện khác — *Má làm sở Mỹ độ rầy ra sao ?* Má tôi chống tay vào cằm, mắt bà nhìn xuống —

Má sắp thôi việc rồi con. Độ này Mỹ nó thải người ra nhiều lắm ! Trong lúc ấy đứa nhỏ nhất mà hôm nào nằm ngửa trong lòng má tôi vừa bú sữa vừa nuốt nước mắt của bà từ ngoài cửa men vào kêu : Mẹ, Mẹ ! Má tôi chạy ra bồng nó. Tôi gơ tay đón, nó quay đi làm tôi bức mình, Má tôi vội nói — *Tại con vắng nhà lâu quá nên em nó lạ. Con ở nhà mấy bữa nó quẩn ngay ấy mà !* Má tôi đặt nó vào lòng như bữa nào, vén áo cho nó bú. Tôi bảo má, nó lớn rồi sao cho nó nhay hoài vậy, má cai đi cho rồi ! Má tôi không nói nhìn đăm đăm vào khoảng trống trước mặt. Tôi đứng dậy lấy xe phóng vút.

Mấy ngày phép qua rất mau. Dượng tôi độ này bê bối quá chừng. Ông đi cả mấy bữa mới về nhà một lát rồi đi nữa. Tôi trông nước da ông mái mét chứ không tươi tắn nữa. Trước khi trở về đơn vị tôi có sang chào vợ chồng bác Năm, là hàng xóm thân nhất của má tôi, Bác gái ghé vào tai tôi nói nhỏ — *Tội nghiệp má mày, cái số gì mà dở ẹc !* Tôi hỏi vì sao ? Bác cho biết, độ này dượng tôi đã bắt nghiện, bữa nọ ông đem bán chiếc máy khâu mà ông mua cho má tôi từ ngày làm bạn với nhau. Trong lòng tôi như có sợi giây thắt ngang, nhưng sợ má tôi buồn hơn, tôi chẳng rói lại với bà về chuyện này, dù bác Năm gái đã nói đúng sự thật.

Chúng tôi hàng hàng lớp lớp đi men theo từng bãi mía ngút ngàn rồi tạt ngang qua một con kinh khá rộng có chiếc cầu khỉ bằng thân dừa dùng lâu đã nhẵn thín. Khi người cuối cùng đã đặt chân lên bờ bên này, chúng tôi nhận được lệnh tiến quân gấp vượt qua ruộng bần, thay vì đi vào thôn xóm bên mé trái. — *Chết cha*

rồi tui bây, có màn lội sinh đó ! Một tiếng nói cất lên ở phía sau. Tôi nhìn lại thì ra thằng Thoại. Tôi hỏi — *Sao biết vậy ?* — *Tao đã hành quân ở đây mòn cả giày rồi sao không biết.* — *Tao đi lính trước mày cả mấy năm, không rành sao được ?* Tôi sốc lại khẩu súng, cười khục khục — *Anh em biết qua mà bỏ, khỏi phải giới thiệu.* Tôi đi chậm lại chờ Thoại. Thoại hiện là Binh 1. Trường hợp nó cũng như tôi có học má không bằng cấp. Nó đánh trận giỏi nhưng « ba gai » một cây. Khi say rượu đến trời cũng nhỏ. Lúc đụng trận, nó không bắn thế nả mà chuyên môn bắn thế đứng. Nó thường nói thế bắn nằm đạn lên trời cả. Tôi hỏi Thoại — *Vùng này sao này, dữ hôn ?* Nó trợn tròn mắt — *Cần thận nghe mày, không « đụng » thì thôi nếu « đụng » thì có chuyện lớn đó.* — *Này Thoại, tao thấy lần này nó lằng xọc sao đâu, nơi này coi êm quá mà !* Mình có phải chỉ huy đâu mà biết được. Từ lâu, tao vẫn nghĩ thân lính, thiên lôi chỉ đâu đánh đó, có Ruby cho một điều coi. Tôi móc túi lấy bao thuốc rút một điếu đưa cho Thoại.

Tôi nhìn đoàn quân đi như trẻ con chơi rờng rần. Tiếng giày lội sinh tạo nên âm thanh lép lép liên tục. Đường chân trời giăng ngang buồn nản. Thoại cho tôi biết, nếu cứ đi thẳng sẽ tiến ra cửa Hậu Giang. Đồi lính Biệt-Động khổ thì khổ nhất nhưng vô cùng linh động vì không bao giờ phải ở lâu một chỗ. Mấy bữa trước chúng tôi còn dầm nát cỏ Trường Sơn, mà hôm nay đã lội sinh vùng Đồng Tháp. Những bất ngờ luôn luôn chờ đợi ở mỗi hoàn cảnh chiến trường. Chiếc máy bay quan sát lượn lập lờ ở phía xa trông giống một con diều nhỏ. Nhìn thấy nó tôi đoán biết địa điểm hành quân Hai ống chân tôi đôi lúc dích cứng xuống bần, tôi phải khom người nắm lấy gốc bần

lấy đà rút lên. Tuy đã trải qua nhiều trường hợp cam go nhưng mỗi trường hợp đều tạo cho tôi một ấn tượng khác nhau. Ở hoàn cảnh này tôi có cảm tưởng như đang dấn lên cuộc đời với bùn lầy có đó. Tôi nghĩ đến má tôi, đến dương tôi, đến những đứa em cùng mẹ khác cha, đến ba tôi với chiếc ảnh kẹp chặt trong ngăn ví ở túi quần sau. Tôi cứ nghĩ miên man từ sự việc nọ sang sự việc kia với ghen ngào cảm tiếng. Tình yêu đã chết trong tôi không một lần trở lại. Trong những ngày dưỡng quân ở hậu cứ tôi đi mua ái tình ở ngoại ô thành phố để chống trả sự thôi thúc của thể xác. Tình yêu và tuổi học trò với vóc dáng Nhận đã hoàn toàn mờ xóa trong tiềm-thức qua súng đạn, sống chết và bóng dáng lập lòe thảng thốt của ba tôi nằm vùi dập ở một điểm nào đó.

Đoàn quân đã ra khỏi ruộng bần đứng dàn hàng ngang trên bờ cỏ. Tôi trông chân người nào cũng như đi giày ống. Một vài người cúi xuống cời giày đập mạnh xuống mặt cỏ cho rã bùn. Vị-Đại-Đội-trưởng đang liên lạc với phi cơ quan sát. Chiếc L 19 đôi lúc lượn sát đầu chúng tôi. Người phi công thò đầu khỏi phòng lái nhìn xuống. Chúng tôi được lệnh tiến gấp về phía phải, nơi có những tàng cây tròn như những chiếc dù lớn theo đội hình tác chiến. Trung-đội của tôi phải đi vòng để bảo

vệ cạnh sườn cho các Trung-đội khác tiến đến mục tiêu. Chúng tôi đi tạt ngang vào một ruộng khoai. Màu đất xám ngoét phủ màu xanh chết của lá khoai cằn cỗi. Thoại đi sát bên, tôi hỏi— Gần đến biên chưa ?

— Biên đang trước mặt đó không thấy sao ? Tôi ngược nhìn mãi mới nhận thấy một làn xanh mờ mờ, nhỏ như chiếc thước kẻ học trò chạy dài theo chân trời.

Chúng tôi đến gần mục tiêu. Những viên đạn lên nòng. Thoại đã hạ cây M.16 từ vai xuống cầm chắc trong đôi tay gân guốc. Cánh quân có nhiệm vụ chiếm mục tiêu chợt khuất tầm mắt. Tôi đã nhìn rõ hàng cây trước mặt. Một cánh buồm vàng khè trôi dạt dờ như ảo ảnh phía xa. Hình ảnh ba tôi và quê hương đột nhiên bùng cháy n ảnh lệ trong đầu. Biết đâu trong trận này... Vừa nghĩ tới đây, một tiếng nổ lớn âm vang tiếp theo là tiếng đạn của các loại súng. Một cột khói bốc cao. Chiếc L 19 đảo một vòng rồi đang xa. Chúng tôi được lệnh tiến thật nhanh để làm nút chặn. Khi chúng tôi bố trí xong, 2 chiếc khu trục cũng vừa nhào tới. Một vài đám khói đỏ vờn lên. Hai khối thép dữ dội theo nhau lao xuống rất nhanh. Tôi thấy bốn trai bom địa si lạng vạng rơi vào những cột khói, tiếng nổ

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

làm rung mặt đất. Trời đã ngã dần về chiều. Bỗng Thoại quạt một băng về phía trước mặt miệng hét to — Địch nó chạy qua đó ! Máy chục khẩu súng đều ầm cò một lượt. Hơi đạn vút đi chiu chiu tạo thành một lưới lửa. Vừa bắn chúng tôi vừa chạy tới. Cả Trung đội bị khựng lại vì sức kháng cự của địch. Tiếng nổ của đạn địch nghe chát chúa khó chịu. Những quả B 40 gửi về phía chúng tôi nhức nhối. Mặt trận có lẽ rộng đến hai cây. Theo kinh nghiệm chiến trường nếu địch đánh chặn dữ dội là đề rút, nếu không, địch sẽ lừa vào giữa vòng chiến mới đánh. Cấp chỉ huy biết

như vậy, nên chúng tôi được lệnh đánh thật nhanh, thật gọn. Những trái bích kích pháo 60 ly nổ liên tiếp về phía trước. Họng súng địch đột nhiên im bất. Chúng tôi chạy lướt tới, lướt tới bỏ mặc một vài người ngã xuống phía sau. Những tràng đại liên của khu trục Quạt xuống ầm ầm. Chúng tôi đã đứng trước những xác chết. Trời bắt đầu đổ tối. Vì không có Lạc nên chỉ có mình tôi cúi xuống mỗi cái xác, mỗi cái xác thịt da còn ấm.

Tôi thấy vọng ngửa mặt nhìn trời và tự hỏi biết đến bao giờ, bao giờ ?....

TẠ TỶ

TIN BUỒN

Được tin : L.M. Pacifique NGUYỄN-BÌNH-AN đã từ trần ngày 6-7-1970 tại Thủ Đức,

Xin trân trọng chia buồn cùng nhà dòng Phanxico và tang quyến.
Xin hết lòng cầu nguyện linh hồn Cha sớm về cõi Hạnh Phúc Đời Đời.

Ông Bà NGUYỄN-VĂN-KHÁNH, Ông Bà TRẦN-VĂN-KHANG,
NGHIÊM-NHẬT-HIỂN, Ông Bà LÊ-NGỘ-CHÂU.

ĐƠN ĐỌC

NGHỀ NUÔI CÚT

của VŨ-HẠNH

Quyển sách đầy đủ về một ngành chăn-nuôi mới mẻ, kết-hợp kinh nghiệm của tác-giả và nhiều nhà chăn nuôi có uy tín.

Sách mới sẽ phát hành giữa tháng 8-70

Sử ký của Tư Mã Thiên

GIẢN CHI và NGUYỄN HIẾN LÊ giới thiệu, trích
dịch và chú thích

Tư Mã Thiên là nhà văn lớn nhất, đau khổ nhất, có tâm trạng u uất nhất của Trung Hoa chịu sống nhục để hoàn thành bộ sử ký; cảnh già thật cô độc, không ai biết chết năm nào và ở đâu.

Sử học, tư tưởng, chí hướng cao cả và tâm sự bị thảm của ông gửi cả vào bộ đó mà về phương diện nghệ thuật, Lỗ Tấn khen là bộ *Ly Tao không vắn*, về phương diện sử học, tất cả các học giả Đông, Tây đều nhận là *một công trình vĩ đại* làm vẻ vang cho nhân loại, hơn hẳn các bộ sử của Hérodote, Tacite. Ảnh hưởng của nó tới văn hóa Trung Hoa chỉ đứng sau các bộ Kinh của Khổng Tử. Lão Tử và Trang Tử.

Chavannes ở Pháp, Watson ở Mỹ đã dịch nhưng chưa trọn bộ vì tác phẩm lớn quá : 130 thiên, 526.500 chữ.

Ở nước ta, trước thế chiến Nhượng Tống mới trích dịch được ít đoạn ngắn, nhưng giới thiệu sơ sài không chú thích, mà lại không dịch trọn một thiên nào nên độc giả không thấy được cái bi hùng cuộn cuộn trong bộ sử mệnh mông đó.

Lần này hai ông Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê trích dịch nhiều hơn, giới thiệu và chú thích kỹ cũng như đã giới thiệu *Chiến Quốc Sách*. Nhà xuất bản Lá Bối sẽ in thành một cuốn dày. (Giấy mắc, công in tăng, nên số in phải hạn chế, bạn nên đặt trước ở hiệu sách quen ; chắc chắn không thê tái bản). Một cố gắng tốt bụng của tác giả và nhà xuất bản,

Nhà xuất bản Lá Bối
120 Nguyễn Lâm Cholon

CĂN NHÀ THƠM

Sau khi lượn trên cao một vòng, chiếc trực thăng từ từ hạ xuống. Đại bắt chặt dây an toàn, nghiêng mình ra ngoài. Cái thị trấn nhỏ nằm giữa U-Minh này có hình dáng trông thật thảm thương. Chỉ vón ven có mấy dãy nhà tôn nằm trong một vòng rào kẽm gai kiên cố, khá rộng. Bên trong vòng rào rác có những ụ súng máy và hố cá nhân, bên ngoài là cỏ dại, chông, bãi mìn, và ngoài xa là rừng cây vàng trụi lá. Vòng rào kẽm gai có hai kẻ hở ăn thông ra ngoài: chỗ ra bờ sông có cái cầu tàu làm bằng gỗ đã lâu năm và chỗ cây cầu bằng bê-tông hẹp bắc qua cái lạch nhỏ dẫn đến cơ sở của chính quyền địa phương. Đã nhiều lần Đài nhìn thị trấn này từ trên cao, và lần nào cũng vậy một cảm giác xốn xang chạy khắp cơ thể của chàng. « Dân chúng sống trong vòng rào này ất cả nam, nữ, già, trẻ đều là những chiến sĩ gan dạ, họ đang chiến đấu dẫu cảm đe bảo vệ chính mạng sống của họ và nơi họ đang ở. Họ đã từ bỏ mọi thú vui của đời sống tân tiến để bám víu nơi chôn nhau cắt rốn của họ, dù nơi này không còn đủ điều kiện để họ có một cuộc sống bình thường ». Quả vậy, dân chúng ở đây như sống ở một thế giới riêng biệt, ngoài những việc mưu sinh thường ngày và những tiếng đạn rền vô chừng, dường như họ không còn gì nữa cả. Chiều bóng và báo chí

là những gì thuộc thế giới mỹ miều bên ngoài. Các địa danh như Cà mau, Căn thơ gây cho họ những ấn tượng hết sức an toàn và vui nhộn. Cả khi ngồi trên xuống vớt tôm cá chết đại nổi lều bều hai bên bờ sông sau những trận mưa lớn, họ cũng hăm hở nói cho nhau nghe về tình lý Cà-mau với những lời lẽ nồng nàn... Cuộc sống buồn bã, hiem nghèo ở đây làm họ thích nói và hướng về một chỗ nào khác vui nhộn, an toàn hơn, nhưng bỏ ở đây để đi nơi khác là điều họ chưa từng nghĩ đến.

Mỗi khi có tàu tiếp tế thực phẩm cập bến hoặc trực thăng đáp, dân chúng trong vòng rào đổ xô ra xem: đó là thứ giải trí công cộng duy nhất của họ. Họ muốn xem hình thù của hai loại máy chạy dưới nước và bay trên không đó và nhất là muốn xem mặt những người « đến từ Cà-Mau » để tưởng tượng những cuộc vui ngoài đó. Trẻ con được dịp chạy nhảy, hò hét...

Vì vậy, khi chiếc trực thăng còn ở trên cao, đã có nhiều người bu đông trước dây nhà đối diện với bãi đáp. Họ nhìn lên, chờ đợi. Dáng vẻ chờ đợi đã trở thành thói quen của họ từ lâu rồi. Và khi chiếc trực thăng đáp nhẹ nhàng trên bãi cỏ, hàng khách lần lượt bước xuống, cũng là lúc họ chỉ chỗ, trò chuyện nhốn nháo lên. Câu chuyện giữa họ trong lúc đó ít ai nghe được vì tiếng động cơ nổ ầm ầm.

Nhưng họ thích nói chuyện lúc đó. Nhân cơ hội náo nhiệt hiếm có này, mỗi người nói lên vài tiếng thật to, nói gì cũng được, nói để vui bớt sự nặng nề, căng thẳng trong cuộc sống hàng ngày của họ.

Ra khỏi bãi đáp Đài bước lên chiếc cầu bê-tông hẹp dẫn vào vòng rào. Lúc đó chiếc trực thăng đang bay lên và mang theo cái náo nhiệt quý báu của thị trấn nhỏ nhoi này. Đám đông lặng lẽ quay về nhà. Đài nhìn thẳng theo con đường trước mặt xuyên ngang qua trung tâm thị trấn. Ở đằng kia, trong sân trường học, tại cột cờ, như những lần trước "dì" Sáu đứng đón chàng ở đó, hình ảnh của dì như một vệt trắng bất động trong một vùng cỏ xanh. Con đường Đài đang đi dường như dài ra xuyên qua những con đường mang tên rất kêu như Gia Long, Lê Lợi, Hùng Vương... Nó còn phải xuyên qua "công trường" Thống Nhất mới dẫn đến trường học. Đó là một ngôi trường với mái tôn lũng nát nhiều chỗ, cửa và vách không còn nguyên vẹn. Dì Sáu đứng đó, ngay cột cờ, dì đang ngược mặt nhìn cái gì trên bầu trời nhiều mây. Đài thích ngắm lại gương mặt dì, thích nghe dì nói: "Cậu" Đài mới về". Theo thường lệ, Đài sẽ tặng dì một "món quà Cà-Mau" tại cột cờ đó, dì sẽ reo lên vui vẻ và tung tăng chạy về nhà như một cô bé con. Cách đây nửa năm, lần đầu tiên Đài tặng dì một quyển tiểu thuyết do chính Đài viết ra, quyển "Căn Nhà Thơm". Dì Sáu rất mừng và say mê đọc đến đôi thiên hạ tặng dì cái biệt danh là Sáu-Căn-Nhà-Thơm.

Đài gọi dì Sáu bằng dì là gọi theo thằng bé ở chung với dì, thằng Lạc. Khoảng tám tháng trước đây, đơn vị của

Đài lưu động đến vùng này, tạm trú đóng tại trường học một số nhà của dân chúng kề cận đó. Đài ở tạm căn nhà sát vách trường học, một địa điểm thuận tiện cho việc kiểm soát, chỉ huy. Đó là căn nhà của dì Sáu. Lúc mới vào nhà, Đài chỉ gặp thằng Lạc, một thằng bé khoảng mười tuổi. Đài hỏi nó: "Chủ nhà đâu rồi em?" "Dì Sáu tôi đi trong ấp chiến lược chưa về." Đài chỉ tấm ảnh phóng đại của một người đàn bà lớn tuổi treo trên vách: "Phải dì Sáu của em đây không?" "Dạ không, đây là bà ngoại của tôi". Khi dì Sáu về, Đài rất ngạc nhiên thấy đó là một cô gái mới trên hai mươi tuổi. Tuy vậy, Đài cũng lễ phép nói: "Xin "dì" cho tôi ở tạm một thời gian". Sau một lúc mở to mắt quan sát, dì Sáu nói: "Được, "cậu" cứ tự nhiên". Buổi tối hôm đó, sau khi đã cho bố trí phòng thủ, Đài trở vô nhà; dì Sáu đang tần mẩn viết những gì vào một quyển sổ dưới ánh đèn dầu lơ lơ ở cái bàn kê sát vách đối diện với cái ghế bố xếp của Đài mới được trải ra. Thấy Đài đi vào, dì quay ra sau gọi thằng Lạc. Thằng bé bung ra một đĩa khóm đặt lên bàn. Dì Sáu nhìn Đài: "Mời cậu". Dì buông viết, cầm một miếng đưa lên miệng. Đài cũng lấy một miếng rồi bước lại ngồi trên chiếc ghế bố. "Ấp chiến lược ở đâu, dì Sáu?" "Ở cách đây hơn cây số, trên bờ sông". Dì đến đó bằng gì? "bằng xuồng. Ở đây hầu hết người nào cũng có xuồng. Cậu không thấy xuồng được cột có dọc ở bến tàu đó sao?" "Họ sắm xuồng làm gì nhiều vậy? Để chạy gặc chặc?" Dì Sáu cười để lộ hai hàm răng trắng và đều: "Xuồng ở đây ví như xe đạp, xe gắn máy ở các đô thị lớn; thiếu nó, mọi công ăn việc làm

sẽ bị trể nãi hoặc gián đoạn. Họ sắm xuồng để có tôm cá, rau cải trái cây chớ không phải để chạy giặc. Nếu không có chiếc xuồng tôi và thằng Lạc sẽ chết đói». «Dì dùng xuồng để làm gì?» «Để chở dế». Thấy Đai ngỡ ngác, dì chỉ cái lồng bọc bằng lưới ruồi ở một góc nhà: «Để lửa, để than trong cái lồng đó». Sau khi bước lại nhìn hàng trăm con dế đang tung tăng nhảy trong cái lồng bọc lưới ruồi, Đai trở lại ghế bố: «Để làm gì vậy, dì Sáu?» Dì Sáu lại cười: «Để bán. Cái nghề do ba tôi truyền lại đó». «Ba dì làm nghề bán dế?» Phải. Hồi trước đường xe Cái-Nước — Cà-Mau còn lưu thông được, ba tôi hàng tuần phải lên tận Châu-Đốc là xứ có nhiều dế để mua về một lần cả chục ngàn con, bán lại cho vô số trẻ con ở rải rác khắp vùng Bạc-Liêu, Cà-Mau. Cái nghề bán dế của ba tôi rất phát đạt. Do đó tôi mới được đi học và biết cầm viết như cậu thấy đây. Nhưng theo tôi biết, ba tôi không phải vì ham lời mà đeo đuổi theo nghề bán dế, ông mắc một chứng bệnh rất lạ: bệnh yêu trẻ con. Với nghề bán dế, ông được sống bên cạnh trẻ con mãi mãi, đem lại công ăn việc làm và nguồn vui

cho-chúng. Hàng trăm trẻ con ở Châu-Đốc vừa bắt dế vừa vui đùa trên thửa ruộng, trong khi đó hàng ngàn trẻ con ở khắp vùng Bạc-Liêu, Cà-Mau chơi giỡn với những con dế xinh xinh, không lang thang, la cà đến những chỗ có thể nhiễm hại bộ óc non nớt của chúng... Nhưng từ khi đường xe Cái-Nước bị cắt đứt, phạm vi buôn bán của ba tôi bị thu hẹp lại từ ấp chiến lược ra đây. Tôi nhớ hồi trước ở đây không có dế; những con dế mà trẻ con bắt trong ấp chiến lược bây giờ có lẽ là cháu chắt của những con dế ba tôi đem về từ Châu-Đốc». «Ba dì hiện giờ ở đâu.» «Ở trong khu. Ông bị bắt gần một năm rồi.» Giọng nói của dì trở nên ngậm ngùi: «Ông bị bắt cùng ngày với ba má của thằng Lạc chết, tức con gái và rể của ông. Đáng lý ông không bị bắt nhưng vì quá lo cho tôi mới ra nông nỗi như vậy... Tôi không bao giờ quên được cái đêm kinh hoàng ấy, súng máy và bích kích pháo dội nhiên nổ chát chúa, liên hồi, tiếng chân người chạy dõn dập, rồi khi tiếng súng tạm yên, có tiếng đập cửa... Ba tôi lật đật kéo tôi dấu trên máng xối ở nhà sau. Ông nói: «Con gái không nên để cho chúng bắt, khiếp lắm!»

MỪNG

21-7 và chúc BA HUÂN
trọn đường hạnh-phúc
HUNG

S. G.

Khi tôi nằm gọn trên máng xối, an toàn, ba tôi mới tìm cách thoát thân, nhưng trễ mất rồi, cửa trước đã bung ra và người đàn ông mang súng xông vào. Ba tôi bị họ dẫn đi mất dạng. Những tên lính tương tự tiếp tục lảng vảng cho đến hai ngày sau, và do đó tôi vẫn phải nằm trên máng xối. Tôi không thấy đói nhưng khát nước kinh khủng nắng đốt cháy cả da mặt. Cho đến khi tôi cảm thấy không thể tiếp tục nằm trên máng xối được nữa thì chợt có tiếng máy bay nổ rền trời, và ngay phía trên tôi, thật cao, những chiếc dù căng gió từ từ rơi xuống... Súng lại bắt đầu nổ. Tôi tuột xuống đất một cách khó khăn. Cơ thể bất động suốt hai ngày liền làm bước đi của tôi loạng choạng. Tuy vậy, tôi cũng kiếm được cái gì để ăn uống cho đỡ dạ. Vài giờ sau tôi bước ra đứng trước quan sát một cảnh tượng hãi hùng hiện ra trước mắt tôi. Tôi choáng váng chết điếng. Tôi khóc ngon lành! Cậu Đai ạ, tôi không đủ lời lẽ để diễn tả cảnh tượng khủng khiếp đó. Có rất nhiều nhà cửa đổ vỡ và người chết, trong số đó ba má của thằng Lạc..." Di Sáu ngừng kể, đôi mắt di rưng rưng lệ. Đai hỏi: "Chúng bắt ba đi về tội gì?" "Nào ai biết, Theo tôi, ba tôi chỉ có một cái tội duy nhất là yêu thương trẻ con!..."

Đai đi nhanh qua "công trường" Thống Nhứt và tiến về cột cờ trong sân trường học. Dường như Di Sáu chưa thấy Đai đến gần, di vẫn ngược nhìn lên không, gương mặt di trắng nhợt. Di mặc áo bà ba trắng, thanh nhã, một tay cầm cái nón lá, dường như di sửa soạn đi đâu đó, và tay kia quyền tiểu thuyết "Căn Nhà Thơm",

Đai đến trước mặt di gọi khẽ:

— Di Sáu!

Di nhìn Đai với đôi mắt thật lạ lùng. Đai lo lắng hỏi:

— Di làm sao vậy? Sửa soạn đi đâu đó?

— Tôi chờ cậu về đề mời cậu vô ấp chiến lược bắt đẽ!...? Cậu dám đi? Cậu có thể cho vài người theo hộ vệ. Tôi đã chuẩn bị sẵn hai chiếc xuồng. Một đề riêng tôi và cậu vì tôi có chuyện muốn nói với cậu, và một dành cho những người cậu muốn cho theo.

— Đi ngay bây giờ?

— Nếu cậu thấy không có gì trở ngại

Một lát sau, chiếc xuồng chờ hai người từ từ lướt ra giữa giòng sông, nhấp nhô theo những đợt sóng ủa tới liên tục. Hôm nay trời âm u và có gió mạnh. Mấy bụi dừa nước bên kia sông là ngọn theo chiều gió, trên đó mấy con quạ đậu thỉnh thoảng phải vỗ cánh để giữ thăng bằng. Di Sáu nhờ Đai cầm hộ quyền tiểu thuyết, bơi mạnh mấy cái rồi buông lời mái dầm, gương mặt di trở nên thật buồn:

— Ba tôi bị giết rồi cậu Đai à!

— Sao di biết được?

— Chúng nói.

— Bằng cách nào?

— Chúng nói với trẻ con trong vùng chúng kiểm soát, bọn này nói lại với đám trẻ bắt đẽ ở ấp chiến lược... Cậu hiểu rồi chứ?

Di Sáu bật khóc. Chiếc xuồng xuôi gió vẫn lướt tới, nhấp nhô giữa dòng. Đai muốn an ủi di nhưng lời nói bị nghẹn ở cổ. Di Sáu nói trong nước mắt:

— Ba tôi chết thay cậu đó!

— Sao có chuyện lạ lùng vậy ?

— Lúc cậu mới đến tạm trú tại nhà tôi, chúng sai trẻ con mang thư đến bảo rằng nếu tôi thuốc cậu chết ba tôi sẽ được ra về bình yên. Bằng ngược lại, ông sẽ bị giết. Như cậu biết, mẹ tôi chết trước ngày ba tôi bị bắt không lâu cũng vì bom đạn, bao nhiêu tình thương của tôi đều trút vào người cha khả kính này. Vì vậy khi nhận thư, tôi không dứt khoát từ chối và hẹn với chúng trong thời hạn vài tháng. Lúc đó tôi nghĩ rằng thuốc cậu chết để ba tôi được trở về là điều nên làm. Nhưng tôi là một cô gái có nhiều tình cảm và thừa hưởng tính nết lương hậu di truyền từ ba tôi, cho nên tôi ái ngại, chần chừ. Kể vài tháng sau, bất ngờ cậu tặng tôi quyển sách này...

Di Sáu chỉ quyển « Căn Nhà Thơm » Đài đang cầm trên tay. Di lấy khăn lau nước mắt rồi bơi mấy cái, nói tiếp :

— Tuy cậu không nói rõ tác giả Phong-Lan-Đài là ai, nhưng ngay từ đầu tôi đã đoán chừng là chính cậu. Sau đó, vô tình đọc được quyển nhật ký của cậu bỏ quên trên ghế bố trong ngày cậu đi vắng, tôi mới biết điều ước đoán của mình là đúng. Như cậu đã thấy, tôi say mê đọc « Căn Nhà Thơm » của cậu. Đây không phải là một quyển tiểu thuyết ái tình lãng mạn, bay bướm

Nhất định như vậy. Cậu thừa biết điều đó. Tôi say mê nó chính vì nội dung của nó giống hệt tâm hồn của ba tôi : lòng yêu thương trẻ con vô giới hạn. Do đó sự chần chừ thuốc cậu trước đây lại trở thành một quyết định trái ngược. Tôi không thể giết cậu được. Tôi không thể giết một người có tâm hồn giống như ba tôi, dù là giết người đó để ba tôi được sống. Tôi chắc chắn ba tôi cũng đồng ý như vậy. Ông sẵn sàng chịu chết để một người nào đó còn trẻ có tính tình cao đẹp như ông tiếp tục sống... Ông là một người lán dễ thất thời, ông chỉ có thể đem nguồn vui đến cho trẻ con trong một thời gian hữu hạn, rồi thôi. Ông cần được những người khác tiếp nối. Và cậu, tác giả « Căn Nhà Thơm », rất thích ứng cho sự tiếp nối đó...

Chiếc xuồng bị sóng đánh xoay ngang, di Sáu vội quơ dầm kèm thẳng lại. Chiếc nón lá bị gió thốc lật ngược về phía trước, bay đi. Đài nhanh tay chụp lại được, rồi nhìn thẳng vào mặt di Sáu. Mái tóc của di bị gió thổi bay loạn, nhưng gương mặt trở nên xinh đẹp dị thường. Đài ngạc nhiên trong tám tháng nay, chàng sống gần một cô gái tên Trâm (tên của di Sáu) mà cho đến bây giờ chàng mới thấy cô Trâm có những nét đẹp hiếm có.

PHƯƠNG-ĐÌNH

ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỔ PHỐI
BỒI BỔ CƠ THỂ
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HOA-LAN

T i ế c x ư a

Thơ HẰNG-VŨ

Quê xa ngọt miệng lửa hồng
Mẹ đêm đêm tỉnh giấc nồng tiếc xưa
Bờ tre dom đón sao thưa
Sương se giọt ngọc nặng đưa tiếng chày
Trăng mờ đồng vắng đêm say
Nghìn năm nối tiếp vòng tay, chợt là
Mẹ chùng nhịp vông sang khuya
Con sâu nét chữ mộ bia trên hồn

Cảm đề

« THƠ ĐIÊN »

Giáng Hương Tâm Í trời Quang đăng
Mộng Thúy Kiều xanh mây Giác Duyên
Vẳng giọng Hoài Lang môi Hiệp nữ
Anh hoa về thăm giữa « Thơ điên »

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

3-7-70

* Thơ tuyển của : Thiện-Quang, Thích-Áo-Giác, Hồng-Đức Tâm, Lê-Hoàng-Í-húy, Phan-Trầm-Từ-Hương, Bùi-Giáng Nguyễn-Ngu-Í, do các bác sĩ tại dưỡng trí viện bác sĩ Nguyễn-Văn-Hoài : Nguyễn-Tuấn-Anh, Tô-Dương-Hiệp, Trịnh Văn Lang thực hiện.

h ử u n g ạ n

Thơ PHƯƠNG-HOA-SU

em ở bên ni có thương về bên nớ
một giòng sông đau xót chầy chân cầu
16 năm lớn lên miền hữu ngạn
bên kia bờ sao vẫn nhớ thương nhau
em đứng bên này sông
quê ngoại ngày xưa chắc buồn ghê lắm
nước vẫn xuôi theo giòng
về khơi mang đắm niềm bất hạnh
em đứng bên chân cầu
vẫn một miền sông sâu
đọt lúa hàng cau ưu phiền đã dượi
giòng nước buồn nên vội vã trôi mau
em ở bên ni đã với giòng nước mắt
chiến tranh buồn trên từng ngón tay khô
quê hương đó đắm câu hò tức tưởi
khói hương bay trên đồng cỏ bơ phờ
em lớn lên từng nhịp cầu chia cắt
nước khoan dung thăm lặng chầy đôi bờ
nghe thấm đau từng đường gân thớ thịt
đồng lúa gầy dăm dóm nắng hoang sơ
đắm nỗi buồn cũng nương theo tuổi mạ
gió hắt hiu trên giải mộ hoa vàng
đắm ước vọng cũng tràn trên khóe mắt
nắng mặt trời trên từng sáng quê hương

Thời sự thế-giới

T U - T R

Sau hai tháng can thiệp võ trang tại Kampuchea quân đội Hoa-kỳ, đúng theo như lời cam kết của Tổng-thống Nixon trước quốc dân Mỹ, đã rút khỏi Kampuchea vào ngày 30-6 vừa qua. Hiện thời tại Hoa-kỳ người ta đang tổng kết tình-hình để biết rõ là cuộc can thiệp vừa qua có đáp ứng mục-tiêu mà ông Nixon đã vạch ra hay không.

Dù sao đi nữa thì ông Nixon cũng vẫn phải đối phó với một tình-thế mới của Á-Châu. Thật vậy, song song với sự phát-triển kinh-tế của Nhật, mối bang-giao Mỹ-Nhật đã kém phần tốt đẹp, nhất là trên lãnh vực kinh-tế.

Tại Trung-Đông ông Nixon cũng không kém lúng túng. Nếu bất động, Nga sẽ thừa cơ càng can thiệp trực tiếp vào vùng này. Nhưng mỗi sáng-kiến hòa-bình nào của Mỹ đưa ra đều tức khắc gặp sự chống đối mạnh mẽ của cả Do-Thái lẫn Ả-Rập.

Tổng kết hoạt động Việt - Mỹ trên đất Kampuchea

Sau 60 ngày hoạt động mạnh trên đất Kampuchea, và sau khi rút quân khỏi đất này, tại Hoa-kỳ người ta đang tự hỏi cuộc hành quân trên đã mang lại những lợi điểm gì cho ông Nixon. Nhìn vào những thành quả đã thu hoạch được, người ta thấy rõ ràng con số tổn thất của Cộng-sản rất nặng nề so với tổn thất của đồng-minh. Về phía Hoa-kỳ 339 lính Mỹ đã thiệt mạng, 1501 người bị thương, 43 phi cơ bị hạ và chi phí là 2 tỷ Mỹ-kim. Về phía Cộng-sản 11.235 Cộng quân đã bị chết, 2156 người bị bắt làm tù binh, 7250 tấn thực phẩm và 55 tấn Âu-dược bị tịch thu. Ngoài ra ta còn lấy được của địch 25 000 vũ khí đủ loại. Thắng lợi đó tuy không ai chối cãi được, nhưng vẫn chưa đủ để làm hài lòng dân chúng Mỹ.

Về phía Tổng-thống Nixon, ông đã tỏ ra hết sức lạc quan và cho rằng tình-hình chiến-sự đã khả quan đến nỗi không những ông có thể rút thêm quân khỏi Việt-Nam mà còn cử một đại-diện mới, là ông David K.E. Bruce, sang thương thuyết tại Hòa-hội Ba-Lê để thay thế ông Cabot Lodge từ chức từ nhiều tháng nay nữa. Tại Quốc-hội, ông Nixon đã dần dần chế-ngự được phong trào chống đối ông. Tu chính án do 2 thượng nghị sĩ Church và Cooper đưa ra để cấm hành-pháp can thiệp ở Kampuchea đã bị các Thượng nghị-sĩ ủng hộ ông Nixon ngăn chặn, khiến sau 34 ngày bàn cãi và sau 388 bài diễn-văn, tu chính án này khi được chấp thuận đã hết cả hiệu-lực. Vì khi tu chính án Church-Cooper được Thượng-viện chấp thuận (58 thuận, 38 chống), thì Hoa-kỳ đã rút quân khỏi Kampuchea rồi. Sau này ngày 9-7, Hạ-viện Hoa-kỳ lại bác bỏ tu chính án trên với 237 phiếu bác và 132 phiếu thuận.

Về phương diện quân-sự thì tình-hình có vẻ rõ rệt hơn. Nếu giờ đây Cộng quân xâm nhập gần như công khai vào lãnh thổ Kampuchea thì chính-phủ nước này, sau 2 tháng chiến đấu bên cạnh quân đội Việt-Mỹ, đã được củng-cố để có thể đương đầu với áp lực của Cộng quân. Hàng rào chống Cộng ở Đông-Dương do đó cũng trở nên vững chắc hơn và đây là một yếu-tố mới của tình hình chính trị Á-Châu.

Bang giao Mỹ-Nhật khủng hoảng

Cách đây 10 năm khi hai chính-phủ Mỹ-Nhật tích chuyện ký lại hiệp-ước phòng thủ chung giữa hai nước thì tá phái Nhật đã phản đối mạnh mẽ và biểu tình rầm rộ đến nỗi cố Tổng-thống Eisenhower phải hủy bỏ cuộc viếng thăm Nhật. Bây giờ hai chính-phủ Hoa-kỳ và Nhật-bản lại phải đối phó với cùng một vấn-đề cũ đó, vì cứ 10 năm Hiệp-ước phòng-thủ chung lại phải được ký lại, mới không bị hủy bỏ. Lần này, trước những cuộc biểu tình của 750.000 người tại các tỉnh Tokyo, Osaka và Fukoka, chính-phủ Nhật do Thủ-tướng Sato lãnh đạo đã công bố ký lại hiệp-ước trong khi cảnh-sát Nhật, với kỹ-thuật chống biểu tình thành thạo, đã đàn áp mạnh mẽ các phần tử chống đối.

Hiệp-ước liên-phòng Mỹ-Nhật đã khiến cho Nhật có thể dồn mọi nguồn tài-chánh và nhân-lực phát-triển kinh tế. Nhưng vì một sự khôi-hài của lịch sử, người ta thấy rằng Nhật càng phát triển kinh-tế thì bang giao với Hoa-kỳ càng trở nên khó khăn. Hàng Nhật, nhất là các sản phẩm bông vải, cạnh tranh mạnh mẽ với sản-phẩm Mỹ trên chính thị-trường Mỹ. Mỹ muốn giới hạn nhập cảng hàng vải Nhật và vấn-đề này đã là một đề-tài thương-thuyết sôi nổi giữa hai bên. Tổng-trưởng Ngoại-giao Nhật đã Aichi sang Hoa-thịnh-đốn và Ngoại-trưởng Mỹ Rogers

đã qua Đông-kinh mà vấn đề vẫn chưa giải-quyết được ổn thỏa.

Hoa-kỳ lúng túng trước vấn-đề Trung-Đông

Vì vương chiến tranh Việt-Nam, trong nhiều năm qua Hoa-kỳ không thể hoạt động mạnh tại Trung-Đông được. Vì vậy mà Nga đã lợi dụng "khoảng trống" này để can thiệp mỗi ngày một nhiều tại Ai-Cập, Syrie... Hơn nữa với những biến chuyển gần đây tại Jordanie, phe ty nạn gốc Palestine thân Cộng đã dần dần nắm được quyền kiểm soát, không những tại Jordanie, mà còn tại các nước Ả-rập ôn hòa khác. Ngoài ra, với sự tăng cường viện trợ của Nga, các quốc gia Ả-rập đã mạnh hơn trước, khiến cán cân lực lượng đã ngả dần về phía họ.

Trước những sự-kiện này Hoa-kỳ phải tái lập thăng bằng cũ bằng cách viện trợ cho Do-Thái. Nhưng làm như vậy sẽ mất lòng các quốc gia Ả-rập, chủ các mỏ dầu hỏa. Arabie Séoudite đã đe dọa sẽ tịch thu hết quyền lợi dầu hỏa của Mỹ nếu Mỹ bán vũ khí cho Do-Thái.

Hoa-kỳ đành phải đưa ra một kế-hoạch hòa-bình đề-nghị Do-Thái trả lại đất đai chiếm được năm 1967 cho Ả-rập và các nước Ả-rập thừa nhận Do-Thái. Trước đề-nghị này, Do-Thái đã cực lực phản kháng việc nâng kẻ chiến bại lên hàng chiến thắng. Và Ả-rập cũng chống đối không kém vì sẽ thừa nhận Do-Thái sẽ là một mối lửa châm vào nỗi thuốc súng của những người ty nạn Palestine. Những người này sẽ lật đổ Nasser, Hussein nếu hai ông này thừa nhận Do-Thái. Trong vấn đề Trung Đông, Hoa-kỳ đã thất bại liên tiếp từ nhiều năm qua. Người ta có cảm tưởng rằng Ngoại-giao Mỹ càng ngày càng thiếu sáng kiến để đưa ra được những đề nghị mà mọi phe đều có thể chấp nhận.

TÙ-TRÌ

SINH HOẠT

THỜI SỰ KHOA HỌC

Sau cái chết

Sau bước chân đầu tiên vinh quang của bác sĩ C. Barnard, giới y học như bị lôi cuốn vào cơn sốt nóng bỏng của các vụ ghép tim. Sự thành công một phần nhờ vào kỹ thuật giải phẫu, một phần nhờ vào các phương pháp hậu giải phẫu để chế ngự phản ứng thải hồi của cơ thể khi có sự xuất hiện của một vật lạ. Nhưng để có thể bắt đầu một cuộc ghép tim hay bất cứ một phần nào khác, phải có kẻ chịu hy sinh cho người đang cần nó. Như ở Saigon, trong thời gian gần đây đã có một trường hợp người mẹ đã hy sinh một trái thận để cứu tính mạng người con trai. Cuộc giải phẫu được thực hiện ở bệnh viện Saigon do bác sĩ Nguyễn Phước Đại, một nhà chuyên môn về khoa tiết-niệu điều khiển. Em bé trai đã chết sau đó ít lâu. Cuộc giải phẫu tuy không thành công nhưng, là lần đầu tiên ở Việt Nam, nó sẽ đem lại những kinh nghiệm quý báu cho các lần sau.

Vì sự cần thiết một kẻ chịu hy sinh như thế cho nên có nhiều trường hợp người ta có cảm tưởng bác sĩ trông cho bệnh nhân mau chết để lấy tim thay cho người khác. Các bác sĩ ở ngành chuyên môn khác đã vội vã họp nhau lại để đưa ra những tiêu chuẩn rõ ràng quy định cái chết, tránh trường hợp ông bác sĩ giải phẫu "nóng" quá, bệnh nhân chưa kịp chết đã bị moi lấy mất tim.

Cuộc giải phẫu nếu có thể phải được thực hiện càng sớm càng tốt, ngay sau khi bệnh nhân vừa mới chết. Nếu để lâu sau một thời gian nào đó, những cơ quan thường không còn được sự hoàn hảo để ghép vào cho một cơ thể khác — đôi khi nó còn bị hư không dùng được nữa. Sự chậm trễ phần lớn là do các thủ tục xin phép gia đình nạn nhân để có thể xử dụng xác chết được theo ý muốn của người y sĩ. Tại bệnh viện Utah ở Hoa-kỳ, người ta tránh sự chậm trễ đó bằng cách xin phép trước chính bệnh nhân. Bệnh nhân sẽ ký giấy chấp thuận biểu một phần hay toàn thể thân xác mình cho người khác. Phần thân thể đó sẽ được lấy đi ngay sau khi họ chết. Tờ "di chúc" này được giao cho người vợ cất giữ trong thời gian chữa bệnh. Và nếu cái chết xảy ra thì người vợ sẽ công bố quyết định của ông chồng. Các bác sĩ giải phẫu có thể khai thác xác chết ngay lúc đó tùy theo nội dung tờ di chúc.

Ung thư và B.U.d.R

Mặc dù nguyên nhân đích xác của căn bệnh ung thư vẫn chưa được xác định các nhà bác học đã nêu lên khá nhiều trường hợp trong đó tác nhân gây bệnh đã được tìm ra. Người ta phải kể đến vai trò càng ngày càng quan trọng của siêu vi trùng. Mới đây, 3 bác sĩ người Pháp và các cộng sự viên của họ đã tìm ra bằng chứng tác nhân gây nên chứng ung thư bạch huyết là một loại siêu vi trùng.

Các tác nhân vật lý và hóa học khác như tia quang tuyến X và một vài loại hóa chất nếu dùng trong một thời gian lâu dài có thể biến chuyển các tế bào bình thường thành các tế bào ung thư. Sự tác dụng của các hóa chất vào tận cơ cấu của mọi tế bào được lợi dụng trong mục đích ngược lại. Tại phòng thí nghiệm của họ ở bệnh viện Nữ Ước, bà bác sĩ Selma Silagi và cộng sự viên Sarah Ann Bruce đã dùng một hóa chất mới, chất BUdR vào mục đích biến đổi các tế bào ung thư thành các tế bào bình thường.

BUdR (5 Bromodeoxy—uridine) vào trong tế bào, tác dụng vào cơ chế di truyền của nó và do đó biến đổi sự tăng trưởng của tế bào. Trong thí nghiệm của Silagi, bà đã chích BUdR vào bướu độc melanoma ở loài chuột. Sự tiến triển của bướu bị thay đổi hẳn: các tế bào thôi không phát triển như trước nữa mà trở lại phát triển theo một đường lối bình thường như mọi tế bào khác của cơ thể. Hơn nữa, khi đem chích các tế bào này vào các con chuột khác nó mất hẳn khả năng gây bệnh. Sự biến đổi cơ cấu tế bào do BUdR gây nên, tuy vậy, không có tính cách vĩnh viễn. Cũng các tế bào đó, nếu đem cấy vào môi trường có các tế bào ung thư đang tăng trưởng thì chúng lại bị biến đổi thành các tế bào ung thư như trước.

Bà Silagi hy vọng là với BUdR người ta có thể kiểm soát được sự tăng trưởng của các chứng bệnh ung thư.

Tiếng động và bệnh tim

Một trong những chứng bệnh càng ngày càng nhiều ở các nước có một

mức sống vật chất cao là các chứng bệnh về tim. Nguyên nhân là trong khâu phần của họ có rất nhiều thịt, chứa một số lượng lớn các chất béo làm cho các huyết quản bị bít kín dần dần, mất bớt tính chất co dãn và lâu ngày đưa đến sự suy yếu của quả tim. Những xứ có khâu phần chứa ít chất thịt như ở Việt Nam, các bệnh về tim ít khi xảy ra ở người lớn. Một giáo sư về môn cơ thể-học người Mỹ, trong thời gian giảng huấn của ông tại Trung-tâm giáo-dục Y-khoa Saigon, đã nhận xét rằng người Việt-nam có những huyết quản rất đẹp. Khi mổ xác của những người lính Mỹ bị chết tại Việt-nam, ông cho biết ở những người lính trong khoảng 20-25 tuổi các động mạch đã bị các lớp chất béo làm dày ra. Ông ngạc nhiên khi thấy xác những bệnh nhân người Việt nam trên tuổi 50 mà các động mạch vẫn còn giữ nguyên tính co dãn của nó: đó là một điều rất hiếm thấy khi ông còn làm việc tại Hoa-Kỳ.

Ngoài thức ăn, người dân thành thị còn có nhiều cơ hội dễ bị bệnh tim hơn những người sống ở nơi thôn dã. Trong một cuộc thảo luận về ảnh hưởng của tiếng động trên sức khỏe của con người các nhà bác học đã đồng ý kết tội chính nó là một trong những thủ phạm gây nên bệnh tim. Người ta bắt đầu cảm thấy sợ hãi sau lời cảnh cáo của bác sĩ Vern O Knudson: "Nếu tiếng động cứ tiếp tục gia tăng với mức độ như trong 30 năm qua thì trong vòng 30 năm tới nó sẽ trở thành một thứ giết người". Trong các kết quả sau nhiều năm khảo cứu về tiếng động, bác sĩ Samuel Rosen, một trong những nhà chuyên môn về nhi khoa tâm tiếng nhất Hoa Kỳ cho biết: "Khi có một

tiếng động thành linh đập vào tai thì nhịp tim đập nhanh hơn, mạch máu co thắt, con người nở lớn, bao tử, thực quản và ruột co giật ». Như vậy tiếng động có một ảnh hưởng toàn diện vào cơ thể, dù chúng ta có muốn nghe hay không.

Rosen đã làm một thí nghiệm quan trọng. Ông theo dõi những bệnh nhân bị bệnh tâm trí ở hai bệnh viện khác nhau—một được nuôi dưỡng với khẩu phần thông thường và một với khẩu phần bị hạn chế chất mỡ. Sau một thời gian, ông nhận thấy nhóm bệnh nhân thứ hai có một tỉ lệ bị bệnh tim rất thấp so với nhóm thứ nhất và đồng thời thính giác cũng tăng lên rất nhiều so với lúc trước. Từ đó ông đưa ra kết luận là tiếng động, thính giác

và bệnh tim có liên quan với nhau.

Trong cuộc thảo luận này, nhiều kết quả của những cuộc thí-nghiệm khác cũng được đem ra trình bày. Bác sĩ W. F. Geber cho biết các bào thai chuột đã bị hư hại khi chuột mẹ bị đặt trong môi trường có tiếng động lớn. Tiếng động còn có thể làm cho con người dễ bị ung thư hơn bằng cách làm tăng sự nhạy cảm với loại siêu vi trùng. Ảnh hưởng của nó trên người mẹ và bào thai đã được bác sĩ Sontag ghi nhận trong bản thống kê của ông.

Có lẽ phương pháp tốt nhất và giản dị nhất để bảo vệ sức khỏe khi đi ra đường là nhét vào 2 lỗ tai 2 cục bông gòn.

TỬ D'ỆP

Đón đọc :

TRÌNH BÀY

TẠP CHÍ VĂN HÓA CHÍNH TRỊ XÃ HỘI

Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

Chủ nhiệm : **THẾ-NGUYỄN**

« *Nỗ lực phát khởi một dòng Văn chương cho Tự do và một nền Văn hóa cho Hòa bình, Độc lập.* »

Số 1 phát hành ngày 1 - 8 - 1970.

THỜI SỰ VĂN-NGHỆ

Hội đồng Văn hóa Giáo dục

Hội đồng Văn hóa Giáo dục đã nhóm phiên đầu tiên tại khách sạn Hoàn-Mỹ, Saigon sáng ngày 25/6/1970.

Người ta đã biết Hội-đồng Văn-hóa Giáo dục gồm 45 hội viên chính thức và 15 dự khuyết, trong số này có 30 hội viên đã do các giáo chức công tư các cấp và các hội đoàn văn hóa bầu ra và 15 hội viên do Tổng-thống chỉ định. Trong số được bầu người ta thấy có những tên quen thuộc như: Ô. Ô. Bùi Xuân Bào, Tôn Thất Trình, Nghiêm Thâm, Nguyễn Phụng, Nguyễn Duy Cần, Thanh Lăng, Phạm Việt Tuyền, Toan Ánh, Giáp Văn Thập v.v... Trong số được chỉ định người ta thấy có: Ô. Ô. Thích Minh Châu, Bửu Dưỡng, Cao Văn Luật, Trần Ngọc Ninh, Đỗ Trọng Huề, Nghiêm Xuân Thiệu, Vũ Quốc Thông, Dương Thiệu Tống v.v., và đặc biệt là 2 nhà văn Võ Phiến và Bình Nguyên Lộc. Những cây bút quen thuộc với bạn đọc Bách-Khoa như Ô. Đoàn Nhật Gảo, nhà văn Võ Hồng cũng ở trong số hội viên dự khuyết.

Khi bầu cử các hội viên Hội-đồng V.H.G.D. năm ngoái, các báo đã đua nhau chỉ trích, dểu cợt những hội-đoàn văn-hóa dị-kỳ mà Phủ Quốc-vụ-khanh đặc trách văn-hóa đã có công sưu-tầm để đưa người vào Hội-đồng V.H.G.D. Người ta đã nói nhiều đến Hội khuyến lậ Cổ ca với Ô. Đỗ Văn Rỡ và Hội Thượng Công Qai Tế (Lăng Ông Bà Chiền)

và Tổng Hội Phụng Tự Thánh Thần với Ô Huỳnh Công Thanh là đại diện. Hội Điện ảnh Văn hóa Việt-Nam chỉ là hội văn hóa ở cái tên cổ thêm vào 2 chữ «văn hóa», còn về nghệ thuật Điện-ảnh thì Trung-âm quốc-gia Điện-ảnh lại không hề biết đến bao giờ vì ông đại diện hội này chỉ nhập cảng có phim... chụp ảnh mà thôi. Theo một tuần báo trào phúng tại Saigon cho biết thì Hội Thân hữu Văn-khoa chào đời cách đây 15 năm, đã vội đi ngay vào nơi An Nghỉ Đời Đời lâu bằng cả thời gian luân lạc của nàng Kiều, mà lúc có bầu cử, như có phép mầu, lại hồi sinh ngay để nhập vào Hội-đồng VHGD. Thành ra trong Hội đồng Văn hóa, ông Khoa trưởng Văn-khoa thì không được có mặt mà ông Thân - hữu Văn - khoa lại là hội viên chính thức! Có những hội đã hoạt động khá lâu năm, giới văn-hóa ai cũng biết, thì lại không được dự cuộc bầu cử như: Hội Khổng-học, Hội Liên-lạc Văn-hóa Á-Châu v.v... trong khi đó có những hội như Hội Vật-lý Việt-Nam thì được cử người đại diện. Trong dịp bầu cử sau này hẳn là người ta sẽ thấy vui vẻ, đông-đảo các hội như: Hội Hóa-học V.N., Hội Vạn-vật V.N, Hội Toán học V.N., Hội Công - dân giáo - dục V.N. v.v... (Hội Sử-Địa thì đã có các nhóm Nghiên-cứu Sử-Địa rồi). Sự có mặt của đại diện Hội phụ-huynh học-sinh đã làm ông Giáp-ăn-Thập phải khó nhọc thanh

minh trên báo « Loa » của ông. Nhưng chắc chắn không ai dị nghị về bằng cấp các hội viên to hay bé, nhiều hay ít, vì các nhà văn trong Hội-đồng nhiều người không có đến cả cái bằng « Chuyên viên cơ khí » mà ông Thập cho biết đã tốt nghiệp tại Nhứt bôn. Nhưng từ ông Chủ-tịch đến 45 hội viên ai chẳng là « phụ huynh học sinh », nên cái người đã quan niệm rằng phải có mặt thêm một vị đại-dân của « Hội phụ huynh học sinh » nữa mới làm được việc văn hóa giáo dục, thì người đó quả là một gã ma đầu.

Mặc dầu có một số đại diện các nhà gọi là văn-hóa như trên, người ta vẫn không thất vọng ở Hội đồng VHGD vì thành phần Hội đồng rất đông đảo các vị trí thức, các giáo sư Đại-học, các nhà văn, nhà biên khảo v.v.. và lại có tới 10 tu-sĩ (1 Phật-giáo và 9 Thiên Chúa giáo) vừa thoát tục vừa chữ-nghĩa đầy mình... Nhưng niềm tin cậy chỉ giữ được đến ngày 8-7 vừa qua, tới khi bầu Văn-phòng thường-trực. Văn phòng này ngoài Chủ tịch là P. Tổng-thống còn phải bầu 1 Phó Chủ tịch Văn hóa, 1 Phó Chủ tịch Giáo dục, 1 Tổng Thư ký, 1 Phó Tổng Thư ký và 9 Trưởng tiểu ban chuyên môn. Theo tin các báo thì ngoại trừ Ông Đỗ văn Rỡ (Khuyến lệ Cổ ca) xung phong ứng cử P. Chủ tịch Văn hóa và được P. Tổng thống khen là « dũng cảm », còn các vị khác đều e lệ, phải đề cử vào các chức vụ trên. Sau cùng Ô. Ô. Đỗ văn Rỡ, Cao văn Luận, Nghiêm Thâm tranh cử chức P. Chủ tịch Văn hóa, Ô. Ô. Trần ngọc Ninh, Bùi xuân Bào Vũ quốc Thông tranh cử chức P. Chủ tịch Giáo-dục; Ô. Ô. Đỗ Trọng Huề, Lê văn Danh, Dương Thiệu Tống tranh cử

chức Tổng thư ký; Ô.Ô. Trần văn Trí, Nguyễn quý Bồng, Nguyễn tiến Châu tranh cử chức Phó Tổng thư ký... Kết quả là : Gs. Bùi xuân Bào đã thắng Gs. Trần ngọc Ninh 25/14 phiếu trong chức vụ P. Chủ-tịch Giáo-dục và Ông Đỗ văn Rỡ đã thắng L.M. Cao văn Luận 23/11 phiếu ở « vòng đua » thứ 3 trong chức vụ P. Chủ tịch Văn-hóa. Sau khi có kết quả trên đây, Ô. Đỗ Trọng Huề đã xin rút lui ngay không ứng cử chức vụ Tổng thư ký nữa, rồi kể đó là Ô. Nguyễn quý Bồng cũng xin rút lui không ứng cử Phó Tổng thư ký, nên kết quả là Ô. Lê văn Danh và Ô. Trần văn Trí đã đắc cử vào 2 chức vụ này.

Dũng cảm ứng cử, sau ông Đỗ văn Rỡ, còn có ông Trần văn Ngọc vào chức vụ Trưởng ban bảo tồn di tích lịch sử và phát triển các cơ sở văn hóa và ông Giáp văn Thập vào Trưởng ban kỹ thuật chuyên nghiệp. Ông Trần văn Ngọc đã đắc cử vẻ vang vì không có ai tranh cử với ông, nhưng ông Giáp văn Thập đã thua ông Đỗ Thành Long, giáo chức ngành kỹ thuật chuyên nghiệp. Điều n.ộ là các chức vụ Trưởng ban và Phó Trưởng ban chuyên môn đều được bầu, chỉ riêng có Ban bảo tồn di tích lịch sử là Phó Trưởng ban được bầu cho nhà văn Toan-Ánh. Nhưng sau đó, nghe đâu phó trưởng ban Toan Ánh đã làm đơn xin từ chức rồi. Điều đáng ghi là các chức vụ trong Văn phòng thường trực, phần nhiều quý vị « hội viên được bầu » đều đã thắng quý vị « hội viên chỉ định » cả !

Một ký giả nhật báo khi tường thuật cuộc bầu cử trên đã viết : « Văn hóa tưởng chèo hất bỏ đã thắng thế... » ! Thực ra, không một ai có ác cảm gì với cá nhân ông Đỗ văn Rỡ, nhưng giá ông đắc cử Chủ tịch Hội-đồng Cổ ca

Hội đồng Hát bội hay Hội đồng Hành chánh gì đó, thì người nọ cũng hoan nghênh hết mình.

Ông đặc cử ở chức vụ Phó Chủ tịch Văn-hóa trưởng L.M. Cao văn Luận làm cho ai nấy đều tò mò muốn biết 23 phiếu bầu cho ông là của những vị văn-hóa nào vậy. Có người cho rằng những người bất mãn về việc bầu Ô. Rõ đều đã không chịu ứng cử vào các chức vụ Trưởng ban và P. Trưởng ban chuyên môn. Chẳng biết đó có phải là một cách tìm hiểu những vị hội-viên nào đã có mắt xanh

nhìn thấy khả năng lãnh đạo văn-hóa của ông Hội trưởng Hội khuyến lậ Cổ ca kiêm Hội trưởng Tổng Hội Phụng tự Thánh thần không.

Cũng may là Văn phòng thường trực cũng chỉ có nhiệm-kỳ một năm và Hội đồng V N G D cũng có nhiệm vụ tư vấn mà thôi. Nếu không dân chúng đã điêu linh vì "kiếm ước" lại còn chói tai nhức óc vì bảy võ tuồng hát bội do ông Văn hóa đã sáng tác.

THẾ NHÂN

Hai hội-nghị văn-học quốc-tế

Trong lịch sử Văn-bút Việt - nam, năm 1970 này ghi một thành tích đặc biệt, không tiền: tham dự Hội-nghị quốc-tế với một phái đoàn 15 người!

Thực ra, đối với thiên hạ, 15 người chưa là nhiều: phái đoàn Nhật gồm 39 vị, chưa kể các phu nhân; phái đoàn Đại-Hàn gồm sơ sơ 85 vị... Nhưng đối với hoàn cảnh nước ta, 15 người là một số lượng còn lâu mới vượt nổi.

Sự tham gia đông đảo của văn-nghe Việt Nam năm nay có nhiều lý do. Một phần vì ý định của hội Bút Việt muốn kéo nhau đi rút kinh nghiệm để tổ chức đại hội quốc tế tại Sài gòn trong những năm tới; một phần là nhờ sự can thiệp tận tình và hữu hiệu của Linh mục Thanh Lăng, Chủ - tịch hội, với chính quyền; một phần nữa có lẽ cũng là vì tính cách hấp dẫn của chương trình "hoạt động" một tuần lễ ở Đài-bắc một tuần lễ ở Hán-thành, lại một tuần lễ ghé hội chợ Osaka! Nghĩa là cả một cuộc du hành Á-châu với phí tổn tương đối nhẹ, so với phí tổn những cuộc phò hội các năm trước đây tại các xứ Âu Mỹ.

Hội-nghị Văn-bút Á châu lần thứ 3

hop tại Đài-Bắc từ ngày 15-6 đến ngày 21-6-1970, gồm có 18 phái đoàn cùng với 3 vị quan khách và 11 vị khách đặc biệt. Về phần các phái đoàn hùng hậu nhất tất nhiên là phái đoàn Trung-hoa với 36 vị; sau đó là phái đoàn Việt Nam; ít ỏi nhất là các phái đoàn Tích - lan, Cùi - lợi, Tân-gia-ba; mỗi xứ một người. Về phía các vị khách của hội nghị có cô bí thư của ông Tổng-thư-ký hội Văn-bút quốc-tế chẳng hạn. Lại còn như thành phần quan khách đặc biệt thì có ông bà Kawa-bata (giải Nobel 1963), ông văn sĩ Hoa kỳ Seiden Sticker, cô văn sĩ Úc Martyn No ma, ông thi sĩ thủ quỹ hội Văn-bút Pháp tên Claude des Pres'es v.v...

Một cuộc kiểm điểm qua loa như thế cho thấy đại khái một ý-niệm về thứ bậc trong làng văn, và cho thấy rằng Việt-nam ta không có ai là khách mời, cũng không có ai là khách đặc biệt của hội nghị. Danh giá nhất chỉ đến bậc đại biểu chính thức của phái đoàn gồm ông Nghiêm Xuân Việt, và nhất là ông Phạm Việt Tuyền, trưởng phái đoàn, được giới thiệu như một tiểu-thuyết-gia kiêm một thi nhân (Ấu sư văn-nghe số tháng 6-1970).

Phần quan yếu nhất của hội nghị là những cuộc thảo luận, những bài diễn văn... đọc tại phòng họp : Phần ấy tạp chí *Bách-Khoa* mong sẽ giới thiệu với bạn đọc trong số tới đây. (Tiếc rằng hai nhân vật nổi bật nhất của hội nghị là bác sĩ Lâm Ngữ Đường (Chủ tịch Văn hội Trung hoa) và nhà văn Yasunari Kawabata, cả hai người trên đều lên tiếng rất dài dòng mà lại đều ứng khẩu cả, nên chúng tôi không có bản văn trong tay).

Bên ngoài hội nghị là tiệc tùng, yến ẩm, du ngoạn.v.v... Và ban tổ chức, dưới quyền ông Tổng thư-ký Vương-Lam, có những sáng kiến lý thú. Giữa thời gian hội nghị, sau vài phiên họp có một buổi đi viếng thăm Bác vật viện, rồi lại có một ngày đi về miền Nam xem phong cảnh Hoa Liên rực rỡ...Rong chơi xong, trở về tiếp tục đàm đạo về văn chương thơ phú, đàm đạo rồi lại ngao du nữa : lần này đi dạo chơi trên hồ Nhật Nguyệt ở Đài trung.

Một chương trình vừa du vừa đàm, hữu tình như thế, đã tạo nên cơ hội hiếm có cho những liên-hệ tình-ảm tốt đẹp giữa văn-nghệ-sĩ đến từ bốn biên. Ba-tư với Việt-Nam, Trung-Hoa, Đại-Hàn với Việt-Nam chỉ còn trong gang tấc. Và đến ngày chia tay, có lẽ hầu hết đại biểu đều mang trong va-li hàng loạt hình chụp chung với nhau. Có những hình chụp chung với Kawabata, với Lâm Ngữ Đường, đầu bên đầu, vai kề vai, hoặc cho ng vai nhau, hoặc cặp tay nhau v.v... như thể bạn cố tri, nỗi khổ từ những bao giờ. Các hình ấy, có thứ in lên giấy, có thứ in lên đĩa sứ, có thứ đen, có thứ màu v.v... Một ngày kia, chắc hẳn nó sẽ được trưng lên bìa sách ở Sài Gòn, và bấy giờ thiên hạ tha hồ hiểu rõ là nhà văn Việt-Nam

cũng có cỡ lắm : « Không phải chơi đấy nhá ».

Nói về nhà văn Việt-nam ta, cả bên trong lẫn bên ngoài hội nghị, đều hoạt động hăng hái. Tại hội trường, các nhà văn Phạm viết Tuyền, Nghiêm xuân Việt, Dương đình Khuê lần lượt đăng đàn. Ngoài hội trường, các nhà thơ, nhà văn Lê văn Tuyền, Nguyễn thị Hoàng, Bùi xuân Uyên khoa động báo giới. Đặc biệt nhất là bữa tiệc khoản đãi hội Văn Trung-hoa : hoạt động ấy không có phái đoàn nào làm được.

Rời Đài bắc ngày 22-6, đề dự Hội nghị Văn bút quốc tế lần thứ 37 tại Hán-thành khai mạc vào ngày 28-6-70, phái đoàn chúng ta có một khoảng thời gian năm ngày để thăm viếng hội-chợ Osaka. Tại gian hàng Việt-nam ở hội chợ, không ngờ lại gặp vài khuôn mặt quen thuộc trong giới văn-nghệ : anh Nguyễn cao Đàm, chị Lê thị Hàn...

Hội nghị Văn-bút quốc-tế năm nay có những 40 phái đoàn tham dự (nhưng số quốc kỳ được trưng lên hình như chỉ độ 34 lá, vì có những phái đoàn đặc biệt, như : phái đoàn các nhà văn lưu vong ở Paris, lại có phái đoàn các nhà văn lưu vong ở Luân-đôn, có phái đoàn chi Iran thuộc chi-hội Teheran, lại có phái đoàn Iran thuộc chi-hội Shiraz v.v...,

Văn nhân nghệ sĩ bốn phương đến Đại-Hàn cũng được phân làm bốn hạng : hạng khách danh dự, hạng đại biểu chính thức, hạng đại biểu thường, và hạng quan sát viên. Vào hàng khách danh dự chẳng hạn, Đại-Hàn đem cây nhà lá vườn ra bày những năm vị ; các nước lớn như Anh, Mỹ, Pháp, Nhật, Ý v.v... đều có sản xuất được thứ nhân tài để làm khách danh dự cả ; nhỏ như Côte d'Ivoire cũng có một ông tiểu-thuyết-gia kiêm thi-

nhân làm khách danh dự chỉ có người An-Nam ta là khiêm nhường nên không có ai sang làm khách danh dự của Đại Hàn.

Và Đại-Hàn là một nước lễ nghĩa. Cho nên sự phân biệt thứ bậc ngay cả trong làng văn cũng rất mực phân minh. Khách danh dự của hội nghị thì được mời đăng đàn đọc diễn văn tràng giang, đại biểu thì chỉ được phát biểu trong vòng 7 phút : thời gian dành cho tư tưởng của khách lớn hơn thời gian dành cho tư tưởng của đại biểu từ 5 đến 10 lần. Nói như thế, ăn cũng đại khái có sự phân biệt như thế : có những bữa tiệc đắt giá một chút, tao nhân mặc khách xứ Đại Hàn tính lui tính tới thế nào bèn chia khách và đại biểu ra, có hạng được mời ăn, có hạng không mời mà được ghi tên và có thể cho phép đi ăn, có hạng không được phép đi ăn v.v..

Tất nhiên, những ngày ở Đại-Hàn khiến người ta thêm hiểu biết về tinh thần lễ nghĩa và lòng hiếu khách của dân tộc này, nhưng người ta càng hiểu kỹ hơn nữa về sự phát triển kinh tế rực rỡ của nước này : những người bạn ăn tiêu cần thận như thế mà không giàu nhanh thì đâu có thể bảo được là Trời có mắt ?

Cảm động nhất là ngày khai mạc hội nghị Tổng-thống Phác đến ngỏ mấy lời có ân cần dặn dò các nhà văn tứ xứ đến Hán-thành phó hội vào mùa hè, hãy bảo trọng tấm thân, gìn giữ sức khỏe; nhờ đó, suốt thời gian hội nghị dường như chẳng có ai đau ốm gì. Đề đề đáp lại, văn nhân bốn phương cũng được yêu cầu bảo vệ sức khỏe cho Tổng-thống Phác : Sáng 4-7, Tổng-thống đi đâu

đó trong đô thành, các phòng ngủ đều được lệnh vít cửa lớn cửa nhỏ kín mít.

Về phần phái đoàn ta, tại hội-trường có tiếng nói cất lên liên tiếp : tiếng nói của nhà văn Phạm Việt Tuyền, tiếng nói của nhà thơ Nghiêm Xuân Việt, tiếng nói của tiểu thuyết gia Bùi-Xuân-Uyên tiếng nói của các nhà văn Dương Đình Khuê, Nguyễn Sa, Lê văn Tuyền, Nguyễn thị Hoàng v.v.. Ngoài hội trường, báo chí Hán-thành cũng đặc biệt chú trọng đến các nhà văn, nhà thơ, Nghiêm xuân Việt, Nguyễn thị Hoàng, Bùi xuân Uyên.

Sau hội-nghị, ban tổ-chức cho đi chơi một vòng ở miền Nam Đại-Hàn : Pusan, Kyongju, Taegu... Trời mưa lâm râm. Bộ đồ tắm biển mà ban tổ chức căn dặn mang theo, được cất kỹ trong va-li.

Về đến phi trường Tân-sơn-nhất : trời đổ mưa nặng hạt. Tòa Đại sứ Đại-hàn đến trao tay mỗi đại-biểu một bó-hoa hồng. "*Một bông hồng cho văn nghệ*" : ai nấy nhoẻn cười, kể cả thi sĩ Nguyễn Sa, người đã bỏ ra 120 Mỹ-kim tại Hồng Kông vì sự sơ xuất của hãng Hàng không Đại Hàn. (Kể về chuyện tiền bạc, không phải Nguyễn-Sa là kẻ thiệt thòi nhất. Trong ngót tháng trời ở ngoại quốc, tại các khách sạn, phái đoàn 15 người chia làm 7 cặp; mỗi cặp chia nhau tiền ngủ một phòng; ngoại trừ nhà văn Nguyễn thị Hoàng luôn luôn trả giá gấp đôi vì không chia xẻ sự cô đơn cho ai được. Cái giá khá đắt của sự cô đơn ấy, nói theo lối của ông bạn Thu-Thủy trên *Bách Khoa* số vừa qua cho rằng nhà văn Bùi xuân Uyên là "Người cày có ruộng" duy nhất của phái đoàn thì trong trường hợp nữ-sĩ họ Nguyễn có thể bảo là thứ thuế của cáo

chính phủ Á-Châu đánh vào mảnh ruộng bỏ hoang.

Của chó và người

Giáo sư Konrad Lorenz năm nay đã 67 tuổi, chuyên khảo về tâm lý thú vật.

Được hỏi giữa thú và người có những chỗ giống nhau chăng; giáo sư bảo có nhiều chỗ:

Lại hỏi về phong trào giới trẻ phản đối, kết tội giới già, sinh viên kết tội thầy giáo trong xã hội hiện tại, giáo sư bảo rằng hiện tượng ấy có thể sánh với một điểm tâm lý của loài chó.

Chó, càng bị đánh nó càng tự thấy có lỗi, càng van lơn. Các bậc cha, bậc thầy, càng bị con cháu và học trò xỉ vả, càng tưởng tượng ra những tội lỗi đầy đầu và càng khuất nhục thảm hại. Từ đó cứ việc kết tội, tự khắc các đảng sư phụ sẽ tự chứng minh phần lỗi về mình ngay. Đó là công việc của họ, giới trẻ khỏi cần bận tâm băn khoăn.

Cái tôi đáng yêu

Từ cả tháng nay, cuốn sách tiếng Pháp được độc giả nước Pháp khoái độ: nhất là cuốn... *Des Français* của Roger Peyrefitte.

Nghe nói cuốn *Người Việt cao quý*, bản Việt văn, lại sắp tái bản nữa.

Cho hay không có cái thú nào bằng cái thú tự ngắm nghĩa mình.

TRĂNG THIÊN

7-70

Exodus di cư

Như cái tên tiền định, cuốn trường giang tiểu thuyết *Exodus* của Léon Uris do nhà văn Thế-Uyên dịch cho nhà Lá Bối đã phải di cư sang nhà An Tiêm.

Lý do: trong hoàn cảnh khó khăn hiện tại của ngành xuất bản, Lá Bối chỉ đủ sức in thêm một cuốn... nặng nữa là bộ Sử ký của Tư Mã Thiên — không thể đương được thêm trong năm nay *Exodus* có chiều dài bằng nửa bộ *Chiến tranh và Hòa bình*.

Đề dịch và viết các bài phụ lục cho *Exodus*, nhà văn Thế Uyên đã làm việc với tốc lực tối đa: 4 tháng 1 tuần. Và nghe đâu anh còn định, khi phát hành cuốn này — trễ nhất là vào tháng 10 — sẽ phối hợp với nhà An Tiêm để tổ chức một buổi diễn thuyết với các người trẻ Việt-nam về đề tài: "Từ kinh nghiệm lập quốc Do-thái tới hình thành một xã hội mới hội mới tại Cao-nguyên Việt-nam". "Xã hội mới" đây chắc hẳn là xã-hội... hậu chiến!

Cây bút

Một hội viên Bút Việt đi dự các hội nghị Á-Châu và quốc tế của Văn bút trở về Saigon, mặt mày rạng rỡ, hân hoan như còn đượm không khí thảo luận về « văn hài-hước » ở Hán Thành, thì gặp nhà thơ Hoài Khanh, mặt mũi bơ phờ vì đương lo in cho xong mấy cuốn sách mà nhà Ca-dao của anh sắp phát hành. Rồi đã có một cuộc đàm-thoại như sau:

— Sao năm nay phái đoàn Văn-bút V.N. đi dự đông quá vậy?

— Vì ngàn năm một thuở các hội nghị này mới họp ở Á-Châu, lại ở 2 nước gần nhau, nên đi lại tốn phí ít, tự túc được, nhiều người mới dám đi chứ.

— Điều kiện đi ra sao?

— Thì là hội viên Văn bút, nghĩa là anh có một... cây bút sắc bén, cứng

mạnh, mang theo là đủ rồi. Một cây bút văn chương như vậy ở Peitou họ chỉ gọi là « pencil » thôi...

— Sao có người không đi được ?

— Thì bút cũng phải sử dụng luôn, viết lách luôn mới mang đi được chứ,

có người mang bút mà không sử dụng thì ra ngoài làm gì. Vả chẳng : « Bút kia chẳng rửa chẳng mài ; Cũng thành vô dụng cũng hoài bút đi. » Anh không thấy vậy sao.

THU - THỦY

CHÚC MỪNG

HÀ NGUYỄN THẠCH và NGUYỄN THỊ TIẾT HẠNH
trăm năm hạnh phúc

Xuân Hiến, Vũ Hạnh, Võ Phiến, Lê Châu

Đã phát hành

Tập san SỬ ĐỊA số 17-18

« MỘT NỘI DUNG VÔ CÙNG PHONG PHÚ »

Tài liệu của những chứng nhân quan trọng đối với tài-liệu của SỞ MẬT THAM ĐÔNG DƯƠNG và ĐÔNG - DƯƠNG CỘNG SẢN ĐẢNG.

Cuộc bảo hộ và đô hộ CAO MIÊN dưới thời nhà Nguyễn.

Cùng hơn 250 trang khảo cứu giá trị của các học-giả danh tiếng : HOANG XUÂN HÃN, PHAN KHOANG, BỬU CẦM, NGUYỄN VĂN-HẦU, BÙI QUANG TUNG, TÔ NAM, PHỦ LANG, TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG, ĐÔNG TÙNG...

Những người thông kim bác cổ và yêu quê hương không thể thiếu TẬP SAN SỬ-ĐỊA, một món ăn tinh thần thanh cao, một công trình biên khảo rất quý giá và hiếm có.

Có bán tại N-À-SÁCH KHAI-TRÍ
và các NHÀ-SÁCH lớn toàn quốc

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Hiện diện** số 1 ngày 1-7-1970, nguyệt san của Sinh viên Công giáo Việt Nam do Ô. Phạm Long Tiên Chủ nhiệm, Ô. Nguyễn Trần Quý Chủ bút và Ô. Nguyễn Trọng Thiệt Quản lý: Báo quán 43 Nguyễn Thông Sài Gòn. Mỗi số dày 32 trang khổ 20 x 28 gồm những bài về sinh viên tranh đấu, về giáo dục, về quân trường v.v... cùng thơ, truyện, đoản văn. Giá 40đ.

— **Khai Phóng** số 4 và 5 (tháng 6 và 7/70) kỷ niệm đệ nhất chu niên; Diễn đàn văn hóa, Giáo dục, Xã hội, Tiếng nói của P.H.H.S. Khánh-Hòa. Mỗi số dày 160 trang gồm những bài tiểu luận, biên khảo, thơ, đoản văn, truyện, phóng văn... Về nhiều vấn đề giáo dục, văn hóa hóa chung và nhiều vấn đề riêng biệt của địa phương.

Văn-học Hà-Tiên.— của Đông Hồ do Quỳnh Lâm xuất bản và nữ sĩ Mộng-Tuyệt gửi tặng. Văn học, Miền Nam, Văn học Hà Tiên, Thi phái Chiêu Anh Các với Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh, do thi sĩ Đông Hồ biên soạn, khóa giảng chứng chỉ văn chương Quốc âm Trường Đại học Văn-khoa, dày 312 trang có Lời bạt của L.M Thanh-Lãng. Bản đặc biệt. Giá bán thường : 350đ

— **Trời xanh trên mái cao.**— truyện dài của Nguyễn thị Hoàng do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 118 trang; Giá nhất định 50đ.

Sáng lập : HUỲNH-VĂN-LANG
Chủ nhiệm : HOÀNG MINH TUYNH
Chủ bút : LÊ-NGỘ-CHÂU
Thư ký Tòa soạn : TÔN-THẮT-HÀM
Quản lý : NGHIÊM-NGỌC-HUÂN
NGUYỄN-HUY-NHÂN

THI-CA NỮ GIỚI

Chúng tôi đang biên soạn

NHỮNG BÔNG HOA BIẾT NÓI

Thi-ca Nữ giới Việt Nam 1945-1970

Rất mong sự góp mặt của quý Nữ sĩ. Xin vui lòng gửi cho chúng tôi :

1- 10 bài thơ 2- Một tấm ảnh 6x9. 3- Đôi giòng tiểu sử.

Theo địa chỉ :

LƯƠNG TRỌNG MINH Giáo sư Trung Học Bồ Đề — QUÍ NHƠN

DÀNH HẾT TÌNH YÊU CHO NGƯỜI TRONG

thơ tình của một thi sĩ việt nam trên đất mỹ

thơ phương tấn — người-trẻ-Việt-Nam tái bản

mọi liên lạc với nhà xuất bản ntvn

220/150/17 trương minh giảng Saigon